

UBND TỈNH THANH HÓA      BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
THANH HÓA

Lê Thị Oanh

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI  
ĐỐI VỚI PHỤ NỮ HUYỆN ĐÔNG SƠN,  
TỈNH THANH HÓA

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

Thanh Hóa, 2023

UBND TỈNH THANH HÓA                      BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
THANH HÓA

Lê Thị Oanh

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI  
ĐỐI VỚI PHỤ NỮ HUYỆN ĐÔNG SƠN,  
TỈNH THANH HÓA**

Chuyên ngành: Quản lý công

Mã số: 8340403

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đoàn Văn Trường

Thanh Hóa, 2023

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá*” là công trình nghiên cứu của bản thân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Đoàn Văn Trường.

Các số liệu, thông tin trích dẫn trong đề tài nghiên cứu này đều được chỉ rõ nguồn gốc, trung thực, nội dung của luận văn này chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

**Tác giả luận văn**

**Lê Thị Oanh**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	i
<b>MỤC LỤC</b> .....	ii
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	v
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	vi
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ</b> .....	vii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	4
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	9
5. Phương pháp nghiên cứu .....	9
6. Những đóng góp của luận văn .....	12
7. Bố cục luận văn.....	13
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM HUYỆN ĐÔNG SƠN</b> .....	14
1.1. Cơ sở lý luận .....	14
1.1.1. Khái niệm an sinh xã hội .....	14
1.1.2. Chính sách an sinh xã hội .....	16
1.1.3. Khái niệm phụ nữ.....	21
1.1.4. Đặc điểm của an sinh xã hội đối với phụ nữ.....	22
1.1.5. Vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.....	24
1.2. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.....	25
1.2.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội đối với phụ nữ ..	25
1.2.2. Hệ thống chính sách an sinh xã hội cụ thể đối với phụ nữ .....	27

1.3. Đặc điểm tự nhiên và tình hình kinh tế xã hội ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tác động đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.....	33
1.3.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội.....	33
1.3.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội.....	35
1.3.3. Khái quát về tình hình phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ....	37
1.3.4. Cơ cấu tổ chức cơ quan thực hiện chính sách an sinh xã hội huyện Đông Sơn.....	40
Tiểu kết chương 1 .....	43
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA....</b>	<b>45</b>
2.1. Thực trạng triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn .....	45
2.1.1. Thực trạng chủ thể thực hiện chính sách an sinh xã hội.....	45
2.1.2. Các bước tổ chức triển khai thực hiện .....	46
2.2. Thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn.....	51
2.2.1. Chính sách về việc làm, đảm bảo thu nhập cho phụ nữ .....	51
2.2.2. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với phụ nữ.....	58
2.2.3. Chính sách trợ giúp xã hội đối với phụ nữ .....	63
2.2.4. Các dịch vụ xã hội cơ bản.....	65
2.3. Đánh giá chung kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa .....	73
2.3.1. Kết quả đạt được .....	73
2.3.2. Hạn chế.....	76
2.3.3. Bài học kinh nghiệm .....	79
Tiểu kết chương 2 .....	80

<b>Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA.....</b>	<b>82</b>
3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn .....	82
3.1.1. Phương hướng chung .....	82
3.1.2. Phương hướng cụ thể .....	82
3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.....	91
3.2.1. Giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội .....	91
3.2.2. Tăng cường công tác phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội.....	92
3.2.3. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.....	92
3.2.4. Củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức thực thi chính sách an sinh xã hội và cải cách hành chính trong lĩnh vực an sinh xã hội....	94
3.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.....	96
Tiêu kết chương 3 .....	97
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>98</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>100</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>111</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
ASXH	An sinh xã hội
BĐG	Bình đẳng giới
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHXHTN	Bảo hiểm xã hội tự nguyện
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHYTTN	Bảo hiểm y tế tự nguyện
BTXH	Bảo trợ xã hội
DN	Doanh nghiệp
GQVL	Giải quyết việc làm
HLHPN	Hội liên hiệp phụ nữ
HTX	Hợp tác xã
KT - XH	Kinh tế - xã hội
LĐ - TB &XH	Lao động - thương binh và xã hội
LĐDC	Lao động di cư
LĐLĐ	Liên đoàn lao động
LĐN	Lao động nữ
NHCSXH	Ngân hàng chính sách xã hội
NSNN	Ngân sách Nhà nước
PNĐT	Phụ nữ đơn thân
PNKN	Phụ nữ khởi nghiệp
TGXH	Trợ giúp xã hội
UBND	Ủy ban nhân dân
UN WOMEN	Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
VSTBPN	Vì sự tiến bộ phụ nữ
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
XKLĐ	Xuất khẩu lao động

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1.	Phụ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025....	38
Bảng 2.2.	Phụ nữ tham gia tổ chức chính quyền nhiệm kỳ 2016-2021 và 2021-2026 .....	39
Bảng 2.3.	Số liệu tham gia BHYT, BHXH giai đoạn 2018 - 2022.....	60
Bảng 2.4.	Đối tượng BHXH nữ giai đoạn 2018 - 2022.....	63
Bảng 2.5.	Kết quả cho vay nhà ở đối với phụ nữ từ năm 2018 - 2022 .....	68
Bảng 2.6.	Nguồn tiếp cận thông tin của phụ nữ về chính sách an sinh xã hội tại các điểm nghiên cứu .....	70



**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ**

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức Phòng LĐ Thương binh xã hội huyện Đông Sơn..	42
Biểu đồ 2.1. Nữ lao động qua đào tạo từ 2018 đến 2022 .....	52
Biểu đồ 2.2. Lao động nữ có việc làm huyện Đông Sơn từ 2018 - 2022 .....	53
Biểu đồ 2.3. Lao động nữ làm việc tại nước ngoài từ 2018-2022 .....	54
Biểu đồ 2.4. Tiếp cận các nguồn vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm .....	57
Biểu đồ 2.5. Kết quả điều tra bảng hỏi tâm quan trọng của BHXHTN.....	61
Biểu đồ 2.6. Đánh giá về kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ giai đoạn 2018 - 2022 .....	74

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

An sinh xã hội (ASXH) là một thành tố quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia, là điều kiện cần để duy trì ổn định kinh tế - xã hội đảm bảo xây dựng một xã hội hài hòa, văn minh. Do đó, nhiều nước trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và không ngừng cải cách hệ thống an sinh xã hội để người dân được dễ dàng tiếp cận và được hưởng lợi từ những chính sách này.

Công tác thực hiện chính sách ASXH những năm qua, được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, chú trọng nhằm chăm lo đời sống của nhân dân. Đây được xem là sách lược lâu dài, là động lực và là mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội bền vững. Trong đó, phải kể đến các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ như công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ với nhiều chủ trương, chính sách cụ thể: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001) chỉ rõ: “Đối với phụ nữ, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” [35].

Đại hội lần thứ X của Đảng (2011) tiếp tục khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và

hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ” [36]. Đặc biệt, ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về “*Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” là Nghị quyết được ban hành sau hơn 10 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW về công tác cán bộ nữ và trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế thế giới [14].

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em” [39].

Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; Xác định công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình; của bản thân chị em phụ nữ; Chăm lo cho phụ nữ tiến bộ về mọi mặt, quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ [14].

Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa có hơn 24.764 hộ, với 86.246 nhân khẩu, trong đó có 43.549 nhân khẩu nữ chiếm 50,5% tổng dân số của huyện. Trong những năm qua huyện không ngừng quan tâm, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, chú trọng đến công tác đào tạo mở 59 lớp dạy nghề cho 1.800 lao động, tạo việc làm mới cho 11.121 lao động, trong đó XKLD 2.500 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 78%, chứng chỉ nghề đạt 26%. Thực hiện có hiệu quả về chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 10,6 (năm 2018) xuống 0,15% (năm 2022). Đặc biệt, huyện Đông Sơn cũng luôn quan tâm chú trọng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ, nhất là những phụ nữ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn và thuộc các đối tượng chính sách [88].

Nhằm thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện đã chỉ đạo cho các tổ chức hội đoàn thể từ huyện đến xã rà soát các hộ nghèo, cận nghèo do hội viên, phụ nữ làm chủ để xây dựng kế hoạch và triển khai nhiều giải pháp giúp các hộ bằng các hình thức như: hỗ trợ cho vay vốn, tập huấn khoa học - kỹ thuật, dạy nghề, trao con giống tình thương, hỗ trợ ngày công... Ban chỉ đạo liên tịch số 01-02 và Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện chỉ đạo phối hợp với các tổ chức đoàn thể nhận ủy thác các nguồn vốn vay ngân hàng cho hơn 5.117 lượt hộ vay. Từ nguồn vốn này, phụ nữ nghèo, phụ nữ có nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất đã sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả. Ra mắt 2 HTX rau an toàn và HTX dịch vụ môi trường. Có 14 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được thành lập. Các hoạt động trên đã góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân trong huyện, đặc biệt là mang lại hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội một cách thiết thực [88].

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số bộ phận phụ nữ đời sống còn gặp nhiều khó khăn, còn 78/112 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ (hộ nghèo BTXH), công việc còn bấp bênh chưa ổn định, chưa tiếp cận được với các

chính sách an sinh xã hội do nhiều nguyên nhân khác nhau.... Vì thế chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ cần phải được chú trọng, quan tâm một cách đúng mức để phụ nữ được tiếp cận gần và sớm nhất. Bản thân từng là cán bộ hội phụ nữ, tôi nhận thấy việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ cần phải được quan tâm, nghiên cứu, đánh giá một cách khoa học và hệ thống. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ nhằm giúp đỡ, hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện chính sách an sinh hiệu quả, mang tính bền vững, nên học viên đã chọn đề tài “***Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa***” làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ, chuyên ngành Quản lý Công.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

### ***2.1. Nghiên cứu nước ngoài***

ASXH là một trong những vấn đề quan trọng có tính công bằng và mang lại sự ổn định trong sự phát triển chính trị của mỗi quốc gia. Nghiên cứu về ASXH vì thế cũng thu hút được một lượng lớn các học giả, các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu khá lâu. Tuy nhiên, nghiên cứu về chính sách ASXH đối với phụ nữ các nghiên cứu trên thế giới chưa có nhiều, đa số là lồng ghép vào các nghiên cứu chung về ASXH.

Tác phẩm “Social Security, Medicare & Government Pensions” (ASXH, chăm sóc y tế và trợ cấp chính phủ) Của Joseph Matthews Attorney đi sâu bàn về lợi ích và hệ thống chăm sóc y tế, nhà ở xã hội, tiền lương hưu, chính sách cho những người có công với đất nước và cách thức để đảm bảo BHYT tốt nhất [100].

Nghiên cứu “Women and Social Security in the United States” (Phụ nữ và An sinh xã hội ở Hoa Kỳ) của Lenore E. Bixby”. Tập trung quan tâm

về cách đối xử với phụ nữ trong hệ thống an sinh tại Hoa Kỳ. Những đề xuất để thay đổi vị trí của những người phụ nữ nội trợ đi làm theo các chương trình và các điều khoản để bảo vệ phụ nữ. Vị thế quyền lợi của phụ nữ với tư cách là người lao động phụ thuộc được quan tâm để có cái nhìn tổng thể về mức trợ cấp và mức độ những người phụ nữ có thể nhận trợ. Tuy nhiên, vẫn có nhiều tranh cãi về những chính sách trợ cấp và hiệu quả của chúng trong giai đoạn này [101].

Báo cáo “Women’s Social Security and Protection in India” (An sinh xã hội và Bảo vệ phụ nữ ở Ấn Độ) của tác giả Meenakshi Ahluwalia. Bài nghiên cứu xác định và đưa ra các quan điểm khác nhau về vấn đề an sinh xã hội cho phụ nữ ở Ấn Độ bằng cách tập hợp nhiều người tham gia từ Chính phủ, công đoàn, tổ chức phụ nữ và các cơ quan của Liên Hợp Quốc trên một nền tảng chung. Do đó, báo cáo là bước đầu tiên để đảm bảo rằng tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe và các tình huống thực tế của họ được hiểu khi các thách thức liên quan đến an sinh xã hội và bảo vệ họ đang được giải quyết và thực hiện. [103].

Tác giả Nguyễn Thị Lan Hương và nhóm nghiên cứu, đã có báo cáo về an sinh xã hội đối với phụ nữ và Trẻ em gái ở Việt Nam. Đây là nghiên cứu trong khuôn khổ hợp tác giữa Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) tại Việt Nam và Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) được hỗ trợ bởi Chính phủ Úc được xuất bản lần thứ nhất năm 2015. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu xác định những vấn đề và thách thức về khía cạnh bình đẳng giới trong hệ thống chính sách an sinh xã hội (ASXH) hiện hành; đánh giá thực trạng thực hiện ASXH đối với phụ nữ và trẻ em gái giai đoạn 2012-2020 trong phạm vi quốc gia và ở 3 tỉnh là Thái Nguyên, Thanh Hóa và Đồng Nai. Dự báo một số chỉ tiêu ASXH đối với phụ nữ và trẻ em gái giai đoạn 2014-2020; và đề xuất một số khuyến nghị nhằm

tăng cường tiếp cận và thụ hưởng của phụ nữ và trẻ em gái từ hệ thống an sinh xã hội Việt Nam. Báo cáo này trình bày những phát hiện chính từ nghiên cứu. Báo cáo được công bố với các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm tiếp tục thu thập thêm ý kiến về chủ đề “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ và trẻ em gái vào hệ thống ASXH” [92].

Công trình nghiên cứu “Social Security For Dummies” của tác giả Jonathan Peterson, đã đề cập đến các vấn đề ASXH của Hoa Kỳ với một số nội dung: Giải thích lịch sử, quy định, và những thay đổi đáng kể ASXH Hoa Kỳ, cũng như cân nhắc về tương lai của chương trình; Phân tích toàn diện các chương trình được tài trợ bởi Cơ quan Quản lý ASXH; Những thách thức và cân nhắc cho những người có hoàn cảnh đặc biệt [99].

Công trình nghiên cứu “The Role of Women in the Economic Development of Afghanistan” (Vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế của Afghanistan) của nhóm tác giả Madina Junussova, Mariia Iamshchikova, Naveen Hashim, Muhammad Ajmal Khan, Pakiza Kakar, Freshta Wardak và Shukria Rajabi nghiên cứu về các chính sách của chính phủ đối với phụ nữ Afghanistan cung cấp quyền tiếp cận nguồn lực, tham gia nền kinh tế. Tuy nhiên, chính sách lấy phụ nữ là trung tâm vẫn còn hạn chế do chưa có cái nhìn sự bình đẳng từ cộng đồng. Đồng thời nghiên cứu cũng nêu lên sự cần thiết trao quyền kinh tế cho phụ nữ để họ có cơ hội đổi mới tham gia phát triển kinh tế tại địa phương [102].

## ***2.2. Nghiên cứu trong nước***

Phụ nữ là luôn là đề tài thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia, được phản ánh qua các bài viết trên các tạp chí, sách báo, các đề tài nghiên cứu khoa học hay phương tiện truyền thông dưới nhiều góc độ khác nhau.

Trong các nghiên cứu khoa học xã hội thì vấn đề thực hiện chính sách an sinh xã hội đối phụ nữ còn chưa được đề cập nhiều. Chủ yếu các công trình

ngiên cứu về phụ nữ nông thôn, các công trình nghiên cứu về phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân và các nghiên cứu về ly hôn, nội dung về chính sách an sinh đối với phụ nữ chỉ được thể hiện đan xen, lồng ghép.

“Vấn đề phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001- 2010” (2002), của Vụ Tổng hợp - Pháp chế (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) phối hợp với Nhà xuất bản Lao động - Xã hội biên soạn. Cuốn sách cũng cung cấp cho chúng ta đường hướng chính trong việc thúc đẩy quyền của phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001 - 2010, nhằm giúp các nhà nghiên cứu, các chuyên gia và cán bộ làm công tác xã hội trong lĩnh vực bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, hệ thống hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các giải pháp của Nhà nước và chương trình hành động quốc gia trong lĩnh vực này [15].

Cuốn sách “Gia đình học” (2007), của tác giả Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý, NXB Lý luận Chính trị, trình bày một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về gia đình, phụ nữ, bình đẳng nam nữ. Cuốn sách đã nêu ra nhiều thực trạng bất bình đẳng giới trong gia đình, các mối quan hệ gia đình từ truyền thống đến hiện đại, phân tích một số vấn đề về nghèo đói ảnh hưởng đến gia đình và các thành viên gia đình, chất lượng sống của gia đình và vị thế của phụ nữ nói chung và phụ nữ nghèo nói riêng thông qua các điều tra xã hội học. Từ đó các tác giả đã đưa ra biện pháp nhằm nâng cao vai trò của người phụ nữ, sự bình đẳng giới trong gia đình và trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [58].

Việt Nam hiện có một số nghiên cứu, thống kê về số lượng hay thực trạng thực hiện chính sách đối với phụ trên một số phương diện, nhưng chưa có nghiên cứu sâu về phụ nữ tại một số địa phương ở khu vực nông thôn. Những nghiên cứu, tài liệu trên đã cung cấp nhiều thông tin tham khảo và cách tiếp cận công tác an sinh, hỗ trợ phụ nữ ở nhiều khía cạnh khác nhau.



Tuy nhiên chưa có một công trình hay đề tài nào đề cập đầy đủ, toàn diện và có hệ thống về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ dưới góc nhìn và phương pháp tiếp cận của ngành Quản lý Công. Qua khảo sát thực tế tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cùng với tham khảo và tiếp thu chọn lọc từ tài liệu, công trình nghiên cứu nêu trên để đánh giá, phân tích một cách khoa học về quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ, nhận thấy những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện đưa chính sách vào đời sống.

Với đề tài này tác giả mong muốn đánh giá một cách khách quan thực tiễn tính ứng dụng của chính sách an sinh và những vướng mắc, hạn chế nhằm phát huy tối đa tính thực tiễn, giúp đối tượng là phụ nữ vươn lên và được quan tâm hơn trong xã hội. Đồng thời cũng khẳng định về sự cần thiết, vai trò của quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ một cách hiệu quả nhất.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội với phụ nữ. Từ đó Luận văn cũng đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ từ thực tiễn tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

*Thứ nhất*, Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.

*Thứ hai*, Phân tích thực trạng và đánh giá kết quả trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn.

*Thứ ba*, Vận dụng các chính sách liên quan để giúp đỡ phụ nữ giải quyết vấn đề đang còn khó khăn, vướng mắc góp phần nâng cao chất lượng, phát triển đời sống đối với phụ nữ.

*Thứ tư*, Đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối phụ nữ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện Đông Sơn.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi không gian: huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Phạm vi Thời gian: năm 2018 đến năm 2022, các số liệu thống kê, phân tích thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn trong 5 năm gần đây và những yêu cầu giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trong những năm tiếp theo.

Phạm vi nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Phương pháp luận**

Phương pháp luận là hệ thống lý luận về phương pháp nghiên cứu, phương pháp nhận thức và cải tạo hiện thực, là hệ thống chặt chẽ các quan điểm, nguyên lý chỉ đạo tìm kiếm, xây dựng lựa chọn và vận dụng các phương pháp. Tất cả những nguyên lý nào có tác dụng gợi mở, định hướng, chỉ đạo đều là những lý luận và nguyên lý có nghĩa phương pháp luận.

Phương pháp duy vật lịch sử, khi nghiên cứu đòi hỏi phải đặt đối tượng, cụ thể ở đây là công tác quản lý nhà nước về chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trong điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, hoàn cảnh môi trường xã hội, thời gian cụ thể mà các hoạt động được triển khai. Phương pháp duy vật lịch sử cũng đòi hỏi khi nghiên cứu phải nắm vững những quan

điểm, chủ trương, đường lối ứng với những thời điểm, giai đoạn cụ thể đề ra những phương hướng, giải pháp phù hợp.

## ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

### ***5.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu***

Sử dụng các phương pháp nhằm thu thập thông tin về đối tượng phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, các số liệu, tài liệu từ các báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội; Các nguồn tài liệu từ Hội Liên hiệp phụ nữ, UBND huyện, các xã, thị trấn; cơ quan BHXH, Ngân hàng CSXH huyện và một số cơ quan, tổ chức có liên quan có những thông tin liên quan nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

Mục đích của phương pháp: Thu thập những nội dung thông tin dựa trên cơ sở lý thuyết có liên quan đến Chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ; Việc áp dụng những chính sách trước đó đã tạo nên thành quả đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương; Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các chính sách an sinh xã hội mà đối tượng đã được tiếp cận; Các số liệu đã thống kê trong những năm gần đây nhằm đánh giá kết quả thực hiện việc hỗ trợ đối với phụ nữ nghèo, những hiệu quả, khó khăn, tồn tại và biện pháp khắc phục khó khăn đã triển khai trên địa bàn huyện Đông Sơn. Để phân tích, nghiên cứu nội dung đề tài này tác giả đã sử dụng các tài liệu bao gồm:

Các văn bản, báo cáo Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội; Kết quả điều tra, rà soát các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội từ năm 2018 đến năm 2022; Báo cáo công tác thực hiện chương trình công tác Hội LHPN, công tác thực hiện Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của Phụ nữ; Kết quả thực hiện các năm của Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng CSXH; Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

### 5.2.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi

Thu thập những thông tin qua việc sử dụng bảng hỏi soạn sẵn, phát phát bảng hỏi, hướng dẫn cách trả lời đối với các đối tượng là phụ nữ, họ sẽ tự mình điền câu trả lời ra phiếu bảng hỏi, sau đó thu lại và xử lý số liệu.

Số lượng mẫu nghiên cứu là 200 PN độ tuổi từ 18 đến 59 tuổi.

Nội dung yêu cầu của bảng hỏi: Thu thập thông tin cơ bản về hộ phụ nữ; Đặc điểm tâm lý và nhu cầu của phụ nữ nghèo; Đánh giá thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn; Đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ.

### 5.2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn và phỏng vấn sâu 15 đối tượng cụ thể:

05 cán bộ, lãnh đạo chính quyền, công chức địa phương; 02 cán bộ Hội, 05 phụ nữ; 03 người dân.

Nội dung phỏng vấn sâu:

Chủ tịch Hội LHPN huyện (01): Nhằm tìm hiểu về các đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với phụ nữ, những chương trình, dự án, đề án riêng của địa phương. Tìm hiểu các hoạt động của Hội nhằm thúc đẩy nguồn lực, hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ, giúp phụ nữ tiếp cận gần hơn với chính sách. Đánh giá về hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trong những năm qua.

Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (01): Nhằm nắm bắt và đánh giá sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với PN trên địa bàn. Phát huy hiệu quả của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đối với các hoạt động giúp đỡ phụ nữ tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

Phòng LĐTBXH huyện (01): Tìm hiểu các hoạt động, công tác triển khai, những giải pháp, kết nối các nguồn lực để thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ hiệu quả.

Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã (02): Tìm hiểu công tác vận động, tuyên truyền, phối hợp giữa Hội phụ nữ với các Hội cấp trên, các ban, ngành tạo các nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ hội viên, tạo sự kết nối tương trợ giúp đỡ phụ nữ.

Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã (01): Tìm hiểu công tác tập hợp đoàn kết của UBMTTQ thực hiện kêu gọi vận động các nguồn lực nhằm hỗ trợ đối với Phụ nữ.

Công chức chính sách xã (01): Tìm hiểu về quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại địa phương, những khó khăn trong tiếp cận và hỗ trợ phụ nữ nghèo và phụ nữ là đối tượng bảo trợ xã hội.

Phụ nữ (5): Tìm hiểu sâu về hoàn cảnh, những khó khăn và tâm tư nguyện vọng của phụ nữ về đời sống vật chất, tinh thần. Đánh giá của phụ nữ về những thuận lợi, khó khăn, điểm mạnh, điểm yếu cũng như hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ. Phỏng vấn tập trung vào các trường hợp sau:

Phụ nữ làm việc tại các doanh nghiệp, Phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; Phụ nữ là lãnh đạo, quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Phụ nữ có hoàn cảnh khác...

Người dân trên địa bàn (03): Tìm hiểu về các phương thức của người dân giúp đỡ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng được hưởng chính sách. Đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ của chính quyền từ huyện đến thôn, xóm.

## **6. Những đóng góp của luận văn**

### ***6.1. Về mặt khoa học***

Luận văn nhằm mong muốn đem đến cái nhìn khái quát nhất về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn; đồng thời

trong quá trình nghiên cứu với các tư liệu đã thu thập được sẽ góp phần làm đa dạng nguồn tài liệu tham khảo và các chủ đề nghiên cứu khoa học ngành Quản lý Công.

### ***6.2. Về mặt thực tiễn***

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội và đời sống của phụ nữ thông qua tìm hiểu những thông tin chung, khó khăn, nhu cầu và sự tiếp cận chính sách an sinh xã hội của phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện các chương trình, chính sách an sinh xã hội và hiệu quả mang lại đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn.

### **7. Bộ cục luận văn**

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm 03 chương như sau:

***Chương 1:*** Cơ sở lý luận về thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ và khái quát đặc điểm huyện Đông Sơn.

***Chương 2:*** Thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***Chương 3:*** Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

## Chương 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM HUYỆN ĐÔNG SƠN

### 1.1. Cơ sở lý luận

#### 1.1.1. Khái niệm an sinh xã hội

Khái niệm “An sinh xã hội” (tên tiếng Anh: Social Security) được ra đời từ cuối thế kỷ XIX ở các nước công nghiệp phát triển và đến nay đã lan rộng trên toàn thế giới. An sinh xã hội có nội dung rất rộng và ngày càng hoàn thiện về phạm vi, đối tượng và chức năng. Theo quan điểm của một số tổ chức quốc tế và các nhà nghiên cứu thì khái niệm An sinh xã hội cũng có mức độ rộng, hẹp và đối tượng hướng tới khác nhau:

Trong Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1948 tại Điều 25, an sinh xã hội tiếp cận trên quyền của người dân: *“Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình kể cả thức ăn, quần áo, nhà ở, y tế và những dịch vụ cần thiết; ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, góa bụa, già yếu, hay thiếu phương kế sinh nhai do những hoàn cảnh ngoài ý muốn. Sản phụ và trẻ em được đặc biệt săn sóc và giúp đỡ. Tất cả các con, dù là chính thức hay ngoại hôn, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau”* [106].

Theo Ngân hàng thế giới (WB) *“An sinh xã hội là những biện pháp của chính phủ nhằm giúp cho các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng đương đầu và kiềm chế được nguy cơ tác động đến thu nhập nhằm giảm tính dễ bị tổn thương và những bấp bênh thu nhập”* [1].

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO): *“An sinh xã hội là một sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một số biện pháp được áp dụng rộng rãi để đương đầu với những khó khăn, các cú sốc về kinh*

*tế và xã hội làm mất hoặc suy giảm nghiêm trọng thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật do lao động, mất sức lao động hoặc tử vong. Cung cấp chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình nạn nhân có trẻ em” [43].*

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cũng cho rằng “*An sinh xã hội là các chính sách, chương trình giảm nghèo và giảm yếu thế bởi sự thúc đẩy có hiệu quả thị trường lao động giảm thiểu rủi ro của người dân và nâng cao năng lực của họ để đối phó với rủi ro và suy giảm hoặc mất thu nhập” [55].*

Ở Việt Nam, khái niệm An sinh xã hội cũng được nhiều học giả và nhà nghiên cứu quan tâm với nhiều ý kiến khác nhau:

Tác giả Mai Ngọc Cường lại cho rằng chúng ta cần phải tiếp cận theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp của khái niệm này để thấy hết được bản chất của ASXH:

Theo nghĩa rộng: ASXH là sự đảm bảo thực hiện các quyền để con người được an bình, đảm bảo an ninh, an toàn trong xã hội [30, tr.21].

Theo nghĩa hẹp: ASXH là sự đảm bảo thu nhập và một số điều kiện thiết yếu khác cho cá nhân, gia đình và cộng đồng khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do họ bị giảm, không còn khả năng lao động hoặc mất việc làm; cho những người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những người yếu thế, người bị thiên tai dịch họa [30, tr.22].

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho rằng “*An sinh xã hội và phúc lợi xã hội là hệ thống các chính sách và giải pháp nhằm vừa bảo vệ mức sống tối thiểu của người dân trước những rủi ro và tác động bất thường về kinh tế, xã hội và môi trường; vừa góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân” [33, tr.3].*

Trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm của các tổ chức, các nhà nghiên cứu khoa học, theo tác giả: “*An sinh xã hội là mạng lưới các chương trình, hệ thống chính sách cụ thể từ nhà nước hoặc các tổ chức xã hội nhằm*



trợ giúp, hỗ trợ, bảo vệ các cá nhân trong toàn xã hội, đặc biệt là các cá nhân gặp phải rủi ro hay khó khăn trong cuộc sống, bảo đảm mức sống tối thiểu và góp phần nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách của họ với xã hội, từ đó thúc đẩy sự phát triển và tiên bộ xã hội”.

### **1.1.2. Chính sách an sinh xã hội**

#### **1.1.2.1. Khái niệm chính sách an sinh xã hội**

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức về chính sách ASXH, tiếp cận từ góc độ quyền con người và thực hiện chính sách ASXH được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

*“Người lao động được bảo đảm quyền việc làm, nghỉ ngơi, BHXH, cứu tế; phụ nữ được nghỉ trước khi đẻ... ”.* Hiến pháp năm 1948 đã xác định. Hiến pháp năm 1992 đã nêu rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo xã hội: *“Nhà nước thực hiện chế độ BHXH đối với công chức nhà nước và người làm công ăn lương, khuyến khích phát triển các hình thức BHXH khác đối với người lao động”* [107].

Sau khi thống nhất đất nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn xác định công tác ASXH đảm bảo đời sống cho người nghèo và người có công là một trong những vấn đề cần quan tâm hàng đầu; Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII đã xác định coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế [91].

Cương lĩnh năm 2011, dựa trên những nội dung cương lĩnh năm 1991 đã có những bổ sung, phát triển một số điểm mới quan trọng, xác định rõ hơn định hướng, như: Gắn nghĩa vụ với quyền lợi; cống hiến với hưởng thụ; lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể cộng đồng xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp

pháp đi đôi với xóa nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, tầng lớp dân cư. Tạo môi trường để người lao động có việc làm tốt hơn [40].

*“Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển”* bảo đảm ASXH đã được khẳng định ngay trong phần tiêu đề của Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng [37, tr.227]. Đảng ta đã có nhìn nhận mới về ASXH đó là kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách ASXH, đảm bảo sự tiến bộ, công bằng xã hội và kinh tế càng phát triển thì xã hội ngày càng phải được an sinh. Phát triển hệ thống ASXH phù hợp với phát triển kinh tế chính là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và là một trong những tiêu chí của định hướng XHCN; đầu tư cho ASXH cũng chính là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thể hiện quan điểm trong chủ trương, đường lối xây dựng hệ thống ASXH với nhận thức mới: *“Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống”* [37, tr.228].

Chính sách ASXH là một bộ phận của hệ thống chính sách xã hội. Hệ thống chính sách ASXH ở nước ta gồm: ưu đãi xã hội đối với những người có công lao đối với đất nước; bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong các thành phần kinh tế; cứu trợ xã hội đối với những người không may bị rủi ro, khó khăn hoặc hiểm nghèo.

Chính sách ASXH không chỉ là bảo vệ, giúp đỡ mà còn là sự thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, của cộng đồng đối với một bộ phận dân cư. Do đó, chính sách ASXH có vị trí đặc biệt quan trọng trong chính sách xã hội nói riêng và trong hệ thống chính sách bảo đảm xã hội nói chung. Đó là

phương tiện, công cụ quản lý có hiệu lực mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần nhằm phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro đối với các thành viên trong xã hội.

Từ những quan niệm, ta có thể định nghĩa về chính sách ASXH như sau: *“Chính sách an sinh xã hội là tập hợp các quyết định chính trị - pháp lý có liên quan nhằm lựa chọn mục tiêu, giải pháp và công cụ chính sách để giải quyết các vấn đề liên quan theo mục tiêu tổng thể của chính sách đã được xác định”* [3].

#### *1.1.2.2. Bản chất của chính sách an sinh xã hội*

ASXH là góp phần giúp đỡ những người dân trong xã hội không may gặp phải những rủi ro hoặc biến cố được đảm bảo thu nhập và ổn định đời sống. Cách thức hoạt động thông qua hoạt động cộng đồng. Với mong muốn tạo nên “an sinh” trong xã hội, mỗi cá nhân đều được hưởng sự bình đẳng, giúp đỡ từ cộng đồng mang tính nhân văn sâu sắc tạo nên một xã hội công bằng, dân chủ, phát triển bền vững. Có thể thấy rõ bản chất của ASXH từ các khía cạnh sau:

#### **Thứ nhất, ASXH là biểu hiện rõ rệt của quyền con người**

Mục tiêu của ASXH là tạo ra các lớp lưới bảo vệ cho từng cá nhân trong cộng đồng, giúp đỡ họ trong các trường hợp gặp khó khăn, bị suy giảm về thu nhập đột ngột như bị thiên tai hỏa hoạn, bệnh tật, ốm đau... những biến cố bất ngờ xảy ra. ASXH được thể hiện qua nhiều hình thức và các biện pháp khác nhau với mong muốn thực hiện công bằng xã hội và san sẻ trách nhiệm với xã hội. Nhưng tập trung vào ba vấn đề chủ yếu:

BHXH là trụ cột cơ bản và cần thiết bảo đảm cho sự phát triển hệ thống ASXH. Nếu BHXH hoạt động có hiệu quả thì mới có thể có một nền ASXH vững mạnh. Nhà nước, Người sử dụng lao động, người lao động tham gia đóng góp thì tạo ra BHXH. Từ những đóng góp này người lao động được hưởng các quyền lợi thông qua các trợ cấp BHXH, được bù đắp hoặc thay thế

cho những khoản thu nhập trong những trường hợp họ bị giảm, mất khả năng lao động hoặc mất việc làm.

- Hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội, là tất cả các điều kiện nhằm phục vụ đời sống sinh hoạt hằng ngày của người thụ hưởng chính sách và người thân, đảm bảo duy trì và phát triển đời sống về cả vật chất, tinh thần, phát triển các mặt đời sống con người.

- Trợ giúp xã hội bao gồm các khoản trợ cấp cho cá nhân và gia đình các đối tượng nghèo, khuyết tật, ốm đau bệnh tật không còn khả năng hoặc giảm khả năng lao động cần sự giúp đỡ của người khác phục vụ. Chính sách ASXH nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng trợ giúp xã hội phần nào giảm bớt gánh nặng, khó khăn để cùng vươn lên phát triển.

Từ đó, nhìn nhận bản chất của ASXH chính là phao cứu trợ, giúp đỡ, hỗ trợ các đối tượng yếu thế, gặp những biến cố lớn trong đời sống giảm bớt khó khăn. Đây là thước đo thực hiện quyền con người của mỗi quốc gia, đã được Liên hợp quốc thừa nhận.

### **Thứ hai, ASXH thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp**

Xã hội loài người có nhiều tầng lớp, đa dạng về chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội nó được biểu hiện rõ nét giá trị trong hệ thống xã hội. Tuy nhiên, dù ở địa vị như thế nào họ vẫn luôn cố gắng phát huy những khả năng của bản thân để tồn tại và được xã hội công nhận. Chính sách ASXH cũng là nơi để kéo gần con người lại với nhau, cùng cả cộng đồng chung tay giúp đỡ những mảnh đời khó khăn, thiếu thốn có cơ hội vươn lên, “không để ai lại phía sau” không phân biệt tôn giáo, địa vị...tạo nên một xã hội nhân văn, nhân ái, cùng chung tay tạo nên một xã hội công bằng, phát triển bền vững.

### **Thứ ba, ASXH thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong xã hội**

Để có một xã hội phát triển ổn định và bền vững một trong những yếu tố không thể thiếu là tính cộng đồng, sự đoàn kết chung tay giúp đỡ lẫn nhau.

Sự sẻ chia, giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh là tạo nên giá trị nhân văn của con người, là tiền đề vững chắc cho sự phát triển đi lên của xã hội. Điều này thể hiện ở những mặt sau:

ASXH thực hiện một phần công bằng xã hội. Chính sách ASXH là một công cụ để cân bằng điều kiện sống giữa các tầng lớp trong xã hội. Trên phương diện kinh tế, ASXH là giúp điều phối thu nhập trong xã hội có sự hài hòa giữa các đối tượng trong xã hội. Sự điều hòa và phân phối thu nhập giữa những người có mức sống thu nhập cao họ sẽ có đóng góp vào quỹ ASXH thông qua việc đóng thuế, từ đó thông qua ASXH để hỗ trợ giúp đỡ người thụ hưởng là các đối tượng khó khăn, thất nghiệp, ốm đau, già cả thuộc các đối tượng chính sách theo quy định. Thông qua chính sách ASXH các đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ theo 2 phương thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Trực tiếp là các đối tượng bệnh tật, ốm đau giảm hoặc không còn khả năng lao động. Gián tiếp là hỗ trợ từ việc giảm đóng góp, được nhà nước hoặc người sử dụng lao động hỗ trợ.

ASXH góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Sự phát triển của xã hội là một quá trình lâu dài được hội tụ bởi nhiều yếu tố khác nhau trong đó phải kể đến phát triển kinh tế và xã hội, 2 nhân tố này có tác động qua lại và hỗ trợ cho nhau giúp cho xã hội tồn tại và phát triển. Trong những năm gần đây sự phát triển của xã hội cũng dần chú trọng hơn tới yếu tố phát triển về mặt tinh thần, với mong muốn mang lại cho con người một cuộc sống ấm no và hạnh phúc, đảm bảo sự công bằng trong xã hội. Do đó, đã có nhiều chính sách chú trọng đến phát triển về văn hóa, giáo dục, y tế, có nhiều chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập quan tâm hơn đến sức khỏe và giữ gìn môi trường. Đồng thời, với mục tiêu đáp ứng được như cầu tối thiểu để những người gặp khó khăn, bất hạnh có cơ hội, đủ điều kiện sống.

Chính sách ASXH không có khả năng xóa bỏ nghèo đói mà chỉ góp phần giảm thiểu tối đa đói nghèo, tạo điều kiện cho con người có cơ hội vươn lên, tạo sự cân bằng và thúc đẩy xã hội phát triển một bền vững. Chính sách ASXH giúp xã hội phát triển một cách toàn diện và hoàn chỉnh hơn.

### ***1.1.3. Khái niệm phụ nữ***

Phụ nữ (trong tiếng Anh là Women) là một khái niệm chung để chỉ một người, một nhóm người hay toàn bộ những người trong xã hội một cách tự nhiên, mang những đặc điểm giới tính được xã hội thừa nhận về khả năng mang thai và sinh nở khi cơ thể họ hoàn thiện và chức năng giới tính hoạt động. Phụ nữ là từ dùng để chỉ một người giới tính nữ, đã trưởng thành hoặc đã kết hôn. Đa số phụ nữ đều là những người từng trải, chín chắn, có nhiều kinh nghiệm sống.

Phụ nữ luôn là lực lượng đông đảo, đóng vai trò quan trọng từ xưa đến nay, góp phần lớn tạo dựng xã hội. Vai trò của phụ nữ thể hiện không riêng ở khía cạnh nào mà tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống. Nếu như gia đình được ví như tế bào của xã hội thì phụ nữ được xem là hạt nhân của tế bào này. Phụ nữ luôn là một bộ phận quan trọng trong đội ngũ đông đảo những người lao động trong xã hội. Bằng trí tuệ, sáng tạo trong lao động, phụ nữ đã góp phần làm cho cuộc sống phong phú và thúc đẩy sự phát triển trong xã hội. Phụ nữ luôn thể hiện vai trò không thể thiếu của mình trong các lĩnh vực đời sống xã hội [110].

Phụ nữ là một lực lượng nòng cốt trực tiếp sản xuất ra của cải, vật chất để nuôi sống con người, phụ nữ còn sản xuất ra con người để duy trì và phát triển xã hội. Bên cạnh đó, phụ nữ có vai trò sáng tạo nền văn hóa nhân loại. Phụ nữ góp phần làm đa dạng và phong phú thêm bản sắc văn hóa dân gian của dân tộc. Là lực lượng và tham gia sản xuất tạo ra kinh tế trong xã hội phụ nữ còn là lực lượng không thể thiếu tham gia đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc. Đó là vai trò của người phụ nữ nói chung trên toàn thế giới và ngay tại Việt Nam vai trò của người phụ nữ cũng rất quan trọng [110].

#### ***1.1.4. Đặc điểm của an sinh xã hội đối với phụ nữ***

Phụ nữ là những người có thể làm rất loại các công việc khác nhau từ nội trợ, nông nghiệp hay trong các nhà máy xí nghiệp... Tuy nhiên lại không thể làm lâu dài và liên tục do còn phải thực hiện bản năng làm mẹ, làm vợ, chăm lo cho gia đình vì vậy việc làm cũng bị gián đoạn dẫn đến việc làm và thu nhập họ nói chung là thấp và không ổn định. Theo báo cáo của tổng cục thống kê năm 2022, Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 51,7 triệu người, lực lượng lao động nữ đạt 24,2 triệu người, chiếm 46,8% lực lượng lao động của cả nước [105]. Thu nhập bình quân tháng của lao động nữ là 5,6 triệu đồng, tăng 709.000 đồng so với cùng năm 2018; số lượng các vụ bạo lực gia đình trong thời gian giãn cách xã hội có xu hướng gia tăng; dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến 87% các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Do đó, tính ổn định và sự bền vững về tài chính cho việc thực hiện ASXH còn thấp [105].

ASXH là nhân tố ổn định và tạo động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội đất nước nói chung và có những chính sách nhằm hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện cho phụ nữ trong việc làm, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống nhằm thu hẹp sự bất bằng đẳng giới. Đồng thời, giúp đỡ những người gặp rủi ro sớm khắc phục được khó khăn, nhanh chóng ổn định cuộc sống.

BHXHTN: Phần lớn phụ nữ chưa tham gia vào hệ thống BHXH do sự tiếp cận và hiểu biết về BHXH còn chưa cao. Tuy nhiên từ 2009, chính sách bảo hiểm thất nghiệp được ban hành phát huy tác dụng đem lại lợi ích cho lao động nữ khi bị thất nghiệp. Bên cạnh đó các chính sách BHXH đối với chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hưu trí, tử tuất và các chế độ trợ giúp xã hội đối với các nhóm đặc thù như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.... thì các quyền lợi về BHXH đối với phụ nữ đã được đảm bảo. BHXHTN số lượng phụ nữ ít tham gia hơn vì BHXHTN chỉ có 2 chế độ: hưu trí và tử tuất [56].

BHYT: Thực hiện quan điểm chia sẻ, tất cả mọi người đóng góp nuôi người ốm. Phụ nữ có thể tham gia BHYTTTN và được hưởng các chế độ khám chữa bệnh. Phụ nữ thuộc các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách thì được hưởng 100% chi phí KCB.

TGXH: Chính sách trợ giúp xã hội bao gồm 2 nhóm: Trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội đột xuất. Hệ thống chính sách TGXH tương đối đầy đủ, đã bao quát được những nhóm đối tượng phụ nữ yếu thế, thiệt thòi nhất trong xã hội, giúp họ vượt qua khó khăn và hòa nhập xã hội [21, tr 69].

Xóa đói giảm nghèo: Theo tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020: Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/ người/ tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị. Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị [28].

Từ năm 1990, chính phủ Việt Nam đã phát động chương trình Xóa đói giảm nghèo. Phát triển cân bằng giữa các vùng miền, và các nhóm dân cư tạo nên sự cân bằng và bình đẳng trong cả nước. Để thực hiện điều đó, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đặc biệt đối với các chương trình, chính sách xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện và dần nâng cao đời sống của người nghèo trên cả nước và của những phụ nữ hiện còn đang sống tại những khu vực kém phát triển, đời sống còn nhiều khó khăn. Đặc biệt là khu vực nông thôn, những vùng miền núi, dân tộc thiểu số thường phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn.

Vì vậy, phát triển hệ thống ASXH đối với phụ nữ cần phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản và thiết yếu, bảo đảm cho mọi người dân đều có quyền tham gia và hưởng lợi, chia sẻ, công bằng xã hội và nâng cao trách nhiệm cá nhân. Nhìn chung, phụ nữ là một đối tượng yếu thế nhất trong xã hội mà chính sách ASXH cần phải quan tâm. Phải hiểu rõ hơn về nhóm đối



tượng đông đảo này thì chính sách của chúng ta mới có hiệu quả. Phụ nữ chính là người sinh và nuôi dưỡng ra những thế hệ tương lai, những người chủ và là người được hưởng lợi trực tiếp từ những thành quả mà quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Phụ nữ phải đối mặt với rất nhiều rủi ro đến từ tự nhiên và bản thân họ đang không ngừng cố gắng vươn lên. Do đó, cần hạn chế rủi ro từ chính những chính sách đối với phụ nữ.

### ***1.1.5. Vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ***

Chính sách ASXH được hiểu là các chính sách bảo đảm thu nhập và một số điều kiện sinh sống thiết yếu cho người dân họ khi bị giảm hoặc mất thu nhập, do bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc mất việc làm. Vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ thể hiện một số vai trò rõ rệt:

Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ góp phần đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội trong mọi lĩnh vực và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của phụ nữ. Công bằng và tiến bộ xã hội đối với phụ nữ là công bằng, tiến bộ về quyền con người, tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện các quyền như nam giới, tạo ra cơ hội cho phụ nữ phát triển và thể hiện năng lực. Những chính sách quan trọng đối với phụ nữ như chính sách y tế, chính sách văn hóa, giáo dục, chính sách lao động việc làm và các phúc lợi xã hội.

Hoạch định, thực thi chính sách phải xử lý và điều tiết các mối quan hệ bất bình đẳng giới trong xã hội trên các mặt chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục,... tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển một cách toàn diện và có cơ hội ngang nhau khi tiếp cận với các nguồn lực trong xã hội. Đồng thời, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, phát huy khả năng, nội lực của phụ nữ, thu hút phụ nữ vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tham gia lãnh đạo, quản lý xã hội.

Chính sách xã hội đối với phụ nữ còn có vai trò quan trọng đảm bảo cho người phụ nữ phát triển để nâng cao vị thế của người phụ nữ trong gia

đình và xã hội. Hiện nay, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội...

Chính sách về BHYT, BHXH là là điểm tựa để phụ nữ dựa vào khi ốm đau bệnh tật, giảm bớt gánh nặng kinh tế khi gặp rủi ro về sức khỏe. Hoạt động hỗ trợ mang tính linh hoạt và ngày càng có yêu cầu cao hơn. Các đối tượng của hoạt động này ngày càng được mở rộng từ những người ốm đau, bệnh tật, bệnh xã hội tới những người gặp rủi ro thiên tai, dịch bệnh hoặc phòng vệ các nguy cơ có thể mang lại cho cộng đồng. Hiện nay, chính sách xã hội của Đảng và nhà nước đã ban hành đối với phụ nữ cũng ngày càng nhiều hơn như: Chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, chính sách thúc đẩy phụ nữ tham gia lãnh đạo, chính sách bảo vệ phụ nữ chống bạo lực gia đình, chính sách hỗ trợ việc làm cho phụ nữ, chính sách đối với lao động nữ [56].

## **1.2. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ**

### ***1.2.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội đối với phụ nữ***

Chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ được hiểu là hệ thống các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước có liên quan đến phụ nữ đã được thể chế hóa nhằm tạo điều kiện cho người phụ nữ phát huy năng lực của mình trên mọi lĩnh vực của cuộc sống và đảm bảo công bằng xã hội giữa phụ nữ và nam giới [16].

Bảo đảm an sinh xã hội là chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong lãnh đạo đất nước. Trong hơn 30 năm đổi mới, mặc dù đất nước còn gặp nhiều khó khăn, song chính sách an sinh xã hội luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt. Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01/6/2012, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020” đã khẳng định: Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất,

tin thần cho người có công, bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân [5].

Quan triệt quan điểm giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, các chính sách xã hội đối với phụ nữ và gia đình ở nước ta đã sớm được hoạch định ngay từ ngày đầu tiên của Nhà nước. Tại điều 62, Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nêu rõ: “Mọi công dân, nữ cũng như nam đều có quyền bình đẳng trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và trong gia đình. Mọi hành vi phân biệt đối xử và vi phạm nhân quyền của phụ nữ đều bị cấm. Phụ nữ và nam giới làm việc như nhau thì hưởng lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền nghỉ đẻ”. Về cơ bản, quyền của phụ nữ trong Hiến pháp năm 1992 kế thừa những quy định tiên bộ của Hiến pháp năm 1980, nhưng nhấn mạnh thêm: "Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ" (Điều 63) [107].

Hiến pháp sửa đổi năm 2013 cũng khẳng định quyền an sinh xã hội đối với phụ nữ, tại Điều 26 Hiến pháp nhấn mạnh: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 có hiệu lực ngày 1/1/2016 cũng nêu rõ, phụ nữ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội như: Chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, thất nghiệp, mất sức lao động... Bên cạnh đó, Luật còn quy định quyền lợi mang tính đặc thù đối với

người phụ nữ như: Lao động nữ được hưởng các chế độ khám thai (nghỉ việc có hưởng lương trợ cấp), nghỉ việc hưởng lương trợ cấp sinh đẻ bằng 100% tiền lương, dưỡng sức sau khi sinh nếu sức khỏe yếu [16].

Bên cạnh đó, Luật hôn nhân và gia đình 2014; Luật phòng chống bạo lực gia đình 2007; Bộ Luật Lao động 2019 dành một chương (chương X) quy định riêng về Lao động nữ; Luật bình đẳng giới được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2007; Chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ; Chính sách chống buôn bán phụ nữ và trẻ em; Chính sách đối với nữ thanh niên xung phong; Chính sách đối với phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai; Chính sách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ; Chính sách thai sản cho phụ nữ nông thôn; Nghị quyết 57/NQ ngày 01 tháng 12 năm 2009 ban hành chương trình hành động của chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện nghị quyết 11 - NQ/ TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của bộ chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015; Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số. Đến thời điểm hiện nay, Việt Nam cũng đã xây dựng và hình thành hệ thống chính sách xã hội đối với phụ nữ cơ bản đầy đủ [16].

### ***1.2.2. Hệ thống chính sách an sinh xã hội cụ thể đối với phụ nữ***

#### ***1.2.2.1. Chính sách hỗ trợ việc làm cho phụ nữ***

Các chính sách nhằm giúp lao động nữ phát huy được khả năng, trình độ của mình vừa cống hiến cho xã hội vừa thực hiện tốt thiên chức trong gia đình, góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội bao gồm:

Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội khóa XI, trong đó dành riêng Điều 13 quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động;

Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội khóa XIII, trong đó dành riêng một Chương X. Những quy định riêng đối với lao động nữ, quy định các chính sách của Nhà nước, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với LĐN, bảo vệ thai sản, bảo vệ việc làm cho lao động nữ nghỉ thai sản và những công việc không được sử dụng lao động nữ;

Luật việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội khóa XII, trong đó cũng quy định về nguyên tắc bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập (khoản 2 Điều 4), hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số (khoản 6 Điều 5);

Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 về ban hành chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 quy định các mục tiêu và giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về chính sách đối với lao động nữ, quy định về đại diện của lao động nữ; quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ; cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ; quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai; giúp đỡ, hỗ trợ của người sử dụng lao động trong việc xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo; tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo ở nơi có nhiều lao động nữ và chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động nữ [25].

Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, chính sách việc làm công, hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng [24]. Nghị định 74/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, về cho vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm; Quỹ quốc gia về việc làm còn dành riêng một kênh quản lý nguồn vốn cho Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam với tổng số vốn 68,84 tỷ đồng để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho các hội viên. Thông tư 01/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định 74/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 61/2015/NĐ-CP (Hiệu lực 26/3/2020). Thông tư 11/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công. Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định 61/2015/NĐ-CP. Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn thực hiện về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định. Thông tư 54/2016/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm. Hướng dẫn 7886/NHCS-TDNN năm 2019 về nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Quyết định 17/2021/QĐ-TTg quy định về mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Ngoài những chính sách trên, Nhà nước luôn có những chương trình khuyến khích, hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng và cải thiện điều kiện làm việc cho lao động nữ như: khuyến khích người sử dụng lao động ưu tiên tuyển dụng, sử dụng phụ nữ vào làm việc và thực hiện các chính sách đối với lao động nữ tốt hơn so với quy định của pháp luật; hỗ trợ người sử dụng lao

động sử dụng nhiều lao động nữ thông qua việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi tăng thêm cho lao động nữ; khuyến khích người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức công đoàn lập kế hoạch, thực hiện các giải pháp để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà phù hợp với nguyện vọng chính đáng của lao động nữ; khuyến khích người sử dụng lao động đầu tư xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, cơ sở y tế, công trình văn hóa và các công trình phúc lợi; nhà ở cho lao động nữ [16].

Nhìn chung, Nhà nước có chính sách hợp lý để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm quyền làm việc của lao động nữ và hỗ trợ lao động nữ tập trung thời gian cho công việc, tăng cường sự tham gia của lao động nữ trong phát triển kinh tế - xã hội. Trên đây là những chính sách hết sức thiết thực đối với lao động nữ, có ý nghĩa giúp lao động nữ thực hiện tốt hơn những công việc được giao, từ đó nâng cao thu nhập. Đồng thời những chính sách này còn có ý nghĩa đảm bảo tâm lý của lao động nữ, lao động nữ tiếp tục có cơ hội thực hiện việc làm, ổn định thu nhập và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội [16].

#### *1.2.2.2. Chính sách BHXH, BHYT*

Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13: Luật BHXH 2014 (tại Mục 2); Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc (tại Mục 1) được hướng dẫn cụ thể điều kiện hưởng chế độ thai sản của lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi.

Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh

nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH năm 2017 quy định về quyền lợi bảo hiểm y tế trong thời gian lao động nữ nghỉ hưởng chế độ thai sản khi sinh con thì sẽ được cơ quan bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế mà sẽ không phải mất tiền đóng bảo hiểm y tế.

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH năm 2017 được sửa đổi bởi khoản 73 Điều 1 Quyết định 505/QĐ-BHXH năm 2020 về sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trong thời gian nghỉ sinh con theo quy định trên thì trong thời gian mà nghỉ thai sản sinh con thì sẽ được tiếp tục sử dụng thẻ bảo hiểm y tế đã cấp mà không cần phải đổi lại thẻ bảo hiểm y tế mới.

Thông tư 06/2021/TT-BLĐTBXH chính thức có hiệu lực từ ngày 1/9/2021 (sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH). Theo đó, bổ sung đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, sửa đổi nhiều quy định không còn phù hợp về chế độ ốm đau, thai sản. Theo Khoản 8, Điều 1, Thông tư 06/2021/TT-BLĐTBXH bổ sung Khoản 1, Điều 13, Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH về lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe: *“Khoảng thời gian 30 ngày đầu làm việc theo quy định tại Khoản 1, Điều 41, của Luật Bảo hiểm xã hội là khoảng thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn được hưởng chế độ thai sản mà sức khỏe của người lao động chưa phục hồi. Lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định tại Điều 40 của Luật Bảo hiểm xã hội thì không giải quyết chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thời gian hưởng chế độ khi sinh con.”*

Như vậy, đã bổ sung mốc tính 30 ngày đầu làm việc tính từ ngày hết thời hạn hưởng chế độ thai sản. Trong khoảng thời gian này mà sức khỏe



chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ từ 05 ngày đến 10 ngày. Bên cạnh theo luật mới quy định trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con thì không giải quyết chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thời gian hưởng chế độ khi sinh con.

Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với lao động nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035.

Chính sách BHYT, BHXH tốt đóng vai trò tích cực cho sự phát triển ổn định kinh tế - xã hội, mang đến trạng thái an toàn về tinh thần, giảm bớt sự lo âu trước rủi ro, bất trắc cho người được bảo hiểm, đặc biệt là đối với phụ nữ, giảm bớt những gánh nặng về kinh tế khi gặp rủi ro, ốm đau, bệnh tật; chế độ ốm đau, thai sản của nữ cũng được quy định chi tiết góp phần thực hiện chính sách an sinh đối với phụ nữ, mang lại cho phụ nữ có cuộc sống tốt đẹp hơn tạo động lực cho một xã hội phát triển cân bằng, bình đẳng đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

#### *1.2.2.3. Chính sách trợ giúp xã hội*

Trong hệ thống các chính sách về ASXH của Việt Nam thì chính sách trợ giúp xã hội được coi là sự trợ giúp của Nhà nước và xã hội về thu nhập và các điều kiện sinh sống thiết yếu khác đối với mọi thành viên của xã hội trong những trường hợp bất hạnh rủi ro không may xảy ra, nghèo đói không đủ khả năng để tự lo cho cuộc sống tối thiểu của bản thân và gia đình cần đến sự trợ giúp của xã hội trong đó có phụ nữ. Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã

hội được chia ra thành hai nhóm là trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội đột xuất được trợ giúp do gặp thiên tai, hỏa hoạn.... Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đã tăng mức chuẩn trợ cấp thêm 90.000 đồng/ tháng; đổi mới trong cách tính hệ số trợ cấp xã hội hàng tháng và kinh phí hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng sống tại hộ gia đình trong đó có người đơn thân thuộc hộ nghèo đang nuôi con và tăng mức hỗ trợ đối với hỗ trợ kinh phí làm nhà, sửa chữa nhà, hỗ trợ chi phí mai táng do hậu quả của thiên tai, lũ lụt....

Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 05/8/2020 phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030 tại Điều 1, Phần II: Các chương trình đề án tại điểm 10 quy định trợ giúp phụ nữ khuyết tật: Truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế; tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có nhằm hỗ trợ phụ nữ yếu thế tiếp cận với chính sách an sinh xã hội; Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ yếu thế; Rà soát, đánh giá các mô hình hiện có để phát triển, xây dựng thành mô hình truyền thông lồng ghép vận động hỗ trợ phụ nữ yếu thế tại cộng đồng; xây dựng xây dựng mô hình phụ nữ khuyết tật tự lực.

### **1.3. Đặc điểm tự nhiên và tình hình kinh tế xã hội ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tác động đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội**

#### ***1.3.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội***

Đông Sơn là một huyện đồng bằng châu thổ sông Mã, nằm ở trung tâm của tỉnh Thanh Hóa. Là huyện cửa ngõ phía Tây thành phố Thanh Hóa, có thị trấn Rừng Thông là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa của huyện với vị trí địa lý hết sức thuận lợi: Phía đông giáp thành phố Thanh Hóa; Phía tây

giáp huyện Triệu Sơn; Phía nam giáp huyện Quảng Xương và huyện Nông Cống; Phía bắc giáp huyện Thiệu Hóa. Đông Sơn có 14 đơn vị hành chính, bao gồm thị trấn Rừng Thông và 13 xã: Đông Yên, Đông Minh, Đông Ninh, Đông Khê, Đông Hoàng, Đông Hoà, Đông Thịnh, Đông Tiến, Đông Thanh, Đông Phú, Đông Văn, Đông Nam và Đông Quang. Huyện có Quốc lộ 45, Quốc lộ 47, đường cao tốc nối từ Thành phố đi Nghi Sơn - Sao vàng, tuyến đường cao tốc Mai Sơn - Quốc lộ 45 đi qua đang được xây dựng và đường sắt xuyên Việt chạy qua thuận tiện cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa với các địa phương trong cả nước [88].

Đông Sơn được kiến tạo trên một địa hình tương đối ổn định, có cảnh quan rất đẹp và hài hòa, đất đai màu mỡ phì nhiêu, có hệ thống sông Nhà Lê, sông Hoàng, kênh Bắc và trên 200 ha ao hồ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, có hệ thống núi đá vôi xen kẽ với nhiều chủng loại trữ lượng tương đối lớn và nguồn đất sét tốt tạo điều kiện cho việc phát triển ngành vật liệu xây dựng, chế tác đá và sản xuất gốm sứ. Từ ngàn xưa đã xuất hiện nhiều ngành nghề thủ công truyền thống như nghề làm đồ đá, khắc chạm đá mỹ nghệ, làm gốm... nổi tiếng gần xa. Sản phẩm từ đá của Đông Sơn không chỉ tham gia vào nhiều công trình thế kỷ Cổ đô Huế, tượng đá ở núi Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam), Lăng Bác,... mà còn vươn ra thị trường thế giới. Theo số liệu thống kê năm 2022 huyện có tổng diện tích đất tự nhiên 8.286,74 ha. Với dân số 24.764 khẩu với 86.246 nhân khẩu, trong đó có 12.413 người (14,4%) sinh sống ở khu vực đô thị và 73.815 người (85,59%) sinh sống ở khu vực nông thôn. Mật độ dân số đạt 1.041 người/km<sup>2</sup> và chủ yếu là người Kinh sinh sống. Văn hóa Đông Sơn là biểu tượng của nền văn minh sông Mã, phát triển rực rỡ tạo nên sự ra đời của nhà nước văn minh đầu tiên của người Việt cổ. Đặc biệt những đồ đồng thuộc trung tâm Đông Sơn mà đỉnh cao là kỹ thuật đúc trống đồng là tiêu chí để nhận biết cho đồ đồng thuộc các loại hình địa

phương khác hay để phân biệt giữa Đông Sơn với những nền văn minh kim khí khác. Tiềm năng đất đai, văn hóa và con người, tạo cho Đông Sơn có vị trí quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Thanh [88].

### ***1.3.2 Đặc điểm kinh tế - xã hội***

Trong những năm qua huyện Đông Sơn không ngừng nỗ lực phấn đấu, năm 2022 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm ước đạt 18,3%, đứng thứ 5 toàn tỉnh, (tăng 4,3 % so với năm 2018), trong đó: ngành nông lâm, thủy sản tăng 4,372%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,5%; dịch vụ tăng 9,61% so với cùng kỳ; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản cụ thể: tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 12,1%, tăng 24,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 65,6%, tăng 19,6%; dịch vụ chiếm 22,3%, giảm 214,1% (so với năm 2018); thu nhập bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 54,68 triệu đồng, tăng 41,12 triệu đồng so với năm 2018; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh còn 0,49%, giảm 6,94% so với năm 2018. Thu NSNN ước đạt 2.719.301 triệu đồng, đạt 424% so với dự toán tỉnh giao, đạt 203% so với dự toán huyện giao, bằng 115% so với cùng kỳ. Môi trường đầu tư được cải thiện rõ rệt, công tác thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực [84], [88].

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội ngày càng phát triển tiến bộ; an sinh xã hội được đảm bảo; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Năm 2019, huyện Đông Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, sớm 1 năm so với kế hoạch.

Phát huy nguồn lực, đảng bộ, chính quyền huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của việc xây dựng NTM, thấy được vai trò, nhiệm vụ của mình trong thực hiện các tiêu chí... Qua tuyên truyền, vận động đã tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao trong cán bộ, đảng

viên và các tầng lớp Nhân dân. Kết quả, năm 2022, huyện Đông Sơn huy động được 2.351,328 tỷ đồng xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Trong đó, Nhân dân đóng góp 975,89 tỷ đồng; hiến 68.312m<sup>2</sup> đất mở rộng đường giao thông và hơn 22.500 ngày công lao động... [88].

Từ nguồn vốn huy động, toàn huyện đã đầu tư cải tạo, nâng cấp được 45,26km đường giao thông; 35,39km rãnh thoát nước; 52,4km tường rào thoáng, dịch chuyển 1.184 cột điện; hoàn thành 78 vườn mẫu, 1.285 hộ cải tạo vườn tạp. Huyện Đông Sơn là Đảng bộ huyện đầu tiên trong tỉnh 5 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Toàn huyện có 5 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 3 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 62 thôn/85 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 72,9%. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe và có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 96,5%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,63%; y tế dự phòng được tăng cường và công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục duy trì ở 100% các xã, thị trấn. Tại hầu hết các thôn đều đã có bãi tập kết rác thải sinh hoạt để vận chuyển về khu xử lý tập trung; 100% số xã được sử dụng nước sạch; 100% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh... [88].

Đông Sơn hiện là huyện dẫn đầu toàn tỉnh về số lượng xã, thôn NTM kiểu mẫu. Việc hoàn thiện tiêu chí NTM kiểu mẫu tại nhiều xã, thôn đã góp phần xây dựng Đông Sơn trở thành những miền quê đáng sống. Diện mạo nông thôn đổi thay tích cực theo hướng ngày một văn minh, hiện đại. Đặc biệt, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư đồng bộ, các nhà văn hóa thôn được xây mới khang trang với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt, hội họp, văn hóa, văn nghệ của người dân.

Bên cạnh sự phát triển vượt bậc về kinh tế, cũng còn không ít một bộ phận nhân dân gặp khó khăn do xuất phát điểm thấp, quy mô sản xuất kinh tế nhỏ lẻ. Trong đó phải kể đến các đối tượng cần được hỗ trợ về chính sách an sinh xã hội. Thống kê các số liệu cho thấy, trên địa bàn huyện hiện có trên 5167 đối tượng Bảo trợ xã hội, 112 hộ nghèo 851 hộ mỗi năm ngân sách chi trên 28,532 tỷ đồng chi trợ cấp thường xuyên cho đối tượng BTXH, đối tượng thuộc diện đặc biệt nghèo.

Qua nghiên cứu, phân tích tình hình từ thực tiễn, vấn đề chính sách ASXH thể hiện như sau: hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ trên địa bàn huyện vẫn còn chiếm một tỷ trọng tương đối lớn, các hộ nghèo hầu hết là hộ bảo trợ xã hội, không có việc làm để tăng thu nhập, để nuôi sống bản thân và gia đình vươn lên thoát nghèo; một số hộ nghèo lười lao động, không có ý chí vươn lên thoát nghèo, còn trông chờ, ỷ lại vào chính sách của nhà nước và xã hội; nhiều gia đình chính sách, gia đình người có công với cách mạng nhà cửa bị xuống cấp; điều kiện, môi trường phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến việc đăng ký tham gia và trích nộp BHXH, BHYT của các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân.

### ***1.3.3. Khái quát về tình hình phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa***

Huyện Đông Sơn có 50,5% nhân khẩu nữ, trong những năm qua huyện không ngừng quan tâm, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội đối với phụ nữ, được huyện Đông Sơn xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thực hiện bình đẳng giới. Do đó, huyện đã triển khai nhiều giải pháp giúp chị em tìm kiếm được việc làm phù hợp, tăng thu nhập, từng bước khẳng định vị thế trong gia đình và xã hội, tự tin làm chủ bản thân như mở các lớp đào tạo học nghề, cho vay các nguồn vốn vay ưu đãi mở rộng sản xuất kinh doanh. Tăng cường thực hiện có hiệu quả về chương trình mục tiêu quốc gia

về giảm nghèo đến nay còn 78/112 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ ( hộ nghèo bảo trợ xã hội). Huyện Đông Sơn cũng luôn quan tâm, phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội nói chung và trong quản lý nhà nước, trong hệ thống chính trị nói riêng. Một trong những mục tiêu quan trọng là bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ là một trong tám mục tiêu thiên niên kỷ. Bình đẳng giới là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ và phát triển của xã hội và tỷ lệ phụ nữ trong lĩnh vực chính trị là một trong những thước đo để đánh giá trình độ bình đẳng. Nâng cao vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ, là nền tảng cơ bản góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Hiện nay huyện Đông Sơn, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy (huyện:  $9/33 = 27,2\%$ ; xã:  $60/201 = 29,8\%$ ). Đơn vị có tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cao nhất là xã Đông Thịnh ( $46,6\%$ ), còn lại các đơn vị 30%. Tham gia HĐND (huyện:  $10/30 = 33,3\%$ ; xã:  $117/350 = 33,46\%$ ).

**Bảng 2.1. Phụ nữ tham gia cấp ủy Đảng  
nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025**

Chức danh	Cấp huyện		Cấp xã	
	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025	Nhiệm kỳ 2015-2020	Nhiệm kỳ 2020-2025
Ủy viên BCH Đảng bộ	6	9	60	62
Ủy viên Ban Thường vụ	1	2	10	11
Bí Thư	0	0	0	1
Phó Bí thư	0	0	2	4
Chủ tịch UBND	0	0	0	1

(Nguồn: Văn kiện ĐH Đảng bộ huyện Đông Sơn, nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025)

**Bảng 2.2. Phụ nữ tham gia tổ chức chính quyền  
nhiệm kỳ 2016-2021 và 2021-2026**

Chức danh	Cấp huyện		Cấp xã	
	Nhiệm kỳ 2016-2021	Nhiệm kỳ 2021-2026	Nhiệm kỳ 2016-2021	Nhiệm kỳ 2021-2026
Đại biểu HĐND	8	10	106	117
Thường trực HĐND	2	1	6	9
Thường trực UBND	0	0	1	4

*(Nguồn: Văn kiện HĐND huyện Đông Sơn, nhiệm kỳ 2016-2021 và Báo cáo  
kết quả bầu cử HĐND huyện Đông Sơn, nhiệm kỳ 2021-2026)*

Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, những đổi mới trong công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ nữ tại huyện Đông Sơn ngày càng tăng, vai trò của phụ nữ trong lãnh đạo quản lý ngày được đề cao. Riêng huyện Đông Sơn có 02/7 đồng chí là UVBTV huyện ủy, công tác làm nguồn nhân sự tại nhiệm kỳ 2020 - 2025 yêu cầu cấp ủy các xã phải cơ cấu ít nhất 01 nữ trong cán bộ quản lý. Hiện nay có 11/14 xã có nữ trong BTV Đảng ủy. Bên cạnh đó, còn thành lập 1 CLB Nữ lãnh đạo quản lý huyện Đông Sơn với 56 thành viên là trưởng phó các ban, phòng ngành, cơ quan, trường học cấp huyện và các đồng chí là UV BTV các xã, thị trấn.

Thông qua hoạt động của CLB giúp chị em trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm và cách làm hay trong các lĩnh vực công tác. Đông Sơn luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, hàng năm tổ chức từ 2-3 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho đại biểu HĐND, cán bộ là nữ. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số chị em phụ nữ chưa tự tin vào bản thân, một số chị em chưa nhận được sự cảm thông, giúp đỡ từ gia đình khi tham gia công tác xã hội. Đây cũng đang là vấn đề cần các tổ chức đoàn thể, Hội phụ nữ từ huyện đến cơ sở, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ quan tâm đề ra các giải pháp thiết thực hơn nữa để thu hút sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động.



### **1.3.4. Cơ cấu tổ chức cơ quan thực hiện chính sách an sinh xã hội huyện Đông Sơn**

#### **1.3.4.1. Vị trí, chức năng**

*Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực thuộc UBND huyện Đông Sơn*

Phòng Lao động - TBXH huyện có nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các chính sách lao động, người có công và xã hội trên địa bàn quản lý. Phòng lao động thương binh xã hội huyện Đông Sơn có 5 biên chế trong đó:

- Trưởng phòng: phụ trách quản lý chung, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của đơn vị. Đồng thời tham mưu đề xuất các chủ trương chính sách cho UBND huyện lên Sở Lao động thương binh và xã hội.

- Hai Phó trưởng phòng: Có nhiệm vụ tham mưu cho Trưởng phòng trong việc điều hành quản lý quá trình hoạt động của đơn vị. Đồng thời đồng chí phó phòng cũng đảm nhiệm lĩnh vực bảo trợ xã hội trong toàn huyện, trực tiếp quản lý giám sát quá trình thực thi pháp luật về các lĩnh vực giảm nghèo, lao động, an toàn lao động, tiền lương trong doanh nghiệp bình đẳng giới. Phó trưởng phòng phụ trách chính sách người có công: Quản lý hồ sơ của các đối tượng người có công với cách mạng, tề nạn xã hội, an toàn lao động, Các chính sách liên quan đến người có công với cách mạng.

- Một cán bộ phụ trách về chính sách xã hội: Quản lý, tiếp nhận và giải quyết các chế độ ưu đãi xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo, xuất khẩu lao động.

- Một cán bộ phụ trách kế toán: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí cả năm theo đúng quy định của Nhà nước, giải quyết và tính tiền ưu đãi cho các đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Cấp xã - Cán bộ Lao động - TB&XH xã, thị trấn: thực hiện các chính sách trong lĩnh vực chính sách và xã hội tại xã, thị trấn.

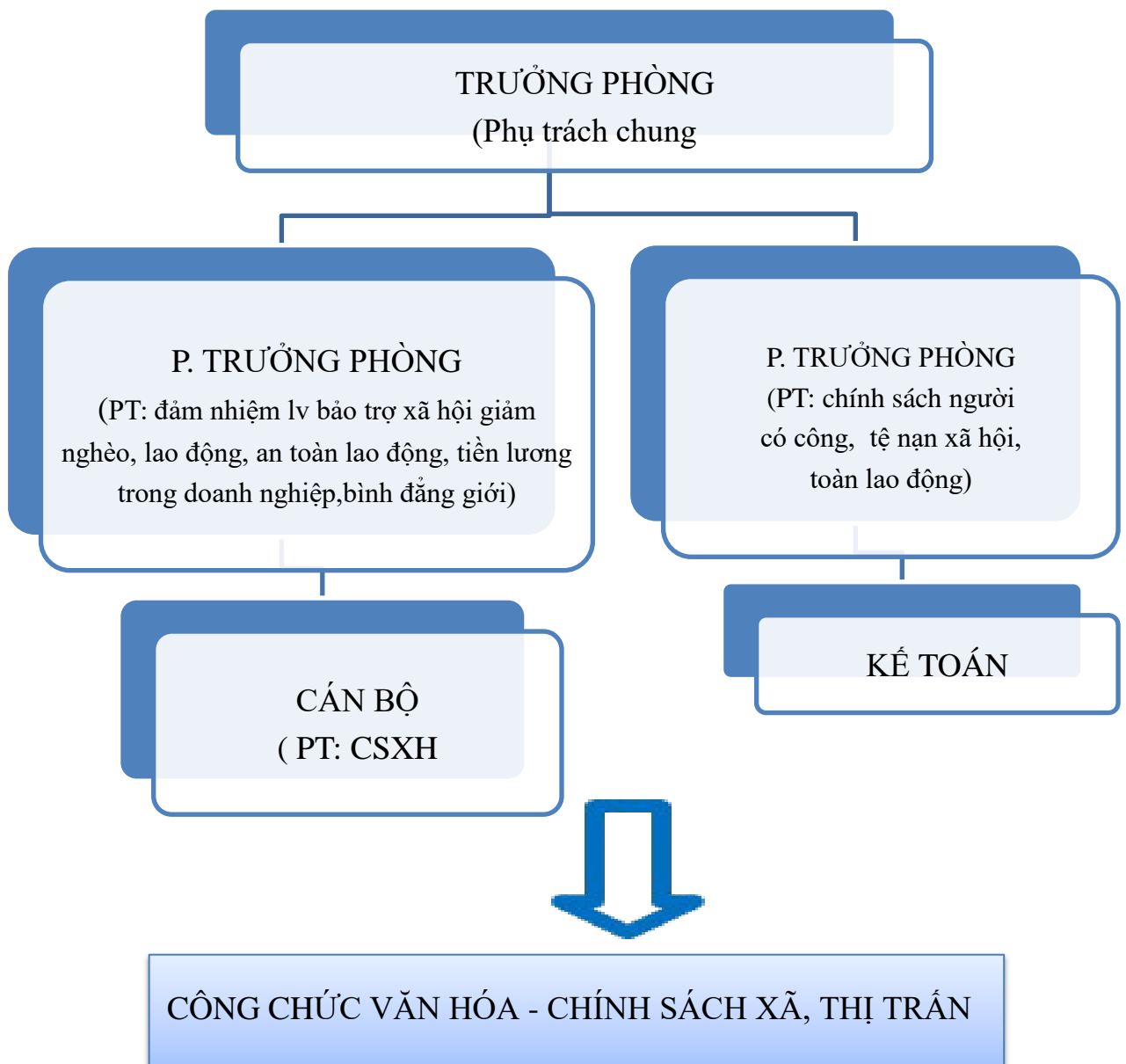
#### *1.3.4.2. Nhiệm vụ và quyền hạn*

Tham mưu và trình UBND huyện ban hành văn bản, quyết định, kế hoạch thực hiện có thời gian cụ thể; đề án, chương trình trong lĩnh vực chính sách xã hội, lao động việc làm và người có công; cải cách hành chính, xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; Dự thảo các văn bản về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND huyện.

Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn thành phố sau khi được phê duyệt, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao; Giúp UBND huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn huyện theo phân cấp, ủy quyền; Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với UBND xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công và các đối tượng chính sách xã hội.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công và xã hội theo quy định của pháp luật.



**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức Phòng LĐ Thương bình xã hội huyện Đông Sơn**

## Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu chính sách ASXH nói chung và thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện nói riêng là nội dung lý thuyết hết sức quan trọng cần phải được nghiên cứu sâu sắc nhằm làm rõ về khái niệm, bản chất, vai trò và đặc điểm của chính sách ASXH đối với phụ nữ. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và hệ thống các chính sách an sinh đối với phụ nữ. Qua nghiên cứu hệ thống các văn bản về các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ thấy rõ sự quan tâm và chủ trương xuyên suốt của Đảng, Nhà nước và các cấp, ngành đối với phụ nữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế và tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội. Đồng thời cũng tạo cơ hội cho phụ nữ được làm việc, sáng tạo và phát huy hết khả năng và trí tuệ góp phần vào sự phát triển của xã hội nói chung và bản thân phụ nữ nói riêng.

Việc tổ chức thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ, về mặt lý thuyết đã được các cơ quan có thẩm quyền chuẩn bị hết sức chặt chẽ, kỹ lưỡng về tính pháp lý, cơ sở lý luận, cũng như quan điểm chỉ đạo được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng, Hiến pháp và các văn bản pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình chuẩn bị tổ chức thực hiện đã đề ra các bước thực hiện theo quy trình chặt chẽ; đồng thời cũng đã phân tích, đánh giá, dự lường các yếu tố tác động trong quá trình thực hiện chính sách để có những giải pháp cho phù hợp. Đảm bảo ASXH đối với phụ nữ là đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt chính sách ASXH của Nhà nước và xã hội nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục những rủi ro do những tác động khách quan đến phụ nữ, đảm bảo cho phụ nữ có cuộc sống ổn định và bình đẳng. Ngoài cơ sở lý luận, nội dung chương cũng đã nghiên cứu cơ sở thực tiễn về đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế - xã hội cũng như tình hình phụ nữ tại huyện Đông Sơn ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ. Việc hệ thống hóa và làm rõ các lý luận và cơ sở thực tiễn về đặc điểm tình

hình huyện Đông Sơn có ý nghĩa quan trọng, làm tiền đề để phân tích thực trạng thực hiện chính sách ASXH tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ở chương 2 của luận văn.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

#### 2.1. Thực trạng triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn

##### 2.1.1. *Thực trạng chủ thể thực hiện chính sách an sinh xã hội*

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Đông Sơn, qua các nhiệm kỳ, UBND huyện Đông Sơn giao Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, đặc biệt là Hội LHPN huyện tổ chức hoạt động chăm lo đời sống chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đông Sơn hàng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao cho Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung chính sách an sinh xã hội. Các nội dung chính sách liên quan đến đối tượng đoàn thể, đơn vị nào thì có văn bản phối hợp chỉ đạo và thực hiện. Trong 5 năm, toàn huyện đã phối hợp MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện các chính sách về hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với hộ nghèo, trong đó có 86 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ. UBND huyện thành lập Ban giảm nghèo do Đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban, cùng với NHCS, trưởng các tổ chức chính trị xã hội cấp huyện, Trưởng Ban giảm nghèo các xã để triển khai thực hiện các nguồn vốn ưu đãi từ NHCS. Thành lập BCĐ liên tịch 01-02 với NHNN cùng các đoàn thể thực hiện hỗ trợ vay vốn, các chính sách ưu đãi đối với nhân dân nói chung và phụ nữ nói chung. Bên cạnh đó UBND huyện, chỉ đạo phòng Lao động thương binh và xã hội phối hợp với BHXH huyện Đông Sơn, các cơ quan, ngành có liên quan đến các chính sách an sinh thuộc các lĩnh vực để phối hợp, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và công chức chuyên môn chính sách - xã hội tham

muu và thực hiện các chỉ đạo từ các văn bản của cấp trên góp phần thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội. Đồng thời cũng chỉ đạo thành lập các BCD chỉ đạo cấp xã đối với từng nội dung của chính sách ASXH, các thành viên có liên quan đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu để thực hiện có hiệu quả. Ngoài ra huyện cũng làm tốt công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể thực hiện các chương trình đề án đối với phụ nữ như “Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”; Các gian hàng phụ nữ khởi nghiệp, các hội thi hội tuyên truyền vệ sinh ATTP, hội thi về phòng chống bạo lực gia đình.... Ngoài ra, hàng năm UBND huyện cũng đã vận động các doanh nghiệp cùng chung tay, góp sức thực hiện và tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương trong đó có các đối tượng là phụ nữ như chương trình tặng quà tết của UBND huyện cho các gia đình hộ nghèo, hộ khó khăn “ Xuân yêu thương” (LĐLĐ huyện Đông Sơn); “Triệu phần và san sẻ yêu thương” (Hội LHPN huyện), MTTQ và các tổ chức tặng các suất quà thể hiện sự quan tâm đối với các đối tượng chính sách đặc biệt là đối với phụ nữ. Chỉ đạo BHXH tham mưu và thực hiện hiệu quả các chính sách về BHYT, BHXH, chế độ thai sản, ốm đau, lương hưu, tử tuất đối với các đối tượng chính sách trong đó có đối tượng là phụ nữ. Chỉ đạo thực hiện tốt các vốn vay ưu đãi, tạo nguồn vốn cho phụ nữ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Đồng thời, bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách, cũng như xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân tham gia giúp đỡ, tài trợ một số các chương trình như hỗ trợ xây dựng nhà ở cho phụ nữ nghèo, tặng quà cho các đối tượng phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn...góp phần thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội.

### ***2.1.2. Các bước tổ chức triển khai thực hiện***

#### ***2.1.2.1. Xây dựng các kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách ASXH***

Công tác xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách ASXH tại huyện Đông Sơn là thực hiện từ các văn bản của Bộ LĐ - TB&XH, Sở LĐ -

TB&XH; các văn bản chỉ đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa về các nội dung liên quan đến chính sách ASXH. Trong thời gian qua, huyện Đông Sơn đã bám sát nội dung các Nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề án của tỉnh Thanh Hóa như: Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình việc làm tỉnh thanh hóa giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 90-KH/TU ngày 15/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch 135/KH-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục tăng cường công tác phụ nữ trong tình hình mới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022-2030 nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh tế; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, ban hành Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. UBND huyện Đông Sơn ra quyết định số 7392/QĐ-UBND ngày 6/8/2021 Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT huyện Đông Sơn. Hàng năm huyện Đông Sơn ra các quyết định giao chỉ tiêu như: Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện về



giao chỉ tiêu BHYT cho các xã, thị trấn năm 2020; Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện về giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT năm 2021; Công văn số 2348/UBND-VP ngày 30/11/2022 yêu cầu tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉ tiêu giao BHYT năm 2022 trên địa bàn huyện. Phương án số 198/PA-UBND ngày 2/9/2021 của UBND tỉnh về đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch sau khi thực hiện xong việc cách ly, UBND huyện Đông Sơn đã chỉ đạo cho Phòng LĐ-TB&XH huyện Đông Sơn phối hợp với Ngân hàng CSXH huyện rà soát và lập danh sách các lao động đã được UBND huyện phê duyệt có nhu cầu được vay vốn tạo việc làm tại địa phương; Thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ huyện Đông Sơn đã ra công văn số 1314/BĐD-NHCS, ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng CSXH huyện Đông Sơn về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương khôi phục sản xuất.

Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ Hội LHPN huyện xây dựng kế hoạch số 12/KH-BTV, ngày 12/7/2021 về thực hiện Chương trình hành động trợ giúp phụ nữ khuyết tật giai đoạn 2021-2030 ; Công văn số 702/SLĐTBXH-TEBĐG ngày 11/3/2022 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Ban Thường vụ Hội LHPN huyện xây dựng công văn số 74/CV-BTV, ngày 5 tháng 11 năm 2022 về thực hiện tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2022. Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chiến lược phát triển gia đình tỉnh Thanh

Hóa đến năm 2030; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 11/10/2022 UBND tỉnh về việc tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 264/KH-UBND 11/10/2022 UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2022” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3877/QĐ-UBND 11/10/2022 UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022-2030. Thực hiện Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 5/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 142-KH/HU ngày 3/4/2023 Ban Thường vụ Huyện ủy Đông Sơn, UBND huyện Đông Sơn xây dựng Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 26/6/2023 về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới”.

Qua thực tế cho thấy công tác xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách ASXH các kế hoạch triển khai được xây dựng thống nhất với chủ trương, chính sách của Tỉnh. Trong những năm qua, huyện Đông Sơn luôn sát sao chỉ đạo, lãnh đạo về trong việc triển khai các chính sách ASXH, trên cơ sở chủ trương, chính sách của tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện Đông Sơn đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, chỉ đạo các xã, thị trấn vận dụng phù hợp với điều kiện của huyện Đông Sơn để thực hiện các chính sách hiệu quả. Điều này cho thấy, việc thực hiện đúng chủ trương, đường lối là một điều kiện cần nhưng xây dựng kế hoạch rõ ràng, linh hoạt và kịp thời phù hợp sẽ đảm bảo được tính khả thi khi vận dụng thực tế tại huyện Đông Sơn.

### *2.1.2.2. Công tác tuyên truyền chính sách*

Huyện Đông Sơn đã tiến hành tổ chức tuyên truyền công tác thực hiện chính sách ASXH với nhiều hình thức khác nhau như:

- Tổ chức hội nghị triển khai các Nghị quyết, chỉ thị, đề án liên quan đến vấn đề chính sách ASXH tại địa phương, tuyên truyền rộng rãi cho các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân biết về mục đích, ý nghĩa của việc tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội.

- Thông qua các cấp hội đoàn thể, tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và nhân dân với nhiều hình thức như: tổ chức các Hội thi, các cuộc thi tuyên truyền, các buổi sinh hoạt của các tổ nhóm, câu lạc bộ...

Tuyên truyền trên hệ thống thông tin truyền thanh, truyền hình huyện với nhiều hình thức như: trên các trang internet, cổng thông tin huyện, chương trình truyền hình của huyện Đông Sơn, truyền thanh, huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. tuyên truyền bằng các hình ảnh trực quan như pano, băng zon, khẩu hiệu...

### *2.1.2.3. Phân công nhiệm vụ và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chính sách*

Việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách ASXH là nhiệm vụ hết sức quan trọng đòi hỏi sự vào cuộc của các cấp, ngành đoàn thể. Để thực hiện chính sách có hiệu quả, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo các phòng ban trực thuộc có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để có đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất đến tận cơ sở mang lại hiệu quả cao nhất. Đồng thời, các chương trình, đề án thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ giao cho Phòng LĐ- TB&XH phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ; Hội LHPN huyện thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực. Hàng tháng, quý UBND huyện, Phòng LĐ-TB&XH tiến hành tổ chức giao ban nội bộ ngành và tiến hành sơ kết 6 tháng/lần theo định kỳ để trao đổi, nắm thông tin thường xuyên tình hình thực hiện, những biến động và phát sinh trong quá trình thực

hiện để giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời không để phát sinh, tồn đọng kéo dài. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách ASXH hiện nay để đánh giá phát hiện những hạn chế của cán bộ thực hiện chính sách, cũng như những tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện để điều chỉnh phù hợp mang lại hiệu quả cao và thiết thực nhất của chính sách ASXH đối với phụ nữ.

## **2.2. Thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn**

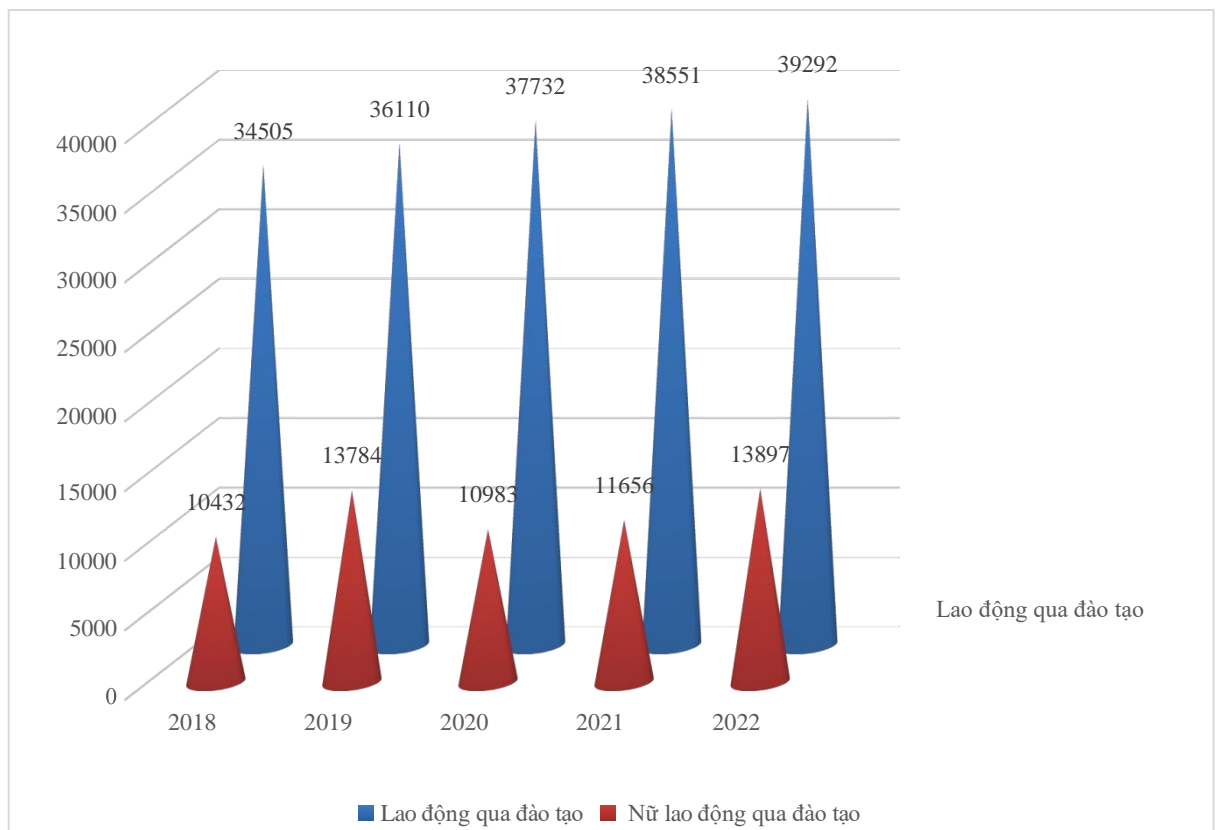
### **2.2.1. Chính sách về việc làm, đảm bảo thu nhập cho phụ nữ**

Những năm qua, với chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của cấp ủy, chính quyền và các cơ quan, ban ngành cùng với sự cố gắng nỗ lực của nhân dân trong huyện, chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ đã thực hiện đạt được những thành tựu, kết quả quan trọng, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế của xã trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Việc làm là vấn đề then chốt quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đảng bộ huyện đã đề ra nhiều chủ trương và chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc để thực hiện tốt chính sách việc làm, có những biện pháp, hoạt động thực tiễn quan trọng để giải quyết vấn đề việc làm cho lao động nói chung và phụ nữ nói riêng.

Hiện nay, huyện Đông Sơn có 48.012 lao động có việc làm thường xuyên, trong đó, có 28.389 lao động nữ có việc làm (chiếm 59,12%), tuy nhiên chất lượng việc làm còn thấp, tính ổn định, bền vững trong việc làm không cao: lao động nữ thường làm trong các ngành, lĩnh vực có trình độ chuyên môn không cao như dịch vụ, dệt may, da giày,... (tỷ lệ nữ tại công ty may Phú Anh 62%. Công Ty InKungvina 58,3%); 12,2 % lao động nữ làm việc trong gia đình không hưởng lương/công và tự làm; 32,8% lao động nữ làm những công việc giản đơn; 38,6% lao động nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; tỷ lệ nữ

cán bộ, công chức viên chức 16,4%. Lương bình quân tháng của lao động nữ làm công hưởng lương khoảng 5,6 triệu đồng. Chất lượng lao động nữ từng bước được cải thiện, tuy nhiên vẫn còn hạn chế về đào tạo chuyên môn, kỹ thuật: chỉ có 35 % lao động nữ đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, trong đó 17,6% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên [88].

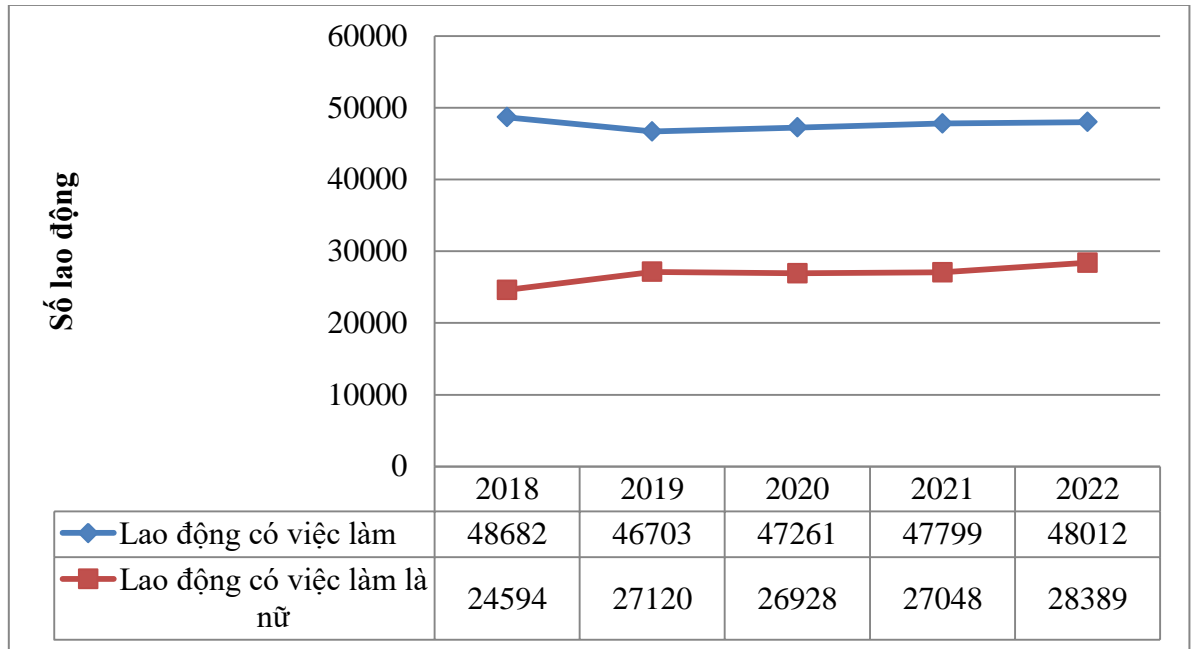


**Biểu đồ 2.1. Nữ lao động qua đào tạo từ 2018 đến 2022**

*(Nguồn: Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đông Sơn)*

Theo báo cáo của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đông Sơn, năm 2018 toàn huyện đã giải quyết việc làm cho 2. 257 lao động, trong đó nữ 1.213 lao động đạt 53,74%. Năm 2018, xét duyệt tổng số vốn cho vay QCVL 11,01 tỷ đồng giải quyết 670 lao động, chủ yếu với các ngành nghề lao động tại địa phương như chăn nuôi, trồng trọt, xây dựng xưởng, buôn bán... tạo việc làm mới cho 520 lao động. Đến năm 2022, tổng số vốn cho vay

GQVL 50,38 tỷ giải quyết 5.467 lao động, trong đó 3.872 lao động nữ, tăng 3.352 lao động trong 5 năm. Số lao động được giải quyết việc làm qua các năm đều tăng [65]; [69].

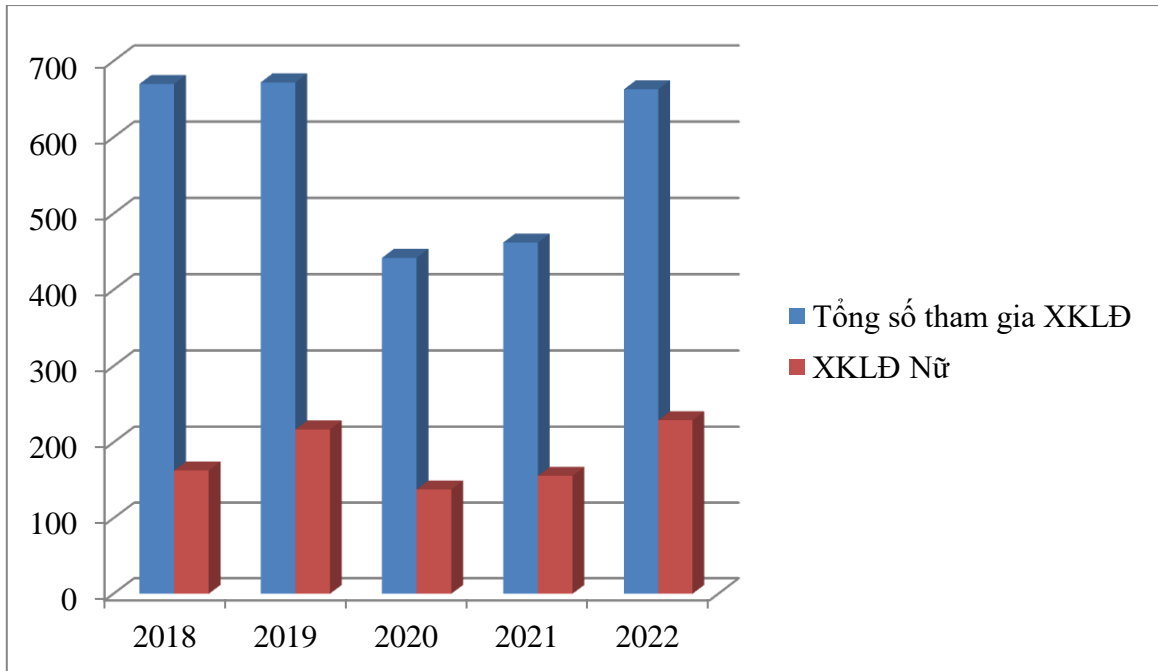


**Biểu đồ 2.2. Lao động nữ có việc làm huyện Đông Sơn từ 2018 - 2022**

(Nguồn: Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đông Sơn)

Số lượng lao động nữ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2018-2022, mặc dù con số này thấp hơn nam giới. Năm 2018, số lao động nữ đi XKLD 163/670 lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; số nữ tăng lên 229/663 vào năm 2022, tăng 66 lao động. Huyện có nhiều chính sách hỗ trợ phụ nữ làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Bên cạnh đó nhu cầu của các quốc gia tiếp nhận lao động trong các ngành nghề sử dụng nhiều lao động nữ tăng (nghề giúp việc gia đình, chăm sóc người bệnh, nông nghiệp, dệt-may,...) và ngày càng nhiều lao động nữ đi XKLD cải thiện kinh tế tăng; Những định kiến về vấn đề lao động nữ tham gia XKLD đã có cải thiện, phụ nữ đã chủ động hơn trong quyết định đi làm việc ở nước ngoài. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, trong năm 2021 huyện Đông Sơn đã có 462 người

XKLD, vượt chỉ tiêu đề ra, thị trường chủ yếu đi làm tại các nước: Hàn Quốc và Nhật Bản. Tuy nhiên tỷ lệ lao động nữ tham gia XKLD còn ít hơn so với nam giới do nhu cầu và tính chất công việc.



**Biểu đồ 2.3. Lao động nữ làm việc tại nước ngoài từ 2018-2022**

(Nguồn: Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đông Sơn)

Phó Trưởng phòng LĐ, TB&XH huyện Đông Sơn bà Lê Thị Thu Hà cho biết: “Thực hiện Đề án Tăng cường công tác xuất khẩu lao động huyện Đông Sơn, giai đoạn 2021-2025, ngoài hỗ trợ 3 triệu từ tỉnh, Đông Sơn đã trích từ ngân sách địa phương hơn 5 tỷ đồng hỗ trợ cho người đi XKLD lần đầu, với mức hỗ trợ 5 triệu đồng/người. Năm 2022, huyện tập trung xuất khẩu sang Nhật Bản và các nước châu Âu, châu Mỹ; Tuy nhiên tỷ lệ lao động nữ tham gia XKLD còn ít hơn so với nam giới do nhu cầu đơn đặt hàng. Trong thời gian tới huyện cũng sẽ tiếp tục phối hợp, liên kết với các đơn vị XKLD có uy tín trên thị trường mở rộng thị trường và tuyển lao động nữ đi XKLD tại các nước Nhật Bản, Châu Âu, Châu Mỹ thu nhập hàng năm từ xuất khẩu lao

*động đạt 30 triệu USD trở lên nhằm giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nữ mang lại thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng đời sống”.*

Công tác đào tạo, dạy nghề được mở rộng. Huyện đã tổ chức được 56 lớp học nghề chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt, nấu ăn, sửa chữa ô tô.....với hơn 1.800 lượt học viên nữ tham gia. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ phụ nữ ứng dụng khoa học kỹ thuật, tham gia chuyển đổi cơ cấu sản xuất, kinh doanh công nghệ cao để tạo ra các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường, thành lập 9 mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ làm chủ: HTX dịch vụ rau công nghệ cao, HTX môi trường của Hội Phụ nữ thị trấn Rừng Thông, HTX trồng Nấm của phụ nữ xã Đông Hòa, HTX trồng cây dược liệu phụ nữ xã Đông Hoàng, HTX sản xuất và chế biến nông sản xã Đông Văn, HTX rau an toàn xã Đông Ninh; tổ hợp tác sản xuất rau và tổ hợp tác nuôi bò sinh sản của phụ nữ xã Đông Yên, tổ hợp tác nấm xã Đông Văn, Đông Tiến. Bên cạnh đó, nhiều địa phương trú trọng ngành nghề truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc của từng địa phương như làng nghề làm bánh đa nem, đánh đa vùng, miến ở Đông Văn, Chăn nuôi và bán thịt thương phẩm dê núi tại Đông Nam; đã thu hút đông đảo phụ nữ tham gia, coi các ngành nghề truyền thống như là món ăn tinh thần trong đời sống hàng ngày của phụ nữ.

Trong đó có 4 ý tưởng đạt giải thưởng “ Phụ nữ khởi nghiệp” cấp tỉnh là HTX Nấm Đông Hòa ( 2017); HTX Rau an toàn TT Rừng Thông (2018); Sản phẩm bánh đa nem, Bánh đa vùng xã Đông Văn (2019), thịt dê núi thành phẩm xã Đông Nam (2022) và Giải “ Liên kết sáng tạo gia tăng giá trị cho cộng đồng” do TW Hội LHPN Việt Nam tổ chức cho HTX trồng và sản xuất cây dược liệu thân thiện với môi trường của phụ nữ Đông Hoàng. Đây không chỉ là các sản phẩm mang lại thu nhập, tạo việc làm cho phụ nữ mà góp phần quảng bá hình ảnh của phụ nữ và con người Đông Sơn. Thực hiện Đề án: “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 -2027” đã khuyến khích phụ nữ huyện



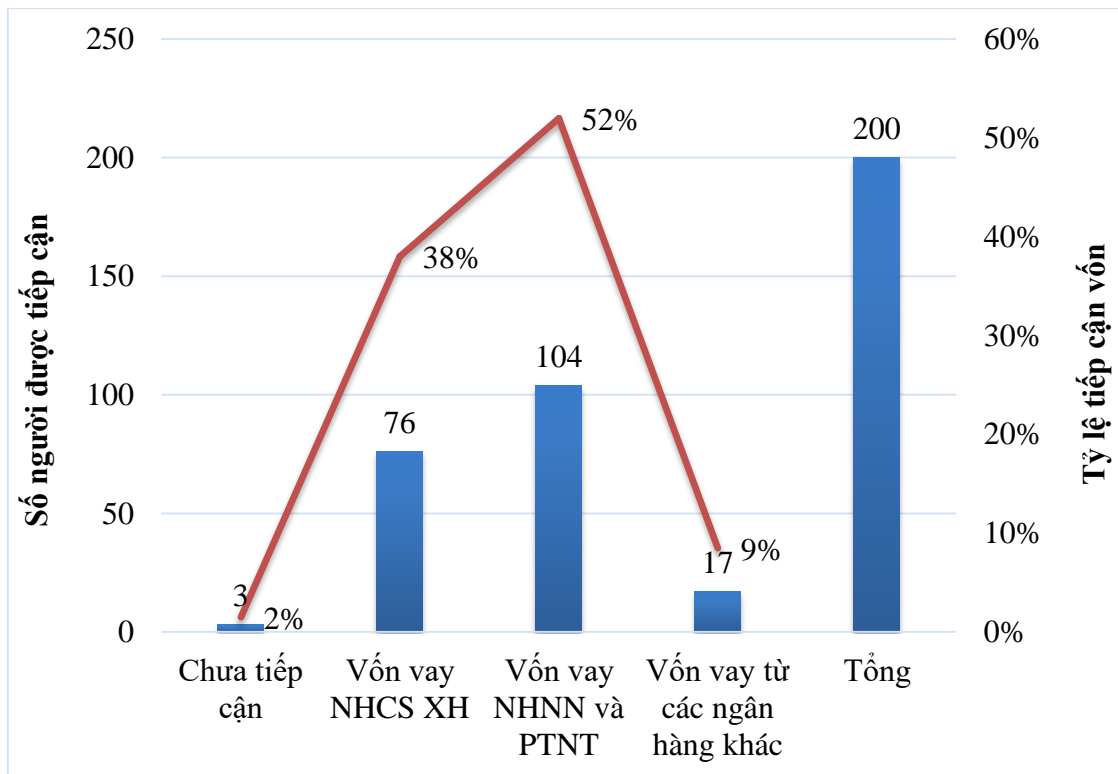
Đông Sơn tham gia khởi nghiệp. Trong 5 năm, có nhiều lượt phụ nữ được hỗ trợ khởi sự kinh doanh, thành lập mới 112 doanh nghiệp nữ, hỗ trợ 94 chi hội trưởng, 14 Phó chủ tịch phụ nữ tham gia chương trình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp với mô hình “ Phụ nữ khởi đầu mới” tạo động lực cho các tầng lớp phụ nữ huyện Đông sơn tham gia kinh doanh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập [47]; [48].

Từ năm 2018 đến 2022, hộ nghèo do phụ nữ là chủ hộ đã cải thiện điều kiện sống tốt hơn: Tỷ lệ nghèo thấp hơn, thu nhập bình quân đầu người cao hơn, nhà ở và nước sạch tốt hơn và tiến bộ nhanh hơn trong cải thiện nhà ở và nước sạch. Hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ năm 2018 là 14,3% (26,2% hộ nghèo, 73,8% hộ nghèo BTXH). Đến năm 2022, toàn huyện 112 hộ nghèo BTXH (hộ nghèo do phụ nữ chủ hộ chiếm 69,6%). Số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ đa số là người cao tuổi, người khuyết tật đang hưởng trợ cấp hàng tháng. Hiện nay, nhóm đơn vị có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là xã Đông Hòa 19 hộ (có 10 hộ nghèo do phụ nữ là chủ hộ), xã Đông Hoàng 12 hộ (có 10 hộ nghèo do phụ nữ là chủ hộ), xã Đông Tiến 12 hộ ( có 09 hộ nghèo do phụ nữ là chủ hộ), ... thấp nhất là TT Rừng Thông không còn hộ nghèo. Hộ cận nghèo: có 851 hộ, chiếm 3,74 % tổng số hộ dân, có 221 hộ cận nghèo do phụ nữ làm chủ hộ [47]; [48].

Trong những năm qua nhờ sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, đoàn thể các cấp huyện Đông Sơn, công tác XDGN đã đạt hiệu quả cao. Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo cho phụ nữ từng bước đi vào chiều sâu trong hình thức và cách thức tổ chức thực hiện, như: Hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho 138 hộ nghèo với tổng số tiền là 6,8 tỷ đồng, trong đó có 86 nhà cho phụ nữ nghèo; xây mới và sửa chữa cho 42 người có công với số tiền 2,1 tỷ đồng, trong đó có 17 đối tượng là nữ; Phối hợp với NHCS cho vay hộ nghèo về nhà ở năm 2018 là 184 hộ với số tiền là 1,79 tỷ đồng giảm xuống còn 38 hộ với số

tiền 855 triệu đồng (năm 2022). Vốn vay ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo 141,071 tỷ đồng với 725 lượt người (năm 2018) còn 94,614 tỷ đồng với 311 lượt vay (năm 2022) [47]; [48].

Qua khảo sát về việc tiếp cận các nguồn vốn vay khi được hỏi “ **Bản thân đã được tiếp cận với Chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, giảm nghèo hay chưa?**” Kết quả thu được:



(Nguồn: Khảo sát từ kết quả nghiên cứu của đề tài)

**Biểu đồ 2.4. Tiếp cận các nguồn vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm**

Ngoài ra thông qua các cấp hội phụ nữ phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng CSXH tranh thủ nguồn vốn vay GQVL, tổ chức tài chính vi mô Thanh Hóa tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận vốn vay, phát triển kinh tế. Đến nay tổng dư nợ các nguồn vốn là 336,9 tỷ đồng cho 7.988 phụ nữ vay. Bên cạnh đó hoạt động tổ vốn tiết kiệm tạo nguồn vốn thông qua 1026 tổ/nhóm tiết kiệm, tín dụng, tiết kiệm lợn nhựa thu được số tiền 3,2 tỷ đồng cho phụ nữ

nghèo, có hoàn cảnh khó khăn vay phát triển kinh tế không tính lãi. Từ các nguồn vốn vay, chị em phụ nữ đã đầu tư chăn nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, thoát nghèo bền vững.

Bên cạnh đó các cấp hội phụ nữ còn thực hiện mô hình hỗ trợ con giống tình thương: 52 con bò sinh sản, 2.000 con gia cầm cho phụ nữ nghèo có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 850 triệu đồng. Bên cạnh đó còn có nhiều loại hình CLB “Phụ nữ phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững” xã Đông Ninh, 12 CLB “Phụ nữ khởi nghiệp” xây dựng mô hình “Ngôi nhà xanh” thu gom phế liệu gây quỹ tặng 800 phần quà cho hội viên phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn với trị giá 78,5 triệu đồng. Xây dựng 8 gian hàng 0 đồng, trao hơn 700 bộ áo dài cho phụ nữ khó khăn [47]; [48].

*“Được sự quan tâm của lãnh đạo, các cấp hội phụ nữ đã quan tâm giúp đỡ phụ nữ nghèo chúng tôi, ra vốn cho gia đình 01 con bò sinh sản để phát triển kinh tế, lại được chị em trong tổ nhóm tiết kiệm, ngân hàng chính sách tạo điều kiện cho vay vốn hộ nghèo 50 triệu để xây chuồng trại, tôi sẽ mua thêm thức ăn và mua thêm gia cầm để tăng gia sản xuất tăng thu nhập cho gia đình chăm cho bò thật khỏe mạnh, sinh sản tốt để tặng lại chị em nào khó khăn hơn làm vốn để cùng nhau thoát nghèo”* (Chị Lê Thị B, 34 tuổi, thôn Triệu Xá 1, xã Đông Tiến).

Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong thực hiện chính sách đối với phụ nữ đã góp phần đưa những chính sách của nhà nước đến với phụ nữ nghèo, tạo động lực cho bản thân họ vươn lên thoát nghèo. Tạo niềm tin giữa nhân dân với chính quyền, mang lại sự công bằng, bình đẳng tạo động lực và sức lan tỏa sâu rộng, hiệu quả đến công tác giảm nghèo bền vững.

### **2.2.2. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với phụ nữ**

Bảo hiểm y tế (BHYT) và BHXH trở thành lưới ASXH quan trọng, hỗ trợ người dân vượt qua các rủi ro ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, thất nghiệp, hết tuổi lao động... Bảo hiểm y tế giúp giảm chi trực tiếp từ tiền túi hộ gia đình cho dịch vụ y tế, góp phần tạo nên sự công bằng trong

chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với nhóm người yếu thế trong xã hội. Thực hiện Nghị quyết số 21 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) giai đoạn 2012-2020”, huyện Đông Sơn hàng năm xây dựng văn bản chỉ đạo, giao chỉ tiêu; thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ thực hiện công tác phát triển đối tượng BHYT, BHXH.

Luôn xác định công tác tuyên truyền có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết, đồng thời đã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung của nghị quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện như: Treo băng zôn, khẩu hiệu tuyên truyền về chính sách BHXH, BHYT; tuyên truyền trên đài truyền thanh huyện và đài truyền thanh các xã, thị trấn. Bên cạnh đó, cơ quan BHXH huyện tổ chức trên 70 hội nghị tư vấn, đối thoại cho trên 5.000 người tại các xã, thị trấn; tổ chức 2 hội nghị bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH, BHYT cho trên 300 lượt cộng tác viên; phát 5.000 tờ rơi về các chế độ, chính sách BHXH, BHYT đến tận các thôn, xóm... Ủy ban MTTQ và các đoàn thể rà soát tình hình tham gia BHYT của đoàn viên, hội viên, phân loại hội viên, đoàn viên chưa tham gia BHYT và có kế hoạch vận động. Nhờ chú trọng tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác BHXH, BHYT, trong thời gian qua, nhận thức của các cấp ủy đảng về chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác BHXH, BHYT được nâng lên, nhận thức của các cấp, các ngành, người lao động, đơn vị sử dụng lao động và nhân dân trong việc tham gia BHXH, BHYT có chuyển biến tích cực; do vậy đối tượng tham gia BHYT ngày càng tăng.

BHXH huyện đã ký văn bản phối hợp với các hội, đoàn thể như Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân thành lập mỗi hội đoàn thể là một đại lý Bảo hiểm Năm 2018 toàn huyện có 25 đại lý BHYT, BHXH là Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội xã thị trấn, ngoài ra còn có 15 đại lý là nhân viên bưu điện. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền, vận động càng hiệu quả và phát

triển rộng rãi. Song song với công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức Hội cũng có rất nhiều các mô hình hỗ trợ phụ nữ mua BHYT.

Để tìm hiểu rõ hơn về mô hình giúp đỡ phụ nữ mua BHYT, tác giả đã tiến hành phỏng vấn chuyên sâu chị Lê Thị Vui - Chủ tịch Hội LHPN huyện Đông Sơn, chị cho biết: *“Nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ đặc biệt là chính sách về BHYT, BHXH, Hội phụ nữ đã thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, phụ nữ và nhân dân trên địa bàn huyện về trách nhiệm, quyền lợi tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Xây dựng mô hình “Hỗ trợ phụ nữ tham gia mua BHYT, BHXH” với hình thức thành lập các tổ nhóm tiết kiệm mỗi tháng từ 200.000 - 300.000 đồng, xây dựng quỹ cho hội viên khó khăn vay để mua BHYT, BHXH. Điển hình tiêu biểu thực hiện có hiệu quả là Hội LHPN xã Đông Ninh, Hội LHPN xã Đông Minh, Hội LHPN xã Đông Tiến, mỗi tháng hỗ trợ từ 20-30 phụ nữ. Hiện nay mô hình đang được nhân rộng trên địa bàn toàn huyện góp phần tăng tỷ lệ BHYT, BHXH, giúp chị em được tham gia khám chữa bệnh thường xuyên, giảm nguy cơ rủi ro và khó khăn về kinh tế khi ốm đau, bệnh tật”.*

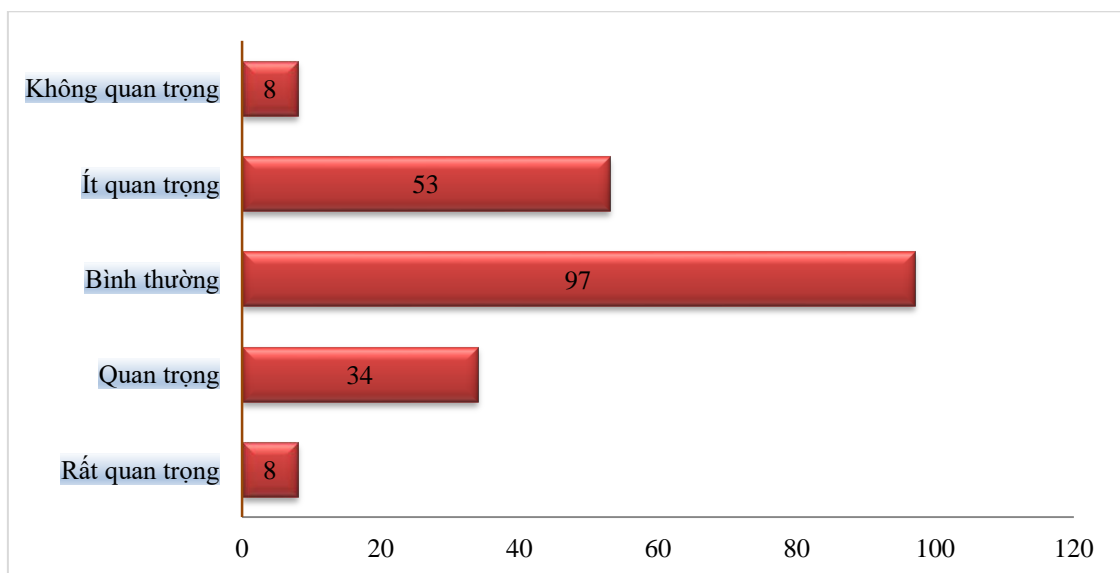
**Bảng 2.3. Số liệu tham gia BHYT, BHXH giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	BHXH, BHYT Bắt buộc		BHXH tự nguyện		BHYT	
	Tổng số	Nữ tham gia	Tổng số	Nữ tham gia	Tổng số	Nữ tham gia
2018	5107	2832	658	472	65025	32489
2019	5335	2936	1040	632	59360	29478
2020	5286	2812	1711	1278	61048	31746
2021	5170	2547	2178	1736	63019	33125
2022	5292	2968	2317	1830	64149	34113

(Nguồn: BHXH huyện Đông Sơn)

Theo số liệu báo cáo của BHXH huyện Đông sơn thì số phụ nữ tham gia BHYT, BHXH và BHXH tự nguyện chiếm hơn 50%. Tuy nhiên theo từng năm thì có biến động tăng, năm 2020, năm 2021 có dấu hiệu giảm do dịch bệnh Covid 19 bùng phát và kéo dài dẫn đến một số lao động nữ mất việc làm do đó số BHXH bắt buộc, chỉ trong 2 năm 2020 - 2021, diện bao phủ BHXH cũng được mở rộng, với hơn 2.832 phụ nữ tham gia chiếm 10,3% lực lượng lao động (năm 2018), lên 2.969 phụ nữ tham gia năm 2022 chiếm số đông, qua mỗi năm số lượng biến động tăng không đều, đặc biệt là trong 2 năm 2020-2021 do ảnh hưởng của dịch Covid 19. Số người tham gia BHXH tự nguyện tăng 1.358 người, tăng gần 3,9 lần so với năm 2018. Đây là con số thể hiện sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong bối cảnh phát triển đối tượng tham gia gặp nhiều khó khăn; hàng năm bảo hiểm đã chi trả chế độ trợ cấp thất nghiệp cho trên 40 lượt người.

Để đánh giá thực trạng nhận thức của cán bộ, phụ nữ về tham gia mua BHXHTN, tác giả của luận văn đã tiến hành điều tra với câu hỏi: ***Tầm quan trọng của việc tham gia BHXHTN đối với phụ nữ?*** Kết quả thu được như sau:



**Biểu đồ 2.5. Kết quả điều tra bảng hỏi tầm quan trọng của BHXHTN**

(Nguồn: Khảo sát từ kết quả nghiên cứu của đề tài)

Kết quả điều tra thu được nguyên nhân tỷ lệ tham gia BHXH chưa cao là do thu nhập của phụ nữ còn bấp bênh không đủ khả năng tham gia chiếm 70%; 10% phụ nữ không tham gia vì quyền lợi BHXH chưa phù hợp; 20% còn lại là các lý do khác.

*“Tôi làm nông lấy tiền mô mà mua bảo hiểm xã hội chị, lúa thì lúc được lúc mất, có đi lau dọn nhà ở thành phố thì cũng thêm pha mua thức ăn với chi tiêu hàng ngày thôi. Mua được cái BHYT tế phòng khi ốm đau là được rồi, còn BHXH có tiền dư nhiều mới tính được”* (Chị Lê Thị H, thôn Yên Thành, Đông Yên).

Do đó, để tỷ lệ phụ nữ tham gia BHXHHTN tăng đòi hỏi các cấp, các ngành cần tuyên truyền thường xuyên và sâu rộng hơn nữa về chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi mua BHXH tự nguyện tại khu vực nông thôn: bằng 30% đối với người tham gia BHXH tự nguyện thuộc hộ nghèo; Bằng 25% đối với người tham gia BHXH tự nguyện thuộc hộ cận nghèo; Bằng 10% đối với các đối tượng khác (thời gian hỗ trợ không quá 10 năm). Chính sách BHXH tự nguyện có ý nghĩa rất lớn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho những người lao động tự do giảm bớt khó khăn, rủi ro khi về già, giúp bảo đảm thu nhập, ổn định cuộc sống cho mỗi người khi hết tuổi lao động.

Năm 2022, Quỹ BHYT đã chi trả cho cho đối tượng là phụ nữ thai sản 623 lượt người và dưỡng sức PHSK 66 lượt với tổng số tiền 11,687 tỷ đồng. Thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT số lượt người khám chữa bệnh trong năm là 65.923 lượt người, với số chi tại cơ sở ước tính 35.797 tỷ đồng, giảm 2.254 lượt người 96%, tăng 3.852 tỷ đồng bằng 112% so với cùng kỳ năm trước ( so với năm 2021). Mức chi phí cho BHYT ngày một tăng do đó tầm quan trọng của BHYT đối với phụ nữ cần được quan tâm hơn nữa, để tránh những rủi ro cho phụ nữ khi bị ốm đau, bệnh tật. Hàng năm, Quỹ BHYT chi trả chi phí khám, chữa bệnh lên đến hàng tỷ đồng. Chi BHXH, BHYT

năm 2018 là 17.945 triệu đồng, năm 2022 tổng số chi: 261,008 tỷ đồng, tăng 243.063 tỷ đồng. Số người tham gia BHYT là 69.441 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 96,065% dân số [7]; [11].

*“Hiện nay chỉ có chính sách thai sản đối với đối tượng tham BHXH mà chưa có thêm quyền lợi thai sản cho đối tượng nữ tham gia BHXH. Muốn tăng tỷ lệ nữ tham gia BHXH thì tôi thấy ngoài được hưởng tử tuất và được hưởng lương hưu khi về già thì cần có thêm chính sách hỗ trợ thai sản đối với nữ, hỗ trợ tiền bím sữa tầm 2 triệu đồng/ lần. (Chị Lê Thị B, Chủ tịch HLHPN xã Đông Ninh).*

### **2.2.3. Chính sách trợ giúp xã hội đối với phụ nữ**

Công tác trợ giúp xã hội từng bước chuyển sang hướng tiếp cận dựa trên quyền con người, lấy con người làm trung tâm. Đối tượng thụ hưởng trợ giúp xã hội được mở rộng và mức chuẩn trợ cấp xã hội được điều chỉnh tăng lên, tạo điều kiện và cơ hội cho các đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống. Số người hưởng chế độ bảo trợ xã hội giảm từ gần 5.587 người năm 2018 xuống 4.963 người năm 2022. Qua khảo sát và số liệu thống kê hàng năm của Phòng LĐ - TB&XH huyện Đông Sơn hàng năm có giảm. Số lượng đối tượng Bảo trợ xã hội là nữ chiếm hơn 50% và thuộc độ tuổi từ 50 đến 70. Đa số phụ nữ thuộc đối tượng này bị tàn tật, khả năng lao động thấp, hoặc không có khả năng lao động, đời sống hết sức khó khăn.

**Bảng 2.4. Đối tượng BHXH nữ giai đoạn 2018 - 2022**

<b>Đối tượng</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Tổng số đối tượng BHXH	5.587	5.585	5.242	5.062	4.963
Đối tượng BHXH là phụ nữ	2.764	2.843	2748	2435	2387

*(Nguồn: BHXH huyện Đông Sơn)*

Huyện cũng chỉ đạo thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội chi trả thường xuyên hàng tháng tại bưu điện các địa phương cho gần 5.000 lượt đối



tượng bảo trợ xã hội, với tổng kinh phí 53 tỷ/ năm hỗ trợ mai táng phí cho 170 đối tượng bảo trợ xã hội, với kinh phí trên 2,2 tỷ đồng/năm; Hội LHPN huyện Đông Sơn và Hội LHPN các xã thị trấn trong huyện đã ra mắt 22 mô hình CLB “Mẹ đỡ đầu kết nối yêu thương” đỡ đầu cho hơn 132 trẻ mồ côi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đã trao 256 suất quà trị giá 76,8 triệu đồng, Phối hợp với các nhà hảo tâm, công ty TFarm tổ chức gặp mặt (2 lần/quý) và trao quà cho 21 cháu mồ côi với trị giá 75 triệu đồng.

Từ năm 2018 đến nay, huyện duy trì mô hình chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thông qua hệ thống bưu điện, mô hình này có nhiều cải thiện hơn so với công tác chi trả truyền thống trước đây, thời gian chi trả nhanh hơn, số lượng điểm chi trả tại các xã, thị trấn ổn định, cán bộ chi trả nhiệt tình, phục vụ tốt, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tạo thuận lợi cho đối tượng thụ hưởng, ít rủi ro, công khai, minh bạch trong công tác chi trả.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Đông Sơn luôn chăm lo chu đáo đến đời sống của thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công với đất nước. Các phong trào nhận phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, nhận đỡ đầu thân nhân liệt sỹ ngày càng mang tính xã hội hóa cao, được các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức quần chúng và đông đảo nhân dân đồng lòng tham gia. Hiện nay, toàn huyện còn 1.983 người đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với tổng kinh phí thực hiện chính sách gần 54 tỷ đồng/năm; 100% người có công được hưởng bảo hiểm y tế. Thăm hỏi, động viên các gia đình người có công và thân nhân gia đình người có công vào các dịp lễ, tết và khi gia đình người có công có việc rủi ro đột xuất,...; 100% các Mẹ Việt Nam anh hùng được các đơn vị, các doanh nghiệp nhận phụng dưỡng suốt đời; 100% người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú.

Bên cạnh thực hiện trợ giúp thường xuyên, công tác trợ giúp đội xuất cũng luôn được chú trọng và quan tâm như các trường hợp thiên tai hỏa hoạn xảy ra. Các cấp từ huyện đến cơ sở đã có những hỗ trợ kịp thời khắc phục khó khăn.

*“ Tôi thuộc đôi tượng mới thoát nghèo, chồng mất sớm một mình nuôi 3 con gái ăn học. Không may trong trận mưa to, bị sét đánh trúng nhà đang ở làm cháy nhà và đồ đạc, lại có một thân một mình, con cái đi lấy chồng và làm việc xa nhà. May có sự quan tâm của các cấp các ngành, từ huyện đến thôn, bà con nhân dân, nhiều tổ chức, ban ngành đoàn thể, cá nhân đã đến động viên, tặng quà và hỗ trợ gia đình khắc phục khó khăn, chỉnh trang lại nhà ở giúp cuộc sống của tôi dần ổn định”* (Chị L.T.H , 52 tuổi, Đông Yên).

#### **2.2.4. Các dịch vụ xã hội cơ bản**

##### ***Bảo đảm về giáo dục***

Đến nay, toàn huyện có 03 trường phổ thông và 01 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tổng số học sinh là 2.754 học sinh, trong đó cấp trung học cơ sở 1.923 học sinh, cấp trung học phổ thông 831 học sinh. Thực hiện tốt chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; thực hiện hiệu quả phổ cập giáo dục các cấp và chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục, đến năm 2022, tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi bậc tiểu học đạt 99,9%; trung học cơ sở đạt 98,6%; trung học phổ thông đạt 99% [88].

Về mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ học nghề cho phụ nữ: toàn huyện có 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện; 14 trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn. Hàng năm được phân bổ từ 30 triệu đến 60 triệu/năm dành cho công tác tập huấn, mở các lớp đào tạo nghề, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Ngoài ra, có hơn 14 doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia hoạt

động đào tạo nghề theo hình thức đào tạo thường xuyên (kèm cặp, truyền nghề tại cơ sở), đào tạo sơ cấp, góp phần giải quyết việc làm sau khi học nghề cho người lao động tại địa phương.

Trong 5 năm, các ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp hoặc liên kết đào tạo 56 lớp dạy nghề cho khoảng 19.000 lao động, trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn chiếm khoảng 19% so với tổng số lao động được đào tạo nghề.

Một trong những chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo được đánh giá cao trong thời gian qua là Chương trình vay vốn tại NHCSXH huyện Đông Sơn: Chương trình cho vay tín dụng ưu đãi học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ gạo với tổng số vốn 3,31 tỷ đồng cho 16 lượt HSSV vay (năm 2018) lên 5,52 tỷ đồng cho 48 lượt HSSV vay (năm 2022) [60]; [64]. Nhờ chính sách này, đã phần nào giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ có con em HSSV. Bên cạnh đó, còn có vốn vay cho HSSV mua máy tính, trang thiết bị phục vụ học với 3,04 tỷ đồng cho 230 lượt người vay tạo cơ hội đến trường, cơ hội học văn hóa, học nghề để nâng cao trình độ để có thể tìm kiếm việc làm tốt, thoát nghèo, có tương lai tươi sáng hơn.

*“ Tôi có 2 đứa con học đại học, một đứa năm 2 Trường Hồng Đức, một đứa năm cuối trường Công nghiệp Hà Nội, cảnh nuôi 2 đứa con ăn học vất vả lắm chị ơi! Nhà thì làm ruộng, kinh tế khó khăn, thấy con thi đậu cũng mừng mà lại lo, lấy cái chi cho con ăn học. Cũng may được các chị phụ nữ hướng dẫn cho vay vốn sinh viên của Ngân hàng chính sách, cũng bớt phần nào gánh nặng chứ dồn vào 2 vợ chồng chắc không kham nổi, được nhà nước và các cấp quan tâm đến đầu tư cho tương lai mong các cháu sau này có công ăn việc làm ổn định để đỡ khổ”* (Chị T.T. L, 55 tuổi, Thôn Thế Giới, xã Đông Ninh).

#### ***Về bảo đảm y tế tối thiểu***

Toàn huyện có 24 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập (trong đó, 16 cơ sở công lập và 08 cơ sở ngoài công lập), tổng số giường nội

trú tại các bệnh viện, trung tâm y tế có giường bệnh là 2.590 giường, đạt 25,43 giường bệnh/vạn dân [88]. Nhìn chung, mạng lưới y tế được đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp, trang thiết bị y tế cơ bản đủ để phục vụ hoạt động chuyên môn; nhân lực và trình độ chuyên môn của cán bộ y tế luôn được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Về bảo hiểm y tế: số phụ nữ tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 32.489 người năm 2018 lên 34.113 người năm 2022; dự kiến năm 2023 số người tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục tăng. Huyện tiếp tục chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động người dân chuyển sang tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình.

Ngành y tế đã tập trung chỉ đạo thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra hàng năm, duy trì khám chữa bệnh định kỳ cho phụ nữ, tiêm phòng cho phụ nữ mang thai; tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ 3 lần trở lên đạt trên 82%.

Về công tác phòng, chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân: Hàng năm, tổ chức triển khai cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi và bà mẹ sau sinh uống Vitamin A. Kết quả có trên 97% trẻ được uống Vitamin A và trên 82% bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A. Tổ chức truyền thông về phòng, chống thiếu vitamin A, về thiếu máu dinh dưỡng: thực hiện cân đo trẻ dưới 5 tuổi để đánh giá tỷ lệ suy dinh dưỡng; đến cuối năm 2022, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em 5 tuổi giảm còn 0,57%; Bình quân hàng năm tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho trên 1.500.000 lượt bệnh nhân; điều trị nội trú 120.000 lượt bệnh nhân, điều trị ngoại trú trên 12.000 lượt bệnh nhân... [88].

Về công tác y tế dự phòng và chương trình phòng chống lao: huyện chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh. Duy trì tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vắc xin. Tăng cường chỉ đạo công tác tiêm vắc xin

phòng Covid-19 cho phụ nữ, tính từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/3/2022, huyện đã tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 đạt 87,1% [88].

### *Về bảo đảm nhà ở tối thiểu*

Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về nhà ở; huyện Đông Sơn đã tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách liên quan đến nhà ở cho các đối tượng phụ nữ: người có công với cách mạng, hộ nghèo, người có thu nhập thấp, cụ thể:

Theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Đông Sơn xây dựng và thực hiện Đề án Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở năm 2021 trên địa bàn huyện đối với 236 hộ người có công với các mạng và thân nhân liệt sĩ.

Năm 2022, đã hỗ trợ nhà ở cho 142 hộ. Trong 5 năm, thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách khó khăn về nhà ở theo quyết định số 167/2018 đã hỗ trợ 343 hộ xây mới và sửa chữa; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ được 180 hộ. Hỗ trợ vốn vay nhà ở xã hội cho 75 hộ.

**Bảng 2.5. Kết quả cho vay nhà ở đối với phụ nữ từ năm 2018 - 2022**

(Đơn vị: nghìn đồng)

<b>Năm</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Vốn vay nhà ở cho hộ nghèo (QĐ167/2008)	867.180	357.250	186.100	56.000	27.710
Vốn vay nhà ở cho hộ nghèo (QĐ 33/2015)	925.000	925.000	916.400	863.400	828.400
Vốn vay nhà ở xã hội (NĐ100/2015)	786.410	1.557.000	3.817.000	6.627.000	11.787.000

(Nguồn: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn)

*“Tôi là một giáo viên mầm non đã làm việc từ năm 2012, đồng lương ít ỏi, chồng làm lao động tự do, 2 vợ chồng lương tháng cộng lại gần 10 triệu đồng chi phí sinh hoạt nuôi con cái ăn học, do đó làm nhà quả là một*

*vấn đề gian nan; tiếp cận được nguồn vốn vay làm nhà ở xã hội của Ngân hàng CSXH, vợ chồng tôi đã được vay 470 triệu để làm nhà, đối với chúng tôi đây là một may mắn, hàng tháng chỉ phải trả lãi khoảng 1,89 triệu đồng, trong vòng 20 năm, vậy là chúng tôi vẫn có điều kiện xây nhà ở và vẫn có một khoản tiền nhất định để trang trải cuộc sống, không phải lo mưa nắng”* (Nữ, 42 tuổi, GV Trường MN Đông Yên).

### ***Về bảo đảm nước sạch***

Năm 2018, tỷ lệ người dân được cung cấp nước sạch hợp vệ sinh đạt 99%; đến cuối năm 2022, tỷ lệ người dân được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 100% (tăng 0,01%). Các ngành, các cấp phối hợp tham gia tốt hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng nước sạch.

*“Nhà tôi trước đây hay dùng nước giếng khoan là chủ yếu, nhưng sau khi tham gia lớp tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm và được các chị phụ nữ tuyên truyền tôi mới thấy nước sạch quan trọng đối với sức khỏe như răng. Bên cạnh đó lại được vay vốn nước sạch của của ngân hàng chính sách tôi về bàn với chồng con đăng ký kéo được nước sạch với xây công trình vệ sinh. Dùng thời gian mới thấy, da dẻ thì trắng ra, người cũng khỏe khoắn đỡ bệnh tật hơn chị ạ”* (Chị Nguyễn Thị V, 46 tuổi thôn Chiêu Thượng, xã Đông Phú)

Công tác vệ sinh môi trường cũng được quan tâm. Với nhiều mô hình do phụ nữ thực hiện như mô hình “*Phụ nữ với công tác vệ sinh môi trường*”, đồng thời duy trì có hiệu quả “*Đoạn đường phụ nữ tự quản Xanh- sạch-đẹp*”, mô hình “*Hạn chế sử dụng túi ni lông*”... Làm phân vi sinh hữu cơ từ những nguyên liệu có sẵn: rom rạ, phế thải của nấm, nhằm góp phần hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của chất thải tới môi trường, phân loại và xử lý rác thải tại hộ gia đình. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng “*Ngày môi trường thế giới*”, 100 % các xã, thị trấn đồng loạt ra quân tổng vệ sinh, trồng hoa, trồng cây xanh.

### Về bảo đảm thông tin truyền thông

Công tác thông tin tuyên truyền luôn được nâng cao chất lượng hiệu quả công tác bằng nhiều hình thức: như tuyên truyền miệng thông qua các buổi tập huấn, các buổi truyền thông về sức khỏe, thông qua hoạt động của các tổ nhóm tiết kiệm, sự phát triển của các Câu lạc bộ. Hiện nay trên địa bàn huyện Đông Sơn hình thức hoạt động các mô hình CLB rất sôi nổi, có 98 CLB dân vũ, 22 CLB “ 5 không 3 sạch, 07 CLB tiểu thương và hơn 100 các loại hình, mô hình hoạt động khác của phụ nữ trên địa bàn toàn huyện đã góp phần thúc đẩy các hoạt động thông tin truyền thông.

Bên cạnh đó 94 thôn, khu phố trên địa bàn toàn huyện được trang bị mỗi thôn từ 3-5 cụm loa truyền thanh thông minh, phát thanh vào buổi sáng, buổi chiều nhằm phổ biến các thông tin, nội dung hoạt động, các chính sách của Đảng và Nhà nước được cập nhật liên tục, giúp cho chị em hội viên phụ nữ, nắm bắt được nhiều nội dung phong phú. Hiện nay, các trang thiết bị truyền đạt thông tin như tivi, điện thoại thông minh chiếm hơn 80%. Hiện nay 85/94 Nhà văn hóa các thôn được trang bị ti vi và máy tính tính có kết nối Internet tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nói chung và phụ nữ nói riêng tiếp cận thông tin.

**Bảng 2.6. Nguồn tiếp cận thông tin của phụ nữ về chính sách an sinh xã hội tại các điểm nghiên cứu**

STT	Nguồn cung cấp thông tin	Xã Đông Yên	Xã Đông Tiến	Xã Đông Ninh	Xã Đông Phú
1	Từ truyền thanh, truyền hình	13.33%	6.7%	20.0%	13.3%
2	Từ chính quyền địa phương	13.33%	13.3%	13.3%	20.0%
3	Qua sinh hoạt các tổ, nhóm, CLB	20.00%	26.7%	26.7%	26.7%
4	Qua công tác tuyên truyền, tập huấn Hội LHPN các cấp	46.67%	53.3%	46.7%	40.0%
5	Từ các nguồn thông tin khác	6.67%	0.0%	0.0%	0.0%

(Nguồn: Khảo sát từ kết quả nghiên cứu của đề tài)

*“Trong những năm qua, Hội phụ nữ đã phối hợp với cơ quan, ngành các cấp mở các buổi tập huấn, tuyên truyền về chính sách BHYT, BHXH đối với phụ nữ, ra mắt các mô hình phụ nữ giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, mô hình hỗ trợ phụ nữ mua BHYT, thông qua các hoạt động, các buổi sinh hoạt tuyên truyền, giải đáp các thắc mắc, các vấn đề chị em chưa nắm rõ về các chính sách đối với phụ nữ” (Nữ, 52 tuổi, cán bộ Hội LHPN xã Đông Ninh)*

Do phụ nữ phải đảm nhận nhiều công việc như nội trợ, chăm sóc con cái, đồng áng do đó thời gian để xem ti vi, truyền hình thường rất khó khăn. Những vấn đề liên quan trực tiếp thì phụ nữ mới gặp gỡ chính quyền địa phương, do đó cách tiếp cận nội dung về chính sách cũng hạn chế. Chủ yếu phụ nữ tiếp cận qua các buổi tập huấn, chuyên đề chị em có thời gian để lắng nghe, trao đổi những thắc mắc, những khó khăn trong tiếp cận thông tin, tại đây sẽ được các cấp hội, ban ngành giải đáp một cách rõ ràng, chính xác và có sự trao đổi thông tin sẽ giúp cho chị em hiểu nhanh, nhớ lâu hơn.

Ngoài ra việc tham gia các hoạt động tổ nhóm cũng giúp phụ nữ tiếp cận được thông tin từ một vài lĩnh vực cụ thể thông qua nội dung sinh hoạt của CLB, tổ nhóm. Qua khảo sát tác giả cũng nhận thấy cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, đa dạng hóa các loại hình sinh hoạt, sử dụng triệt để chức năng, trang thiết bị tuyên truyền theo hướng công nghệ số để như thông qua mạng xã hội, tuyên truyền bằng các hình ảnh, hoạt động trực quan sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

### ***Công tác bình đẳng giới***

Hàng năm, phòng LĐ&TBXH huyện phối hợp với các tổ chức đoàn thể, hội phụ nữ tổ chức các lớp tập huấn về công tác bình đẳng giới với nội dung *“Hướng dẫn cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực”*, các vấn đề phòng ngừa và ứng phó với bạo lực người chưa thành niên và phụ nữ, về tầm quan trọng và cơ sở pháp lý của bình đẳng giới;



thách thức và thực trạng việc thực hiện bình đẳng giới; chiến lược tăng cường sự đại diện của phụ nữ trong hệ thống chính trị; thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị hiệu quả; các thông tin, kiến thức liên quan đến công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới.

Theo đó, nam - nữ trong xã hội hiện nay có vai trò ngang nhau thể hiện sự bình đẳng giới. Cần được tạo điều kiện để có cơ hội phát huy năng lực của mình và thụ hưởng như nhau.

Huyện Đông Sơn phân bổ kinh phí 60 triệu đồng/năm cho hoạt động thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; Ngoài ra tại một số xã, thị trấn tùy vào nguồn kinh phí của địa phương cũng đã phân bổ kinh phí cho hoạt động công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ từ 2-6 triệu đồng/năm nhằm phục vụ các hoạt động tập huấn công tác bình đẳng giới, phổ biến các kiến thức về công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường, phòng chống xâm hại phụ nữ và trẻ em với trên 15.380 lượt phụ nữ tham gia.

Huyện Đông Sơn cũng xây dựng 23 mô hình: “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” với hơn 700 thành viên tham gia với đông đảo các thành phần là cán bộ, hội viên phụ nữ, nam giới tham gia. Từ đó nâng cao nhận thức cho phụ nữ, cộng đồng góp phần xây dựng môi trường sống an toàn và giải quyết cấp thiết các vấn đề xã hội đối với phụ nữ. Bên cạnh đó, cũng chú trọng việc đưa các mục tiêu bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển KT-XH, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

*“Cần có sự phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể trong công tác vận động, tuyên truyền để mỗi chị em phải tự chủ, tích cực học tập, lao động, sáng tạo, nâng cao vai trò, vị thế của mình trong cộng đồng, xã hội. Hãy để thông điệp: “Chấm dứt bạo lực, vun đắp yêu thương” là nền tảng thúc đẩy*

*bình đẳng giới và xây dựng một gia đình hạnh phúc góp phần xây dựng xã hội phát triển bền vững”, (Nam, 41 tuổi - Phó Chủ tịch UBND xã Đông Yên).*

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ phối hợp với MTTQ và các đoàn thể tham gia kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn trong việc thực hiện công tác tư vấn, hòa giải về hôn nhân và gia đình; thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ, hạnh phúc. Đài truyền thanh huyện tăng cường tuyên truyền về sự cần thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ cao; quan tâm đến vấn đề quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ, qua đó tạo bước chuyển biến rõ rệt về hiệu quả công tác phụ nữ ở từng ngành, từng đơn vị.

### **2.3. Đánh giá chung kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa**

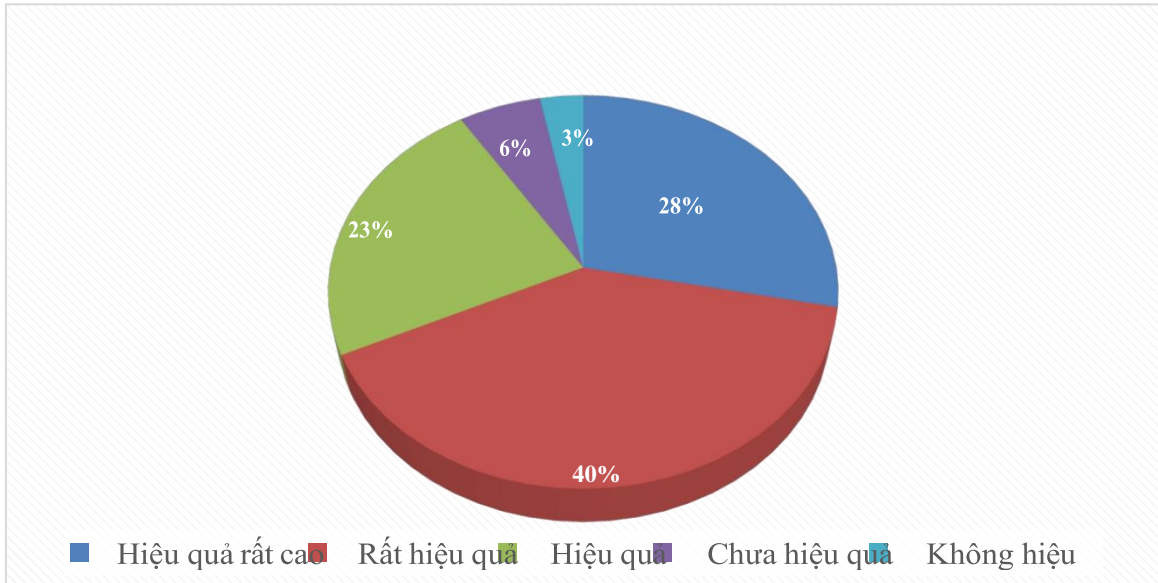
#### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Nhìn chung, trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân công tác hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn đã triển khai thực hiện một cách đồng bộ, tác động tích cực, toàn diện, đều khắp đến các đối tượng phụ nữ cần được thụ hưởng và đem lại hiệu quả thiết thực.

*“Trong 5 năm qua, MTTQ và các đoàn thể đã phối hợp công tác tuyên truyền vận động hội viên và nhân dân thực hiện tốt công tác an sinh xã hội nói riêng và phụ nữ nói chung. Bên Cạnh đó MTTQ cũng kêu gọi, vận động các doanh nghiệp, cá nhân huy động nguồn kinh phí giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cùng với sự hỗ trợ từ MTTQ huyện đã xây dựng và sửa chữa 8 ngôi nhà cho hộ nghèo trong đó có 5 hộ do phụ nữ làm chủ hộ. Ngoài ra, MTTQ hàng năm cũng vận động quỹ “ Vì người nghèo ” để hỗ trợ giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong toàn xã. Đồng thời cũng phối hợp với các ban, ngành đoàn thể thường xuyên tham gia giám sát, phản*

biện việc thực hiện các chính sách như về hỗ trợ nhà ở, cấp tiền điện cho hộ nghèo để kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực tế để có những phản ánh kịp thời để có điều chỉnh phù hợp” (Chị N.T.H, 52 tuổi, CT MTTQ xã Đông Hòa).

Khi lấy phiếu ý kiến đánh giá về hiệu quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trong 5 năm qua tác giả thu được kết quả như sau:



**Biểu đồ 2.6. Đánh giá về kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ giai đoạn 2018 - 2022**

(Nguồn: Khảo sát từ kết quả nghiên cứu của đề tài)

Từ những quan tâm của chính sách Nhà nước, sự tạo điều kiện của địa phương bằng các giải pháp đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ nhà ở, dịch vụ y tế, vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp...luôn được các chị em phụ nữ tiếp cận thuận lợi và đạt hiệu quả thực tế cao. Các địa phương luôn tích cực, chủ động trong việc thực hiện lồng ghép các chương trình, kêu gọi các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ tham gia của cả cộng đồng nên việc thực hiện chính sách an sinh đối với phụ nữ huyện Đông Sơn đã đạt hiệu quả cao.

“Được sự quan tâm của chính quyền và đoàn thể huyện, xã năm 2018 đã hỗ trợ gia đình tôi 50 triệu đồng cùng với bà con hàng xóm, các chị phụ

*nữ đã hỗ trợ ngày công xây dựng, mẹ con tôi có được căn nhà để mẹ con tôi che nắng che mưa, các cháu cũng yên tâm học hành. Bên cạnh đó gia đình còn được vay vốn của ngân hàng chính sách ưu đãi cho hộ nghèo, tôi mua bò và chăn nuôi cũng phần nào giúp kinh tế gia đình đi lên. Đến nay, gia đình tôi đã thoát nghèo, kinh tế gia đình cũng khá lên. Rất cảm ơn sự quan tâm của các cấp, ở làng tôi đến nay số gia đình nghèo cũng giảm hẳn. ( Chị L.T.C, 44 tuổi, Yên Trường, Đông Yên)*

Việc tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng các tổ chức hội thành các đại lý BHYT, BHXH đã góp phần mang lại hiệu quả cao, tăng đáng kể tỷ lệ người dân nói chung và phụ nữ nói riêng tham gia BHYT, BHXH tự nguyện. Đối tượng phụ nữ được tiếp cận và được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước; tác động tích cực, toàn diện lên mọi mặt đời sống xã hội đối với phụ nữ từ điều kiện sinh hoạt, nơi ăn, chốn ở; chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất cho đến sự quan tâm, chăm sóc, động viên tinh thần của toàn xã hội... đã làm chuyển biến đáng kể điều kiện sống, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho chị em phụ nữ.

Từ đó tạo động lực cho chị em ngày càng hăng say hơn trong các phong trào nhiệm vụ của địa phương. Đặc biệt, là phong trào xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu. Trong quá trình thực hiện chính sách ASXH, huyện đã lãnh đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình các bước theo quy định; vận dụng linh hoạt các nguồn lực tham gia thực hiện có hiệu quả; đảm bảo các nguồn lực đều đến đúng đối tượng, đáp ứng được nhu cầu và niềm mong mỏi của chị em phụ nữ, không để xảy ra thất thoát, sai phạm xảy ra. Đây là sự nỗ lực rất lớn của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được nhân dân đánh giá cao.

### 2.3.2. Hạn chế

#### 2.3.2.1. Về thực hiện chính sách việc làm, đảm bảo thu nhập và giảm nghèo

Công tác chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội trong đó có lồng ghép trong các chỉ tiêu hướng tới xóa đói giảm nghèo; tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều lúng túng, số hộ thoát nghèo nhanh tuy nhiên chưa thật sự bền vững, việc hỗ trợ trực tiếp đối với hộ nghèo là giải pháp ngắn hạn, chưa mang tính lâu dài. Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện và các xã, thị trấn đều là làm nhiệm vụ kiêm nhiệm nên việc kiểm tra, giám sát các chương trình còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên; công tác đánh giá, sơ kết, tổng kết chưa được chú trọng và kịp thời; trong quá trình , kiểm tra, đánh giá công nhận hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo ở một số đơn vị vẫn còn hiện tượng nê nang, dẫn đến một số đối tượng ì lại, trông chờ vào chính sách của Nhà nước và địa phương.

*“Nhằm hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo theo tiêu chí Hội Phụ nữ đảm nhiệm, Hội phụ nữ đã có nhiều chương trình hỗ trợ phụ nữ nghèo như: hỗ trợ con giống, tặng quà nhân dịp các ngày lễ, tết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng nảy sinh một số hạn chế như: một số chị em được hỗ trợ con giống đã k nuôi mà đem bán, chưa chịu khó lao động, mong chờ sự hỗ trợ vào nhà nước và đoàn thể, không có ý chí vươn lên thoát nghèo. Trong thời gian tới, hội cũng sẽ có nhiều giải pháp để cho phụ nữ được vay vốn và tham gia sản xuất hoặc hỗ trợ một phần kinh phí, cá nhân chị em phải bỏ thêm vốn vào sản xuất để có trách nhiệm và tạo ý chí tự vươn lên thì mới thực sự thoát nghèo”* (Chị L.T.H, 37 tuổi, cán bộ Hội).

Một số cơ chế, chính sách giảm nghèo vẫn còn chông chéo; một số cán bộ làm công tác giảm nghèo thường xuyên thay đổi, chính sách đãi ngộ, kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo giảm nghèo còn hạn hẹp. Một bộ phận cán bộ trẻ mới được tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm, trong khi đó khối lượng công việc ngày càng gia tăng, yêu cầu đáp ứng cho thực tế phát triển ngày

càng cao, một số bộ phận cán bộ ở cấp xã còn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chính sách. Bên cạnh đó, vẫn còn một số hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu ý thức vươn lên, còn trông chờ, ỷ lại, lười lao động, chỉ muốn dựa vào trợ cấp của nhà nước và xã hội; thiếu tích cực và chủ động phối hợp với các chủ thể khác trong quá trình thực hiện chính sách ASXH.

#### 2.3.2.2. Về thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Sự suy thoái về kinh tế cộng thêm dịch bệnh Covid 19 kéo dài nền kinh tế đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cũng bị trì trệ cũng đã tác động mạnh đến việc làm và việc tham gia BHXH, BHYT của doanh nghiệp cũng như người lao động.

Một bộ phận không nhỏ ý thức của người dân, đặc biệt là phụ nữ chưa hiểu hết được tầm quan trọng và ý nghĩa của Chính sách ASXH, sự thiếu hiểu biết về những lợi ích việc mua thẻ BHYT, BHXH... Bên cạnh đó, nhiều đơn vị sử dụng lao động tìm mọi cách tránh né không tham gia BHXH, BHYT hoặc tham gia cầm chừng; doanh nghiệp tham gia chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, cán bộ chuyên trách hầu như không có, thiếu kinh nghiệm, thường xuyên thay đổi, không nắm bắt kịp thời các quy định về BHXH, BHYT...

Một bộ phận không nhỏ đơn vị sử dụng lao động chậm nộp, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN chưa được khắc phục, do chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, làm cho nhiều đơn vị sử dụng lao động không lo được việc làm phải ngừng việc và chấm dứt hợp đồng nên số người lao động tham gia BHXH giảm, ảnh hưởng đến việc giải quyết chế độ, chính sách cho lao động nữ. Một số quy định của luật còn chòng chéo, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng ban hành chậm, dẫn đến việc triển khai áp dụng còn lúng túng, bị động. Có sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhưng nhiều khi

thiếu sự đồng bộ, thống nhất nên kết quả đem lại chưa cao. Việc giải quyết chế độ chính sách cho phụ nữ đôi lúc còn chưa kịp thời, còn tồn đọng, đặc biệt là những đơn vị nợ, sau khi đã nộp BHXH, BHYT, BHTN.

#### *2.3.2.3. Về thực hiện chính sách trợ giúp xã hội*

Trước tiên, đó là khuôn khổ pháp lý về trợ giúp xã hội chưa hoàn thiện, phương pháp tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội chưa theo kịp tình hình thực tiễn và xu hướng phát triển xã hội, mới chỉ tập trung vào khắc phục rủi ro cho nhóm phụ nữ người nghèo, yếu thế và dễ bị tổn thương, các đối tượng bệnh tật thuộc đối tượng BHXH, chưa chú trọng đến việc tăng cường khả năng phòng ngừa và ứng phó với rủi ro của phụ nữ.

Bên cạnh đó, việc xã hội hóa trợ giúp xã hội chưa được nhận thức phù hợp, thiếu chính sách, cơ chế khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội. Việc tìm hiểu thông tin về trợ giúp xã hội còn nhiều hạn chế, công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin pháp luật về trợ giúp xã hội còn chưa được quan tâm; Chưa huy động được các nguồn lực cho trợ giúp xã hội, chủ yếu là dựa vào ngân sách Nhà nước.

#### *2.3.2.4. Về thực hiện chính sách dịch vụ xã hội cơ bản*

Chất lượng dịch vụ ASXH chưa cao, việc tăng nhanh số lượng các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập do đó nhiều vấn đề nảy sinh trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ. giá các dịch vụ khu vực tư nhân cao, các loại phí dịch vụ bị điều chỉnh tùy tiện. Ví dụ như, hàng loạt trường mầm non tư thực thành lập nhưng không đáp ứng đủ về không gian cho trẻ, thực phẩm và các điều kiện chăm sóc trẻ cũng không được đảm bảo, thiếu giáo viên cơ hữu; các cơ sở khám chữa bệnh không đáp ứng được yêu cầu, nâng tùy tiện giá thuốc. Sự chông chéo trong chính sách dịch vụ xã hội giữa các văn bản gây khó khăn cho quá trình thực hiện tiếp nhận thông tin, dẫn đến quá trình thực hiện còn lúng túng.

### **2.3.3. Bài học kinh nghiệm**

Một là, chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững, nâng cao sự bình đẳng trong phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách an sinh xã hội phải được thực hiện đồng bộ song hành cùng với phát triển kinh tế, tương xứng với sự phát triển và nguồn lực.

Hai là, chính sách an sinh xã hội phải được thực hiện đồng bộ, có mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể; thực hiện chính sách một cách kịp thời, bảo đảm thu nhập và việc làm cho đối tượng phụ nữ nghèo, khó khăn.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và truyền thống tốt đẹp, tương thân, tương ái của dân tộc ta.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời huy động sự tham gia mạnh mẽ của toàn xã hội; đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Bốn là, hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển phù hợp, có chương trình hành động cụ thể, khả thi và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng thời phải bám sát với thực tế địa phương, tạo sự linh hoạt, đúng người, đúng đối tượng. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách. Bên cạnh đó phải làm tốt công tác tuyên truyền, sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa người thực hiện chính sách và đối tượng thụ hưởng, huy động xã hội hóa từ cá nhân và các tổ chức để cùng chung tay thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội nói chung và phụ nữ nói riêng, tạo đồng thuận cao trong xã hội.



## Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn tác giả đã tập trung đánh giá thực trạng công tác tổ chức triển khai, các bước thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ của huyện Đông Sơn. Trên cơ sở nghiên cứu, luận văn đi sâu đánh giá một cách khách quan, trung thực và cụ thể về tình hình thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn. Từ đó, đưa ra những nhìn nhận, đánh giá khách quan về những kết quả, thành tựu cũng như chỉ ra những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai và thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện trong 5 năm qua. Từ những vấn đề thực tiễn đó có vai trò to lớn và hết sức quan trọng trong việc đưa ra những phương hướng, giải pháp (được trình bày ở Chương 3) để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm điều chỉnh, hoàn thiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả và thiết thực trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ trên phạm vi cả nước nói chung và huyện Đông Sơn nói riêng.

Kết quả nghiên cứu là minh chứng cho quá trình triển khai, tổ chức các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, đảm bảo đúng nguyên tắc, quy trình theo quy định, hướng dẫn quy định. Bên cạnh đó còn có nhiều mô hình hay, cách làm thiết thực để việc thực hiện chính sách ASXH không chỉ bó hẹp trong phạm vi, nhận thức bởi đối tượng hưởng lợi và các cơ quan chức năng thực hiện, mà đã có sức lan tỏa tích cực, sâu rộng trong đời sống xã hội; để xã hội có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới; được các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia với nhiều hình thức, cách làm sáng tạo; nhiều phong trào mang lại hiệu quả, thiết thực giúp cho chị em phụ nữ, đặc biệt là những phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng của chính sách an sinh xã hội có điều kiện, cơ hội vươn lên hòa nhập với xã hội, với phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau”; góp phần nâng

cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người phụ nữ, để phụ nữ có cơ hội, điều kiện đóng góp cho xã hội, cho đất nước; cùng giải quyết và cùng có trách nhiệm trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

### Chương 3

## PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

### 3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn

#### 3.1.1. Phương hướng chung

Đặt ra mục tiêu đến năm 2025, công tác thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn cơ bản được bao phủ tới toàn thể phụ nữ, nhằm bảo đảm cho phụ nữ có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia BHXH, bảo đảm hỗ trợ những phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi thu thập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo...); bảo đảm cho phụ nữ được tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin), góp phần giảm nghèo bền vững, ổn định chính trị và phát triển kinh tế-xã hội. Quá trình tự “an sinh” của phụ nữ được nâng cao. Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ đạt hiệu quả cao là góp phần phát triển kinh tế - xã hội huyện Đông Sơn một cách bền vững, giàu mạnh, công bằng và hội nhập. Thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra: Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, gắn với thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với phụ nữ. Trong đó, chú trọng giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm, các vấn đề bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, thu hẹp khoảng cách giới tính trong xã hội [48].

#### 3.1.2. Phương hướng cụ thể

3.1.2.1. Hoàn thiện Chính sách về việc làm, đảm bảo thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ

##### \* Chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm sau học nghề

Đổi mới công tác quản lý về giáo dục nghề nghiệp, hoàn thiện và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp đáp ứng được

yêu cầu quản lý thông qua việc chuẩn hóa cán bộ quản lý các cấp. Không ngừng hoàn thiện các chính sách. Và tăng cường các cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp. Phát triển hệ thống quản lý, đảm bảo, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở dự báo nhân lực theo lĩnh vực, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; hoàn thiện mạng lưới các trường đào tạo các ngành, nghề lao động kỹ thuật, phù hợp với các đối tượng phụ nữ, các ngành nghề đang có nhu cầu về lượng lao động nữ cao theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện để phụ nữ phát triển tài năng” [37].

Xây dựng lộ trình, giải pháp nhằm hoàn thiện bộ máy, từng bước giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ lãnh đạo để chủ động thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhân lực cho phụ nữ .

Xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo nghề đặc thù cho lao động nữ; chú trọng việc cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới cho các nghề truyền thống tại các địa phương, nhằm mở rộng quy mô mang lại thu nhập cao, thu hút nhiều lao động nữ. Phát triển đa dạng các loại hình đào tạo linh hoạt theo yêu cầu của người học, đào tạo ngành nghề thực tế, vừa học vừa làm trực tiếp tại các doanh nghiệp vừa có tính ứng dụng thực tế cao, vừa hạn chế chi phí đào tạo. Chú trọng phát triển các chương trình và hình thức tổ chức đào tạo nghề cho lao động trung niên, người lớn tuổi, nhất là đối với phụ nữ, tạo cơ hội học tập đối với mọi người để tìm việc làm, tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập [70].

Phát huy vai trò và sự phối hợp của các đoàn thể từ huyện đến cơ sở, giữa các cấp hội phụ nữ trong công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ tham

gia học nghề đào tạo việc làm phù hợp, có tính lâu dài, đặc biệt là lao động nhàn rỗi tại khu vực nông thôn.

**\* Chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, tạo việc làm**

Để giảm nghèo bền vững, tín dụng là quan trọng nhưng chỉ là điều kiện cần, chưa đủ. Cần phải bổ sung các giải pháp cụ thể tạo điều kiện cho hộ tự vươn lên thoát nghèo, tránh trông chờ, thụ động sẽ không bền vững. Phải coi công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Là một tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền. Các ban, ngành, địa phương phải quán triệt và nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giảm nghèo trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước, là giá trị nhân văn cốt lõi của thế giới ngày nay khi mà Liên Hợp Quốc đã xác định là 1 trong 8 tiêu chí thực hiện mục tiêu Thiên niên kỷ [70].

Trên quan điểm đó, cần phải có những chính sách linh hoạt, đổi mới để phù hợp với điều kiện và sự phát triển chung của xã hội, tránh các chính sách cũ lạc hậu không còn phù hợp sẽ gây nên sự chông chéo, thực hiện không hiệu quả. Đặc biệt là hộ nghèo tại các khu vực khó khăn miền núi, trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Về hỗ trợ sản xuất, tập trung vào hỗ trợ cho sản xuất trồng cây lương thực, cây công cố những chính sách riêng biệt để người dân dễ tiếp cận và thực hiện chính sách một cách hiệu quả. Tăng cường các chính sách hỗ trợ vay vốn để người dân tự sản xuất canh tác tại địa phương, tận dụng diện tích rừng để trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, các loại cây có mang lại giá trị kinh tế lâu dài; Đồng thời hỗ trợ thêm về công tác đào tạo nghề, hướng dẫn kỹ thuật áp dụng vào việc làm cụ thể. Kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư tại các vùng khó khăn vừa tạo được việc làm tại chỗ, vừa thúc đẩy được kinh tế vùng.

Tăng cường các nguồn vốn ưu đãi để người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, trên cơ sở xác định lại chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp

cận đa chiều, sẽ thực hiện hỗ trợ tập trung vào các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch, bảo hiểm y tế, giáo dục, tiếp cận thông tin, đầu tư hạ tầng.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp và kết hợp xã hội hóa trong chương trình giảm nghèo bền vững, các địa phương cũng phải tiết kiệm chi để bố trí thêm cho chương trình giảm nghèo của địa phương. Bên cạnh đó, cần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của các tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng; khuyến khích nỗ lực vươn lên của người nghèo, hộ nghèo. Cùng với quyết định của Chính phủ tăng thêm dư nợ tín dụng người nghèo lên 10% là cơ sở để tăng mức hỗ trợ tín dụng chính sách và mở rộng đối tượng hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo làm kinh tế. Đây chính là “cần câu” giúp hộ nghèo có phương tiện thoát nghèo bền vững. Điều đó nói lên, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đặc biệt quan tâm đến giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội,... [70].

Xác định tín dụng ưu đãi để giảm nghèo là một trong những trụ cột quan trọng xuất những giải pháp cụ thể để điều chỉnh đối tượng, mức vay, lãi suất và thời hạn cho vay linh hoạt đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Trong đó, tập trung ưu tiên cho vay ở các vùng đặc biệt khó khăn để có thể từng bước tháo gỡ và giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

Ngoài ra, Chính phủ cần tiến hành tổng kết, đánh giá chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 và xây dựng Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 với những tiêu chuẩn, tiêu chí cao hơn, gắn với việc xây dựng, ban hành và thực hiện chuẩn nghèo mới. Đồng thời, sớm hoàn thiện các văn bản pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Các ngành các cấp tập trung nghiên cứu, rà soát cải cách thủ tục hành chính để chính sách của Nhà nước được thực thi hiệu quả.

Cấp ủy, chính quyền địa phương cần chủ động hơn nữa để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được tiếp cận

nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ nhanh hơn với thủ tục đơn giản hơn. Phối hợp với NHCSXH xác định giải ngân nguồn vốn vay ưu đãi đúng đối tượng, phù hợp với nhu cầu của hộ vay, từ đó sẽ phát huy được hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội. Bên cạnh đó, tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; tập trung huy động vốn, tăng trưởng nguồn vốn phục vụ nhanh nhất, hiệu quả nhất người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**\* Chính sách giảm nghèo**

Trong những năm qua đã có nhiều chính sách hỗ trợ giúp tỷ lệ nghèo giảm đáng kể, mang lại cơ hội việc làm, tăng thu nhập, nhiều chương trình đề án hỗ trợ tiền, hiện vật cho hộ nghèo. Tuy nhiên, hiệu quả giảm nghèo không cao, một số hộ dễ tái nghèo do họ không biết tận dụng cơ hội. Do đó, cần có những chính sách tạo cơ hội để hộ nghèo tự vận động tạo nên sản phẩm tăng thu nhập, phát triển kinh tế, tạo sự ổn định về thu nhập mới tránh được sự tái nghèo.

Đây về vấn đề đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách để có những giải pháp, các chương trình đề án tăng cơ hội, giao quyền chủ động trong hoạt động phát triển kinh tế để đối tượng thụ hưởng tự vươn lên thoát nghèo. Đồng thời, để họ tham gia các hoạt động xã hội, được thể hiện khả năng, tiếng nói và tự quyết để bản thân họ nhận thấy giá trị của bản thân, làm động lực để phát huy năng lực của bản thân tạo nên các giá trị kinh tế và đời sống giúp thoát nghèo.

Muốn giảm nghèo bền vững thì chúng ta cần có những chính sách cụ thể để các đối tượng là hộ nghèo dễ tiếp cận giúp họ vừa tăng thu nhập, vừa có khả năng tiếp cận được với các dịch vụ xã hội, để tránh tái nghèo: Đầu tiên cần tạo điều kiện về vốn, về điều kiện để hộ nghèo tự tham gia sản xuất, tăng

thu nhập, phát triển về mặt vật chất. Thứ hai, khi có điều kiện đủ về vật chất thì việc tiếp cận các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, nước sạch ...cũng dễ dàng hơn, đảm bảo đời sống sinh hoạt về thể chất lẫn tinh thần. Thứ ba, hệ thống an sinh xã hội cần phải được phát huy rộng rãi và có chiều sâu hơn nữa để hỗ trợ người nghèo trước những rủi ro, chống đỡ lại nghèo đói và bệnh tật, tạo cơ hội để người nghèo tham gia vào các hoạt động của địa phương, khi có khả năng có thể giúp đỡ những người khó khăn vất vả hơn.

Ngoài ra, các nguồn lực thực hiện chính sách an xã hội chủ yếu là từ ngân sách nhà nước, do đó đối tượng được hỗ trợ cũng bị bó hẹp, việc kêu gọi các nguồn lực khác cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, trong quá trình thực hiện chính sách cũng cần công tác kiểm tra, giám sát thực tế, thu hẹp dần các yêu cầu thực tế và nguồn lực đối tượng thụ hưởng, không hỗ trợ một cách dàn trải mà tập trung vào đối tượng cụ thể. Do đó, trong thời gian tới để hoàn thiện hơn về chính sách giảm nghèo thì cần phải: xác định rõ đối tượng thuộc hộ nghèo, đánh giá từ thực tế và nguồn lực hỗ trợ. Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng nguồn lực cho chính sách an sinh một cách hợp lý, cần có sự ràng buộc lẫn nhau để các đối tượng có trách nhiệm trong việc thực thi chính sách. Cần tăng cường sự tham gia theo dõi, giám sát và cùng thực hiện chính sách của nhân dân. Có tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách trong một thời gian cụ thể để nhìn nhận lại hiệu quả của chính sách và những thành quả mà chính sách đem lại. Đồng thời cũng nhìn nhận lại những vướng mắc, những điều chưa hợp lý của chính sách khi ứng dụng vào thực tế, để các nhà hoạch định và thực hiện chính sách có sự điều chỉnh cho phù hợp mang lại hiệu quả cao nhất đối với người thụ hưởng chính sách nói riêng và góp phần phát triển xã hội nói chung.



### 3.1.2.2. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội

Để khắc phục tình trạng trên, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ BHXH, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân, ngày 23/5/2018, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) về cải cách chính sách BHXH. Việc Đảng, Nhà nước cải cách, mở rộng chính sách BHXH nhằm mở thêm cơ hội cho toàn dân tiếp cận với hệ thống an sinh xã hội và hướng tới BHXH toàn dân [6].

Theo đó, các chuyên gia nhận định, Nghị quyết 28-NQ/TW đã mở ra thời kỳ mới cho mọi người được tham gia vào hệ thống BHXH. Đảng, Nhà nước rất coi trọng việc chăm lo đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.

Theo đại diện BHXH Việt Nam, để Nghị quyết 28-NQ/TW đi vào cuộc sống, phải hoàn thiện hệ thống pháp luật và giám sát việc triển khai thực hiện pháp luật liên quan đến cải cách chính sách BHXH. Các công việc phải làm rất nhiều, cụ thể như sau:

Một là, Quốc hội cần sớm nghiên cứu thể chế hóa quan điểm, mục tiêu và các nội dung cải cách về BHXH trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; rà soát các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan cần ban hành mới, sửa đổi, bổ sung phù hợp với Nghị quyết số 28-NQ/TW để đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội [37].

Trong giai đoạn 2019 - 2025, chú trọng hoàn thiện chính sách BHXH có liên quan trong quá trình xem xét, sửa đổi các văn bản: Bộ luật Lao động, Nghị quyết 93/2015/QH13 về việc thực hiện chính sách hưởng BHXH một lần đối với người lao động, Luật Người cao tuổi, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Luật Việc làm, Luật BHXH...

Hai là, cần phải làm thay đổi nhận thức của người lao động và toàn xã hội về chính sách BHXH theo mục tiêu của Đảng và thể chế hóa Hiến pháp 2013 về an sinh xã hội. Đây vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của người lao động để bảo đảm cuộc sống trước những rủi ro trong và sau thời gian lao động [72].

Ba là, ngoài những đối tượng đang phải đóng BHXH bắt buộc theo quy định của Luật BHXH 2014 thì tới đây, sẽ mở rộng đối tượng bắt buộc đóng bao gồm: chủ hộ kinh doanh; người quản lý doanh nghiệp; người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương; người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt. Giảm thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu, nhằm tạo điều kiện cho người lao động cao tuổi, có số năm tham gia BHXH thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi BHXH. Nhà nước sẽ tiến hành giảm thời gian đóng BHXH tối thiểu từ 20 năm xuống còn 15 năm và tiến tới chỉ còn 10 năm để được hưởng lương hưu [72].

Sửa đổi các quy định về mức đóng, căn cứ đóng BHXH, nhằm khắc phục tình trạng trốn đóng, đóng không đủ BHXH, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Tới đây, chính sách BHXH sẽ có bước sửa đổi quy định về căn cứ đóng BHXH của khu vực doanh nghiệp ít nhất bằng khoảng 70% tổng tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất lương của người lao động. Các nghiên cứu, đánh giá dựa trên cơ sở bằng chứng khoa học về nguyên tắc đóng - hưởng, trong đó làm rõ mức đóng và tỷ lệ hưởng đảm bảo cân đối và tính bền vững của Quỹ BHXH, nhưng đồng thời phải có cơ chế xử lý đảm bảo nguyên tắc có chia sẻ trong cùng thế hệ và giữa các thế hệ trong đóng, hưởng BHXH.

Bốn là, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BHXH, cụ thể: hoàn thiện pháp luật và nâng cao tính tuân thủ pháp luật; hoàn thiện tổ chức bộ máy BHXH Việt Nam với chức năng cơ quan dịch vụ công; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật; bảo đảm bền vững của hệ thống BHXH gắn chặt với nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động và đẩy mạnh cải cách ứng dụng công nghệ thông tin của hệ thống cơ quan BHXH, hiện đại hóa công nghệ thông tin [72].

Năm là, đảm bảo cân đối tài chính Quỹ BHXH, đầu tư có hiệu quả theo nguyên tắc bảo tồn quỹ, thực hiện cơ chế công khai minh bạch. Bảo đảm sự liên kết, chia sẻ giữa quỹ ngắn hạn và quỹ hưu trí dài hạn.

Sáu là, quá trình cải cách chính sách BHXH phải gắn chặt với cải cách chính sách tiền lương, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6, Khóa XII.

### *3.1.2.3. Hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội*

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách trợ giúp xã hội, nghiên cứu, xây dựng trình Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi năm 2009 theo hướng phát huy vai trò người cao tuổi là chính, đặc biệt người cao tuổi là phụ nữ, tạo điều kiện để người cao tuổi còn khả năng lao động được tham gia làm việc; hỗ trợ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, gia đình, cộng đồng tham gia phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi; mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho người cao tuổi sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, hải đảo và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, xây dựng dự án phát triển dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao.

Thứ hai, xây dựng quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng điều trị, phục hồi chức năng cho phụ nữ khuyết tật. Cụ thể hóa hoạt động thực hiện Công ước quốc tế, các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của phụ nữ khuyết tật; tạo điều kiện để phụ nữ khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản bảo đảm quyền lợi hợp pháp của phụ nữ khuyết tật và hỗ trợ phụ nữ khuyết tật phát huy khả năng của mình. Tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm, hành động của

cộng đồng đối với việc thực hiện các chính sách liên quan đến phụ nữ khuyết tật, góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước “*Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; nâng cao chất lượng, hiệu quả trợ giúp xã hội [21].

Ba là, xây dựng trình Chính phủ nghị định về công tác xã hội, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả thúc đẩy phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và người lao động của cơ sở TGXH đủ cơ cấu, định mức và tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định. Hình thành mô hình tham vấn và phát triển mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội tại các trường học, bệnh viện, hệ thống tư pháp; trong đó, tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với phụ nữ, phụ nữ khuyết tật khuyết tật, cao tuổi, phụ nữ nghèo có hoàn cảnh khó khăn gặp thiên tai, hỏa hoạn và những vấn đề xã hội khác [21].

Bốn là, cải cách quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, hình thành mã số an sinh xã hội, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội, số hóa hồ sơ; đảm bảo hạ tầng hệ thống; tập huấn, hoàn thiện chính sách về bình đẳng giới. Hoàn thiện cơ chế cộng đồng trách nhiệm giữa Nhà nước và người sử dụng lao động nữ tạo điều kiện hỗ trợ lao động nữ gửi con vào nhà trẻ, lớp mẫu giáo.

### **3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

#### ***3.2.1. Giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội***

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện chính sách ASXH. Thông qua các phương tiện truyền thông để tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về các chủ

trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ASXH; Tập hợp các lực lượng, tạo nên khối đại đoàn kết, gắn bó, chia sẻ và giúp đỡ để chính sách an sinh xã hội đi sâu vào đời sống, tăng khả năng được tiếp cận chính sách của phụ nữ nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ.

### ***3.2.2. Tăng cường công tác phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội***

Để chính sách ASXH đối với phụ nữ được thực hiện một cách hiệu quả, không thể một mình phòng LĐ-TB&XH có thể làm được, mà cần có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, ban, ngành, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở, trong tất cả các khâu của quá trình thực hiện chính sách từ công tác tuyên truyền, phổ biến đến công tác triển khai tổ chức thực hiện, công tác vận động đến công tác giám sát thực hiện chính sách. Kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện chính sách ASXH trên địa bàn huyện cho thấy, nếu công tác phối hợp được các cơ quan thực hiện chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, thì việc tổ chức thực hiện chính sách ASXH diễn ra nhanh chóng, thuận lợi và mang lại kết quả cao [69].

### ***3.2.3. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ***

Để tạo việc làm cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ thuộc lứa tuổi trung niên, chủ yếu làm nông nghiệp thì cần phải có các chính sách tạo việc làm tại chỗ, như mở các lớp dạy nghề truyền thống: mây tre đan, làm tóc giả, nói mi... phụ nữ vừa có thể làm công việc nhà, chăm sóc con cái vừa tạo thêm nguồn thu nhập ổn định cho bản thân góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đồng thời, cũng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với có những phương án, có quỹ đất dự trữ, có cơ chế thông thoáng để kêu gọi, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp nhiều hơn nữa vào địa phương tạo công ăn việc làm cho người dân nói chung và phụ nữ nói riêng tạo nguồn thu nhập ổn định. Nâng cao năng lực quản lý

nhà nước, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo [48].

Tăng cường công tác đào tạo, mở các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật, nhận thức cho phụ nữ để hỗ trợ nhau cùng phát triển kinh tế, nhân rộng và truyền đạt các mô hình phát triển kinh tế, truyền đạt kinh nghiệm để cùng nhau phát triển, giảm tỷ lệ phụ nữ nghèo. Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án trên địa bàn huyện hỗ trợ chương trình giảm nghèo bền vững. Phát huy mạnh mẽ tính dân chủ trong các hoạt động giảm nghèo, cần lấy ý kiến, bám sát điều kiện và nhu cầu thực tế của phụ nữ để thực hiện hiệu quả các chính sách. Tăng cường công tác đào tạo nghề bằng nhiều hình thức. Gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu việc làm tạo điều kiện cho người phụ nữ sau đào tạo tìm được việc làm trong và ngoài nước [48].

Ưu tiên nhóm phụ nữ thiếu đất sản xuất, thiếu kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ phụ nữ thiếu đất sản xuất: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tốc độ phát triển kinh tế khu vực phi nông nghiệp, tập trung đào tạo nghề gắn với tạo việc làm. Đồng thời tăng cường huy động nguồn lực từ cộng đồng, xã hội và các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế [88].

Huy động cả hệ thống chính trị, cấp uỷ chính quyền địa phương, các tổ chức tập thể thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức phụ nữ để người dân thấy rằng tham gia BHXH và BHYT là lợi ích vừa lâu dài, vừa trước mắt. Đối với các doanh nghiệp nợ, chậm và trốn đóng bảo hiểm xã hội diễn ra rất phổ biến chủ yếu vẫn là do người sử dụng lao động chưa thấy được trách nhiệm xã hội vì đóng cho người lao động sẽ làm giảm lợi nhuận của chủ doanh nghiệp. Do

vậy, cần phải tiếp tục tuyên truyền, giải thích để người chủ lao động thấy trách nhiệm xã hội của mình và tự giác tham gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo đội ngũ y bác sĩ, cải cách thủ tục trong khám chữa bệnh trong nhân dân.

***3.2.4. củng cố tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức thực thi chính sách an sinh xã hội và cải cách hành chính trong lĩnh vực an sinh xã hội***

Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác chính sách hiểu về chủ trương của Đảng và Nhà nước với chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ, có kỹ năng theo dõi, giám sát, tổng hợp các chính sách, dự án cho phụ nữ của địa phương. Tổ chức tham vấn tham mưu cho lãnh đạo, phối hợp với các ban ngành có liên quan xác định nhu cầu và năng lực tham gia của cán bộ; điều tra, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách, nhất là cán bộ chuyên trách ở cơ sở có nắm bắt tình hình đời sống và quá trình thực hiện chính sách của phụ nữ có thực sự mang lại lợi ích cho bản thân người thụ hưởng chính sách hay không [69].

Cần xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cộng đồng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ thôn, tổ dân phố, chi hội những người gần gũi, nắm bắt rõ nhất đối với các đối tượng thụ hưởng để có những phương hướng thực hiện chính sách một cách chặt chẽ, đúng đối tượng và hiệu quả nhất. Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chương trình việc làm, đảm bảo thu nhập và giảm nghèo đối với phụ nữ. Tăng cường cho cán bộ tham gia khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các huyện và ngoài tỉnh. Tăng cường truyền thông về việc làm, đảm bảo thu nhập và giảm nghèo.

Tổ chức các phương thức truyền thông phù hợp về chương trình mục tiêu chính sách. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về chương trình các chính sách của nhà nước đối với phụ nữ, về việc làm và mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2020 - 2025. Xây dựng và phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên từ huyện đến cơ sở. Xây dựng Website về các chương trình

chính sách hỗ trợ, tư vấn cho phụ nữ và cơ sở dữ liệu thông tin để kết nối phụ nữ hiểu và tiếp cận để hiểu biết về chủ trương và các dự án, chính sách an sinh xã hội.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá phù hợp với nhằm khuyến khích phụ nữ tham gia công tác tuyên truyền, vận động hỗ trợ lẫn nhau trong giải quyết việc làm, có những công trình tương trợ, vận động giúp đỡ các phụ nữ khó khăn, phụ nữ nghèo từ nội lực của bản thân, góp phần tạo một nguồn lực cộng đồng chung. Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức tập huấn về thiết lập, cập nhật, khai thác thông tin theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách cho các cấp hội, ban ngành và cán bộ quản lý các cấp.

Tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu hàng năm về tạo việc làm, tỷ lệ giảm nghèo đối với phụ nữ để đề ra những phương hướng, giải pháp hiệu quả hơn nữa, đồng thời cũng nhân rộng các biện pháp thực hiện có hiệu quả để giúp đỡ nhiều phụ nữ hơn nữa trong cộng đồng còn gặp khó khăn trong tiếp cận chính sách.

Các cơ quan BHXH cần phải tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ là công tác BHXH, tăng cường công tác phối hợp giữa BHYT với cấp hội, các cơ quan ban, ngành từ huyện đến cơ sở để tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân nói chung và phụ nữ nói riêng, thấy được hiệu quả và lợi ích của việc tham gia BHYT, BHXH; cải cách quy trình, thủ tục, xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhằm giải quyết nhanh quyền lợi liên quan đến bảo hiểm cho phụ nữ, đặc biệt là các chế độ về thai sản, thất nghiệp...; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện chính sách, pháp luật BHXH, BHYT; tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của BHXH, BHYT; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện nghiệp vụ.



***3.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ***

Để đảm bảo thực hiện cho các khoản chi đúng, chi đủ đến tận tay các đối tượng chính sách, phải thường xuyên thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán để chấn chỉnh những thiếu sót; đồng thời xử lý những trường hợp cố tình sai phạm. Theo định kỳ, kiểm toán nhà nước, thanh tra nhà nước tiến hành kiểm tra đối với Phòng LĐ-TB&XH huyện, Bảo hiểm xã hội huyện trong công tác thu, chi, cấp phát, sử dụng các loại quỹ, kinh phí cho các đối tượng trên địa bàn. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị- xã hội, nhân dân và cả các đối tượng chính sách trong việc chi trả chế độ trợ cấp thường xuyên để có những phản ánh kịp thời các sai phạm nhằm đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

### **Tiểu kết chương 3**

Trên cơ sở phân tích thực trạng việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn tại Chương 2, với những kết quả, thành tựu đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, tại Chương 3 tác giả đã đưa ra những phương hướng hoàn thiện và các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn. Qua thực tiễn tình hình thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn giai đoạn 2018 - 2022, luận văn đã đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế, để tổ chức thực hiện có hiệu quả và thiết thực hơn chính sách ASXH đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn. Đồng thời, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, cần phải có sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đa dạng hóa các hình thức để thực hiện các giải pháp; chú trọng giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn xã hội. Các giải pháp nói trên hi vọng góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới; nhằm hiện thực hóa mục tiêu: “Kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ, phát huy vị trí vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội, nâng cao chất lượng đời sống về cả vật chất và tinh thần, giải quyết tốt các vấn đề ASXH đối với phụ nữ” để phấn đấu xây dựng huyện Đông Sơn trở thành huyện có môi trường đô thị văn minh và giàu tính nhân văn, công bằng, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức, trở thành huyện kiểu mẫu của tỉnh.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khái quát một cách cụ thể các vấn đề về khái niệm ASXH, khái niệm chính sách ASXH, khái niệm chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ để từ đó vận dụng và thực hiện chính sách ASXH vào thực tiễn một cách cụ thể và đồng bộ hơn. Luận văn đã chỉ ra thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời đi sâu nghiên cứu tìm ra các phương hướng và giải pháp thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ phù hợp với điều kiện thực tế của huyện và xu thế phát triển chung của xã hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện.

Chính sách ASXH đối với phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát huy vị trí, vai trò của phụ nữ trong xã hội để phụ nữ tham gia phát triển kinh tế, có điều kiện phát huy khả năng và trí tuệ đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội, cho đất nước. Việc thực hiện chính sách ASXH cho phụ nữ là đòi hỏi khách quan ở bất kỳ địa phương hay nhà nước nào trên thế giới. Chính sách ASXH đối với phụ nữ thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với sự công bằng trong phát triển về giới, vừa nhằm bảo vệ sự an toàn bình đẳng, vừa tạo động lực cho phụ nữ phát triển bền vững, ổn định. Là một địa phương giàu truyền thống cách mạng, cái nôi văn hóa lâu đời, huyện Đông Sơn từ một huyện nghèo, khó khăn đã chuyển mình thay da đổi thịt, trở thành một trong những huyện đứng đầu của tỉnh Thanh Hóa.

Huyện Đông Sơn không chỉ vững mạnh về kinh tế, đa dạng về văn hóa, mà công tác an sinh xã hội cũng hết sức quan tâm được thể hiện rõ nét qua số liệu công tác an sinh xã hội hàng năm. Trong giai đoạn 2018-2022 chính sách ASXH đối với phụ nữ được thực hiện tương đối đồng bộ và đạt được kết quả khả quan, song bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn bộc lộ một số những nhược điểm, hạn chế cần khắc phục. Nghiên cứu thực hiện chính sách

ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn, luận văn đã đi từ việc nghiên cứu lý luận đến việc đánh giá thực trạng quá trình tổ chức thực hiện chính sách, từ đó nghiên cứu, đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Những hạn chế, yếu kém nêu trong luận văn cũng là điều trăn trở cần phải có sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của lãnh đạo Huyện ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội trong thời gian tới. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ASXH đối với phụ nữ là một quá trình lâu dài và phải dựa trên trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc xây dựng hoàn thiện chính sách ASXH đối với phụ nữ là vấn đề hết sức cần thiết, cấp bách, tạo động lực cho phụ nữ tham gia vào công cuộc xây dựng, phát triển của huyện bền vững, góp phần vào quá trình công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

- [1]. Lê Chí An (2010), “An sinh xã hội mạng lưới an toàn cho người dân”, *Tạp chí Khoa học*, (02).
- [2]. Lê Mai Anh (2004), “Thực hiện quyền bình đẳng cơ bản của phụ nữ theo CEDAW tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*.
- [3]. Đặng Nguyên Anh (2021), *Thực hiện an sinh xã hội là trọng trách của hệ thống chính trị và toàn xã hội*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- [4]. Mạc Tiến Anh (2005), “Khái luận chung về an sinh xã hội”, *Tạp chí Bảo hiểm Xã hội*.
- [5]. Ban chấp hành Trung ương (2012), *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/06/2012 Hội nghị lần thứ năm chấp hành Trung ương khóa XI Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*.
- [6]. Ban chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/05/2018 Về cải cách chính sách Bảo hiểm Xã hội*.
- [7]. Bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn (2018), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.
- [8]. Bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn (2019), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020*.
- [9]. Bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn (2020), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021*.
- [10]. Bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn (2021), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.
- [11]. Bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.
- [12]. Bảo hiểm xã hội huyện Thọ Xuân (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.

- [13]. Hoàng Chí Bảo (2008), “Cơ sở khoa học của việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta giai đoạn 2006-2015”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, thuộc Đề tài KX02.02/06-10*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [14]. Bộ Chính trị (2007), *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
- [15]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2002), *Vấn đề phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001- 2010*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [16]. Nguyễn Thị Mai Chi (2021), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác phụ nữ và bình đẳng giới thời kỳ đổi mới*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [17]. Nguyễn Văn Chiếu (2008), *An sinh xã hội và định hướng nghiên cứu nhằm nâng cao vai trò của khoa học xã hội vào quá trình hoạch định chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [18]. Nguyễn Văn Chiếu (2012), *Chính sách an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [19]. Nguyễn Văn Chiếu (2013), *Chính sách an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học Xã hội.
- [20]. Chính phủ (2005), *Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/04/2005 Về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn*.
- [21]. Chính phủ (2007), *Nghị định số 67/2007 ngày 13/04/2007 Về chính sách trợ giúp các đối tượng xã hội*.
- [22]. Chính phủ (2008), *Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 Về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở*.

- [23]. Chính phủ (2010), *Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29/10/2010 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.*
- [24]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.*
- [25]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về chính sách đối với lao động nữ.*
- [26]. Chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 Về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.*
- [27]. Chính phủ (2017), *Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/04/2017 Phê duyệt “Đề án đổi mới, phát triển TGXH giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.*
- [28]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.*
- [29]. Mai Ngọc Cường (2005), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [30]. Mai Ngọc Cường (2009), *Xây dựng và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31]. Mai Ngọc Cường (2013), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32]. Lê Tấn Dũng (2017), “Việt Nam hướng đến xây dựng một hệ thống an sinh xã hội bền vững”, *Tạp chí Cộng sản điện tử.*
- [33]. Nguyễn Tấn Dũng (2010), “Đảm bảo ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020”, *Tạp chí Cộng sản.*

- [34]. Nguyễn Trọng Đàm (2016), “Bảo đảm quyền được an sinh xã hội cho người dân”, *Tạp chí Đảng Cộng sản điện tử*.
- [35]. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*.
- [36]. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [37]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*.
- [38]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [39]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, tr.160 - 161, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [40]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội Đảng lần thứ XI.
- [41]. Phan Thanh Hà (2020), “Một số vấn đề về quyền tham chính của phụ nữ trong lĩnh vực lập pháp ở Việt Nam”, *Thông tin Khoa học Xã hội*, (2).
- [42]. Nguyễn Thị Thu Hà (2013), “Định hướng giá trị việc làm và tính năng động trong công việc của lao động nữ”, *Tạp chí Tâm lý học*, (12).
- [43]. Nguyễn Hữu Hải (2008), *Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [44]. Nguyễn Minh Hải (2005), *Tổ chức thực hiện bảo hiểm y tế đối với người nghèo - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- [45]. Nguyễn Thị Hiền, Lê Ngọc Hùng (2004), *Nâng cao năng lực phát triển bền vững Bình đẳng giới, giảm nghèo*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [46]. Hội LHPN huyện Càng Long (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu phụ nữ huyện Càng Long lần thứ XXV*.



- [47]. Hội LHPN huyện Đông Sơn (2021), *Báo cáo tình hình hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*.
- [48]. Hội LHPN huyện Đông Sơn (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu phụ nữ huyện Đông Sơn lần thứ XXV*.
- [49]. Hội LHPN huyện Hải Hậu (2021), *Báo cáo tình hình hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*.
- [50]. Hội LHPN huyện Thọ Xuân (2022), *Báo cáo tình hình hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*.
- [51]. Lê Ngọc Hùng và Nguyễn Ngọc Anh (2017), “Chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam - Thực trạng và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí điện tử lý luận chính trị*.
- [52]. Bùi Huyền (2011), “Trao đổi về quyền của lao động nữ trong các doanh nghiệp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (10).
- [53]. Bùi Văn Huyền, Nguyễn Ngọc Toàn, Đinh Thị Nga (2020), *Mô hình an sinh xã hội Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [54]. Huyện ủy huyện Đông Sơn (2020), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XXV Đảng bộ huyện Đông Sơn*.
- [55]. Nguyễn Thị Lan Hương, Đặng Kim Chung, Lưu Quang Tuấn, Nguyễn Bích Ngọc, Đặng Hà Thu (2013), *Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020*, Hợp tác Đức, Nhà xuất bản giz.
- [56]. Hoàng Thị Hường, Bùi Thị Hôn (2020), “Công khai, minh bạch trong lĩnh vực an sinh xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 417(17).
- [57]. ILISA - GIZ (2013), *Hệ thống phát triển an sinh xã hội ở Việt Nam” giai đoạn 2012-2020*.

- [58]. Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý (2007), *Gia đình học*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [59]. Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách an sinh xã hội - Thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị, Hà Nội.
- [60]. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn (2018), *Báo cáo kết quả vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách năm 2018*.
- [61]. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn (2019), *Báo cáo kết quả vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách năm 2019*.
- [62]. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn (2020), *Báo cáo kết quả vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách năm 2020*.
- [63]. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn (2021), *Báo cáo kết quả vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách năm 2021*.
- [64]. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đông Sơn (2022), *Báo cáo kết quả vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách năm 2022*.
- [65]. Phòng LĐ và TB - XH huyện Đông Sơn (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác LĐ - TBXH năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019*.
- [66]. Phòng LĐ và TB - XH huyện Đông Sơn (2019), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác LĐ - TBXH năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020*.
- [67]. Phòng LĐ và TB - XH huyện Đông Sơn (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác LĐ - TBXH năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021*.
- [68]. Phòng LĐ và TB - XH huyện Đông Sơn (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác LĐ - TBXH năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022*.
- [69]. Phòng LĐ và TB - XH huyện Đông Sơn (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác LĐ - TBXH năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023*.
- [70]. Vũ Văn Phúc (2012), *An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [71]. Nguyễn Hiền Phương (2014), “Bảo vệ quyền làm mẹ trong pháp luật lao động và bảo hiểm xã hội”, *Tạp chí Luật học*, (6), tr. 48-59.

- [72]. Quốc hội (2015), *Nghị quyết 93/2015/QH13 ngày 22/06/2015 về việc thực hiện chính sách hưởng BHXH một lần đối với người lao động*.
- [73]. Quốc hội (2022), *Luật số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022 Luật phòng, chống bạo lực gia đình*.
- [74]. Lê Thi (1998), *Nghiên cứu về “Chính sách xã hội với phụ nữ nông thôn - Quá trình xây dựng và thực hiện”*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [75]. Lê Minh Tiến (2020), “Sự biến đổi xã hội từ góc nhìn xã hội học vi mô qua hai hiện tượng: Bà mẹ đơn thân và hôn nhân đồng tính”, *Tạp chí Khoa học*.
- [76]. Trần Quang Tiến, *Báo cáo đề dẫn hội thảo “Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: kinh nghiệm của một số quốc gia”*.
- [77]. Mạc Văn Tiên (2005), *An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [78]. Mạc Văn Tiên (2010), “An sinh xã hội và Phúc lợi xã hội- các cách tiếp cận lý thuyết và thực tiễn”, *Tạp chí Bảo hiểm Xã hội*.
- [79]. Tổ chức lao động quốc tế, *Báo cáo an sinh xã hội toàn cầu 2020-2022: “Hệ thống an sinh xã hội trước ngã rẽ vì một tương lai tốt đẹp hơn”*.
- [80]. Trung tâm nghiên cứu khoa học lao động nữ - Văn phòng lao động quốc tế Gionevơ (2010), *Quyền lao động nữ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Dự án đa quốc gia, Bộ tài liệu tập huấn, Tập 2.
- [81]. Trường Đại học Hoa Sen- Trung tâm nghiên cứu Giới và xã hội (2015), *Tuyển tập Giới và xã hội*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [82]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật An sinh xã hội*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- [83]. UBND huyện Càng Long (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023*.

- [84]. UBND huyện Đông Sơn (2018), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2019*.
- [85]. UBND huyện Đông Sơn (2019), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2020*.
- [86]. UBND huyện Đông Sơn (2020), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2021*.
- [87]. UBND huyện Đông Sơn (2021), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022*.
- [88]. UBND huyện Đông Sơn (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023*.
- [89]. UBND huyện Hải Hậu (2021), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2022*.
- [90]. UBND huyện Thọ Xuân (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2023*.
- [91]. UNDP (2016), *Tăng trưởng vì mọi người: Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015 về tăng trưởng bao trùm*, tr.113, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [92]. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) (2015), *Báo cáo an sinh xã hội đối với Phụ nữ và Trẻ em gái ở Việt Nam*.

**Tiếng Anh:**

- [93]. Berkeley và Kwong-Leung-Tang (2016), *Women's Social Security and Protection in India*, California.
- [94]. Charles Blahous (2010), *Social Security: The Unfinished Work*, Hoover Institution Press.
- [95]. David Coady, Benedict L. Clements, Sanjeev Gupta (2012), *The Economics of Public Health Care Reform in Advanced and Emerging Economies*, International Monetary Fund, IMF Publications P.O. Box 92780, Washington, DC 20090, U.S.A.
- [96]. Dean Baker, Mark Weisbrot (2005), *Social Security: The Phony Crisis*.
- [97]. Ehtisham Ahmad, Jean Drèze, John Hills, Senv (1991), *Social security in Developing Countries*, Oxford.
- [98]. James Midgley (2008), *Social Security, the Economy and Development*, Book, ISBN: 978-0-230-58219-4.
- [99]. Jonathan Peterson (2016), *Social Security For Dummies*.
- [100]. Joseph Matthews Attorney (2022), *Social Security, Medicare & Government Pensions*.
- [101]. Lenore E. Bixby (1972), *Women and Social Security in the United States*, Bulletin, September 1972.
- [102]. Madina Junussova, Mariia Iamshchikova, Naveen Hashim, Muhammad Ajmal Khan, Pakiza Kakar, Freshta Wardak và Shukria Rajabi (2019), *The Role of Women in the Economic Development of Afghanistan*.
- [103]. Meenakshi Ahluwalia (2013), *Women's Social Security and Protection in India*, New Delhi.

**Internet:**

- [104]. Ngân Anh (2021), “Sáu dấu ấn về an sinh xã hội của năm 2020”, *Báo Nhân dân điện tử*, <https://nhandan.com.vn/>, truy cập ngày 01-01-2021.
- [105]. Thu Cúc (2023), “Khẳng định vai trò trụ cột của hệ thống an sinh xã hội”, <https://baochinhphu.vn/>, ngày 16/02/2023.

- [106]. Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1948.  
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>
- [107]. Hiến pháp năm 1992. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1992-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-nam-38238.aspx>
- [108]. Hội LHPN huyện Đông Sơn (2022), “*Báo cáo tình hình hoạt động công tác Hội và phong trào phụ nữ năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*”, Đông Sơn,  
Truy cập từ <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 06 tháng 01 năm 2021.
- [109]. Bùi Sỹ Lợi (2015), “Kinh nghiệm của các nước về xây dựng pháp luật an sinh xã hội”, [molisa.gov.v](http://molisa.gov.v)
- [110]. Phùng Thị Lý (2021), “Vai trò của phụ nữ trong xã hội hiện đại”,  
<http://gdcttc.saodo.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/vai-tro-cua-phu-nu-trong-xa-hoi-hien-dai-371.html>
- [111]. Lê Nguyễn (2021), “Bình đẳng giới để hướng đến phát triển bền vững”, <https://baochinhphu.vn/binh-dang-gioi-de-huong-den-phat-trien-ben-vung-102304145.htm>
- [112]. Mạc Văn Tiến (2019), “Bản chất và những chức năng cơ bản của An sinh xã hội”, Báo điện tử <http://www.bhxhbqp.vn>, ngày 13/11/2019.
- [113]. Tổng cục thống kê (2022), *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2022*, <https://www.gso.gov.vn>. Ngày 10/01/2023.

UBND TỈNH THANH HÓA      BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
THANH HÓA

Lê Thị Oanh

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI  
ĐỐI VỚI PHỤ NỮ HUYỆN ĐÔNG SƠN,  
TỈNH THANH HÓA

PHỤ LỤC  
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

Thanh Hóa, 2023

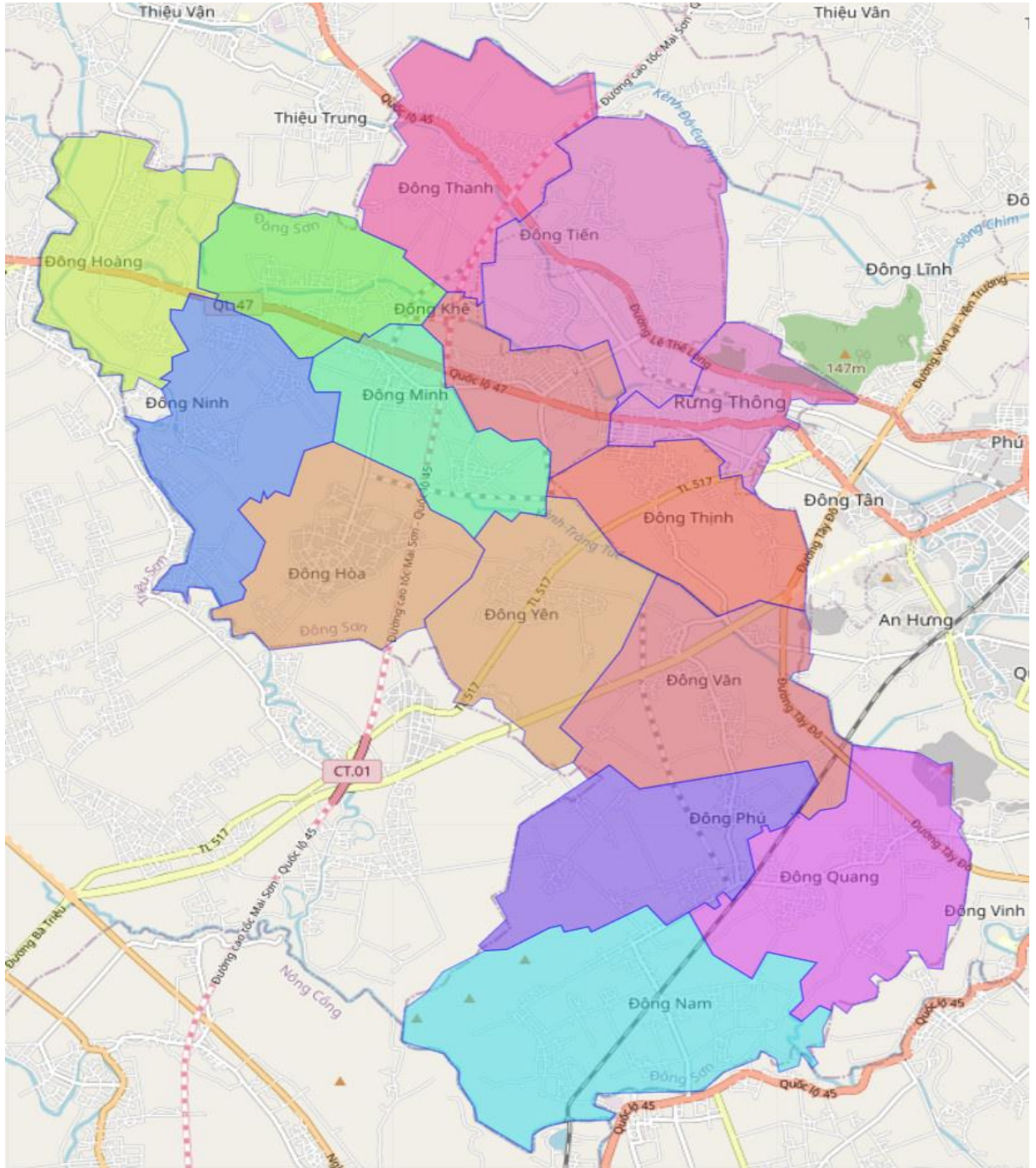
## MỤC LỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. Bản đồ hành chính huyện Đông Sơn .....	111
PHỤ LỤC 2. Diện tích, số hộ, số nhân khẩu và nhân khẩu nữ phân theo đơn vị hành chính huyện Đông Sơn năm 2022 .....	112
PHỤ LỤC 3. Kết quả thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2018 - 2022 .....	113
PHỤ LỤC 4. Kết quả thực hiện xuất khẩu lao động nữ làm việc tại nước ngoài giai đoạn 2018-2022 .....	114
PHỤ LỤC 5. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi của NHCSXH huyện Đông Sơn giai đoạn 2018 - 2022 .....	115
PHỤ LỤC 6. Kết quả thực hiện chi NS cho ASXH và hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện Đông Sơn giai đoạn 2018 - 2022 .....	116
PHỤ LỤC 7. Tổ chức bộ máy thực thi chính sách bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn .....	117
PHỤ LỤC 8. Bảng câu hỏi các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn .....	118
PHỤ LỤC 9. Phiếu phỏng vấn sâu .....	120
PHỤ LỤC 10. Phiếu phỏng vấn sâu .....	121
PHỤ LỤC 11. Phụ lục ảnh .....	122



## PHỤ LỤC 1

### Bản đồ hành chính huyện Đông Sơn



(Nguồn: <http://www.google.com.vn>)

**PHỤ LỤC 2****Diện tích, số hộ, số nhân khẩu và nhân khẩu nữ  
phân theo đơn vị hành chính huyện Đông Sơn năm 2022**

<b>Số TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Số nhân khẩu</b>	<b>Số NK nữ</b>
1	Đông Yên	5,5	1692	6321	3112
2	Đông Văn	6,57	1511	5927	2997
3	Đông Thịnh	4,7	1733	5711	2769
4	Đông Phú	5,67	1333	5050	2498
5	Đông Nam	9	1546	6163	3010
6	Đông Quang	7,38	1662	6115	3072
7	TT Rừng Thông	6,03	3088	10943	5543
8	Đông Tiến	5,1	1751	6077	2945
9	Đông Thanh	579,75	1654	5698	2674
10	Đông Khê	6,51	2368	8337	4320
11	Đông Minh	4,14	1520	4944	2156
12	Đông Ninh	5,57	1976	7106	2485
13	Đông Hòa	5,5	1837	5777	2856
14	Đông Hoàng	5,19	1560	5937	2997

(Nguồn: Văn phòng thống kê UBND huyện Đông Sơn số liệu đến tháng 3/2023)

**PHỤ LỤC 3****Kết quả thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho lao động nữ  
giai đoạn 2018 - 2022**

<b>Năm</b>	<b>Lao động qua đào tạo</b>	<b>Nữ lao động qua đào tạo</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
2018	34505	10432	30.23%
2019	36110	13784	38.17%
2020	37732	10983	29.11%
2021	38551	11656	30.24%
2022	39292	13897	35.37%

*(Nguồn: Phòng LĐ và TBXH huyện Đông Sơn)*

**PHỤ LỤC 4****Kết quả thực hiện xuất khẩu lao động nữ làm việc tại nước ngoài  
giai đoạn 2018 - 2022**

<b>Năm</b>	<b>Tổng số XKLD</b>	<b>XKLD Nữ</b>
2018	670	163
2019	672	217
2020	442	138
2021	462	156
2022	663	229

*(Nguồn: Phòng LĐ và TBXH huyện Đông Sơn)*

**PHỤ LỤC 5****Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi của NHCSXH  
huyện Đông Sơn giai đoạn 2018 - 2022***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Chương trình vay</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Cho vay ưu đãi hộ nghèo (NĐ 78/2002)	42.837	19.673	8.920	5.851	2.005
Cho vay hộ cận nghèo (QĐ 15/2013)	39.842	34.553	36.064	36.727	34.977
Cho vay hộ mới thoát nghèo (QĐ 28/2015)	58.393	70.854	63.718	52.037	40.487
Cho vay HSSV (QĐ 157/2007)	3.31	2.579	2.875	3.759	5.520
Cho vay NS và VSMT (QĐ 62/2004)	56.861	68.782	78.164	88.069	94.679

*(Nguồn: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đông Sơn)*

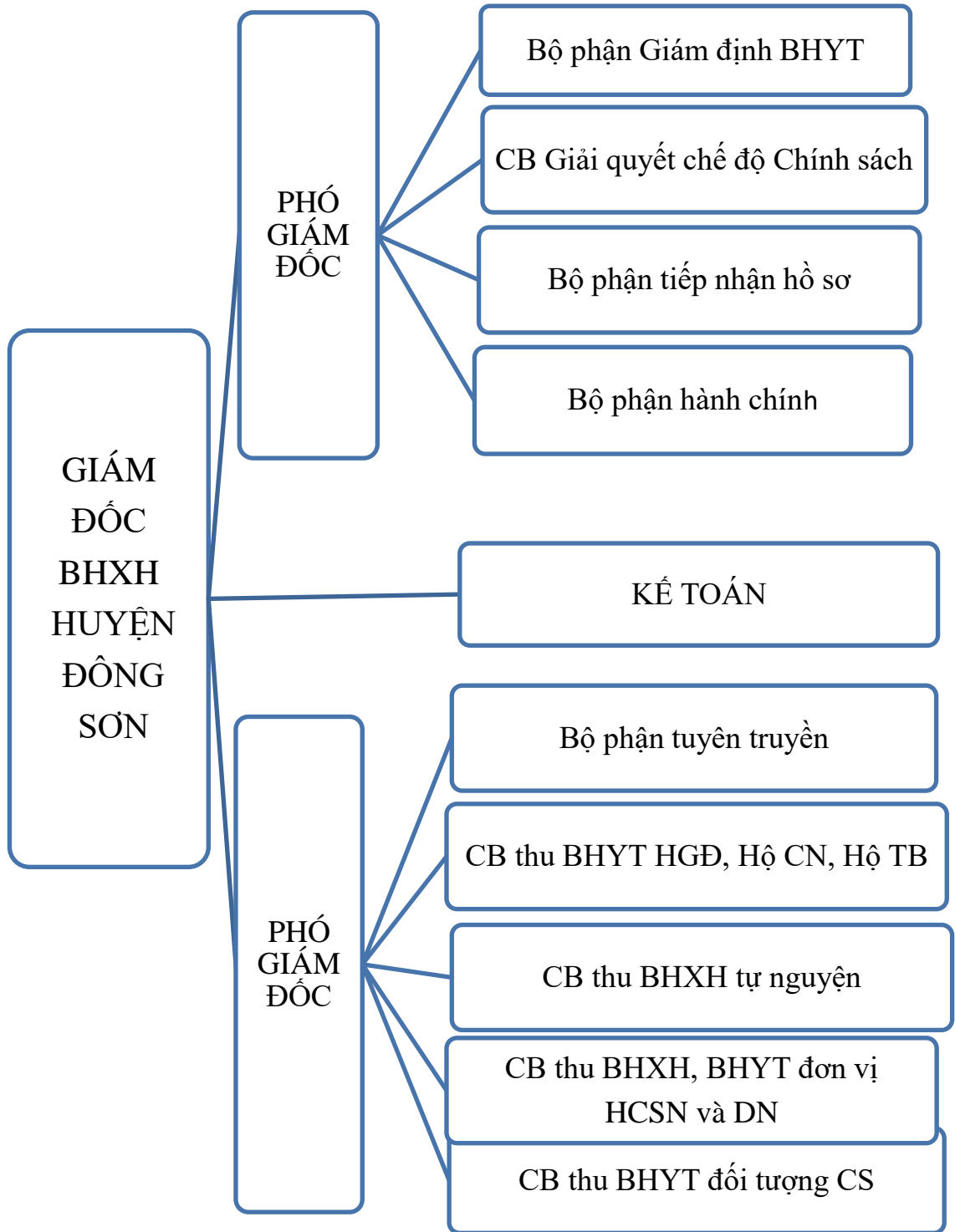
**PHỤ LỤC 6****Kết quả thực hiện chi NS cho ASXH và hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ  
huyện Đông Sơn giai đoạn 2018 - 2022***Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Chi NS</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Chi NS cho an sinh xã hội	28.480	29.138	27.095	28.846	29.45
Chi NS cho hoạt động Vì sự tiến bộ của phụ nữ	60	60	60	60	60

*(Nguồn: Phòng LĐ và TBXH huyện Đông Sơn)*

**PHỤ LỤC 7**

**Tổ chức bộ máy thực thi chính sách bảo hiểm xã hội huyện Đông Sơn**



*(Nguồn: BHXH huyện Đông Sơn)*

**PHỤ LỤC 8**  
**BẢNG CÂU HỎI CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**  
**ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI HUYỆN ĐÔNG SƠN**

Xin chào Ông/bà, Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “*Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa*”. Rất mong Chị vui lòng dành ít thời gian để giúp tôi hoàn thành các câu hỏi trong cuộc nghiên cứu này. Tất cả ý kiến của Chị sẽ được bảo mật, mong nhận được sự cộng tác của Chị. Xin chân thành cảm ơn.

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:.....

Số điện thoại:.....

Tuổi: ..... Địa chỉ:.....

**II. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH** (*Khoanh tròn trước câu trả lời lựa chọn*)

**1. Vui lòng cho biết nghề nghiệp hiện tại của Ông/bà:**

1. Công nhân/nhân viên
2. Công chức/viên chức
3. Nông dân/Nội trợ
4. Khác: .....(*Vui lòng ghi công việc hiện tại*)

**2. Ông/bà vui lòng cho biết mức thu nhập hàng tháng hiện nay?**

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| 1. Từ 1 - 3 triệu đồng | 2. Từ 3 - 5 triệu đồng |
| 3. Từ 5 - 7 triệu đồng | 4. Trên 7 triệu đồng   |

**3. Ông/bà cho biết bản thân đã được tiếp cận với Chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, giảm nghèo hay chưa?**

1. Chưa tiếp cận
2. Vốn vay NH Chính sách xã hội
3. Vốn vay NH Nông nghiệp và phát triển Nông thôn
4. Vốn vay từ các ngân hàng khác



**4. Ông/bà cho biết việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ đâu?**

1. Từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng
2. Tổ chức hội đoàn thể
3. Chính quyền địa phương
4. Do bản thân tự tìm hiểu

**5. Nhận thức về tầm quan trọng của việc tham gia BHXH đối với phụ nữ?**

- |                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| 1. Không quan trọng | 2. Ít quan trọng  |
| 3. Bình Thường      | 4. Quan trọng     |
|                     | 5. Rất quan trọng |

**6. Ông/bà cho biết nguyên nhân không tham gia BHXH là gì?**

1. Do thu nhập bấp bênh không có đủ khả năng tài chính tham gia
2. Do quyền lợi tham gia BHXH tự nguyện chưa phù hợp với phụ nữ.
3. Do phải đóng phí hoàn toàn không được hỗ trợ.
4. Do đã đóng BHXH bắt buộc.

**7. Theo Ông/bà chính sách an sinh xã hội nào quan trọng đối với phụ nữ nhất?**

1. Chính sách việc làm, tăng thu nhập
2. Chính sách BHYT, BHXH
3. Chính sách trợ giúp xã hội
4. Các chính sách về dịch vụ xã hội

**8. Ông/bà cho biết việc tiếp cận thông tin về chính sách an sinh xã hội của phụ nữ**

1. Từ truyền thanh, truyền hình
2. Từ chính quyền địa phương
3. Qua sinh hoạt các tổ, nhóm, CLB
4. Qua công tác tuyên truyền, tập huấn Hội LHPN các cấp

**9. Đánh giá về kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ giai đoạn 2017 - 2022**

- |                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| 1. Hiệu quả rất cao | 2. Rất hiệu quả   |
| 3. Hiệu quả         | 4. Chưa hiệu quả  |
|                     | 5. Không hiệu quả |

*Xin cảm ơn Anh/chị!*

## **PHỤ LỤC 9**

### **PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU**

*(Dùng cho đối tượng: Cán bộ thực hiện chính sách An sinh xã hội đối với phụ nữ trên địa bàn huyện và xã)*

1. Đánh giá của Ông (Bà) về tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn hiện nay?
2. Huyện Đông Sơn đã có những chính sách gì để thúc đẩy tỷ lệ XKLD tại địa phương trong những năm qua đều vượt chỉ tiêu. Định hướng trong thời gian tới về những chính sách tạo điều kiện cho lao động nữ đi XKLD?
3. Kết quả nổi bật trong việc thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ tại địa phương?
4. Những chủ trương, chính sách cụ thể của địa phương về thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn?
5. Biện pháp nhằm tăng tỷ lệ phụ nữ mua BHYT, BHXH?
6. Hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ tại địa phương?
7. Những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên?
8. Công tác tham mưu của phòng, ban, ngành đoàn thể để thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn đạt hiệu quả cao?
9. Những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức xã hội đối với phụ nữ ?
10. Giải pháp nâng cao việc thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ, công tác bình đẳng giới trên địa bàn hiện nay?
11. Để thực hiện các biện pháp này tốt hơn, Ông (Bà) có khuyến nghị gì không?

***Xin cảm ơn Ông (Bà) đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành bộ câu hỏi***

**PHỤ LỤC 10**  
**PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU**

*(Dùng cho đối tượng phụ nữ được thụ hưởng chính sách An sinh xã hội)*

1. Bà/chị có được hưởng những chính sách an sinh xã hội của địa phương hay không?

2. Bà/chị có biết hiện nay địa phương đang thực hiện những biện pháp gì nhằm hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay không?

3. Bà/chị có tham gia Bảo hiểm xã hội? Bảo hiểm Y tế không? Vì sao?

4. Bà/chị cho biết gia đình có được vay vốn vay ưu đãi nào từ Ngân hàng chính sách, các vốn hay do Nhà nước hỗ trợ hay không? Hiệu quả của những vốn vay như thế nào?

5. Địa phương có những biện pháp nào hỗ trợ phụ nữ giải quyết việc làm không? Hiệu quả của những biện pháp đó?

6. Công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện chính sách có thường xuyên k?

7. Bà/chị có khuyến nghị gì với Nhà nước, địa phương nhằm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trong thời gian tới?

***Xin cảm ơn Bà/chị đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành bộ câu hỏi!***

## PHỤ LỤC 11

### PHỤ LỤC ẢNH



**Hình ảnh 1:** Phỏng vấn đ/c: Lê Thị Vui - HUV, Chủ tịch HLHPN  
huyện Đông Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2023



**Hình ảnh 2:** Phỏng vấn đ/c: Lê Thị Thu Hà - Phó trưởng phòng LĐ TB-XH  
huyện Đông Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2023





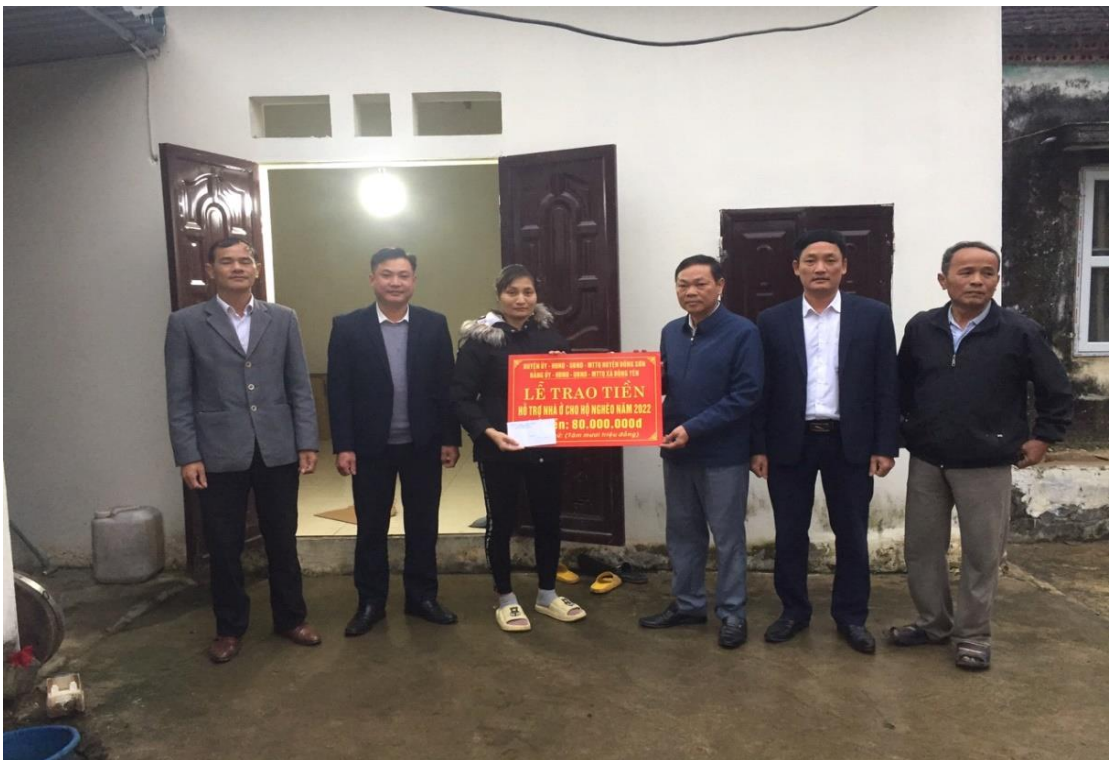
**Hình ảnh 3:** Khảo sát phụ nữ về thực hiện chính sách ASXH tại xã Đông Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2023



**Hình ảnh 4:** Trao bò giống cho phụ nữ nghèo tại xã Đông Yên (sưu tầm)



**Hình ảnh 5:** Hội LHPN huyện Đông Sơn trao tặng nhà MATT cho phụ nữ gặp thiên tai, hỏa hoạn tại Đông Yên, tháng 5 năm 2023



**Hình ảnh 6:** Huyện Đông Sơn trao tặng nhà cho phụ nữ nghèo (sưu tầm)





**Hình ảnh 7:** BHXH huyện Đông Sơn tổ chức tuyên truyền về BHXH TN, BHYT (sưu tầm)



**Hình ảnh 8:** Ngân hàng CSXH thực hiện giải ngân vốn vay tại điểm giao dịch xã (sưu tầm)